

Nguyên tác: Pháp Sư Bà Tâu Bạt Ma
Việt dịch: Thích Như Điển

Luận về
Bốn Chân Lý

Hội Giáo Dục Từ Thiện Sariputra
Xuất bản năm 2006

Mục Lục

1. Quyền Thứ Nhất.....	9
1.1 Phẩm Tư Trạch (Thứ Nhất).....	9
1.2 Phẩm lược nói (Thứ Hai)	41
1.3 Phẩm Phân Biệt Khổ Đế (Thứ Ba).....	48
2. Quyền Thứ Hai.....	69
2.1 Phẩm Phân Biệt Khổ Đế	69
2.2 Phẩm Tư Lương Tập Đế (Thứ Tư)	91
3. Quyền Thứ Ba.....	113
3.1 Phẩm Phân Biệt Diệt Đế (Thứ Năm)	113
4. Quyền Thứ Bốn.....	135
4.1 Phẩm Phân Biệt Đạo Đế (Thứ Sáu)	135
5. Cùng Một Tác Giả	186

Luận về Bốn Chân Lý

Thứ tự kinh văn số 1647. Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng kinh quyển thứ 32 thuộc về luận tập bộ toàn, từ trang 375 đến trang 399

Pháp sư Bà Tẩu Bạt Ma tạo ra luận này, Đòi Trần nước Ấn Độ Ngài Tam Tạng Chơn Đế dịch từ chữ Phạn ra chữ Hán.

Sa Môn Thích Như Điển, Phương Trượng chùa Viên Giác Hannover Đức quốc dịch từ chữ Hán sang tiếng Việt. Bắt đầu dịch từ ngày 9 tháng 8 năm 2006 nhằm ngày 16 tháng 7 năm Bính Tuất tại thư phòng chùa Viên Giác Hannover.

I. Quyển Thứ Nhất

I.1 Phẩm Tư Trạch (Thứ Nhất)

Bát nhã khắp các pháp
Lòng từ nhiếp chúng sanh
Vô tướng nói chánh pháp
Đảnh lễ bậc trời người
Đại Thánh Chiên Diên luận
Nói lược nghĩa sâu xa
Đại đức, Phật Đà Mật
Rộng nói lời và nghĩa
Lần lượt tô bồi thêm
Rộng lược nghĩa tương xứng
Chơn lý, tướng hòa nhau
Ta thấy hai luận rồi
Liên bỏ chỗ rộng rãi
Nên tạo luận trung bình
Lợi ích nói người nghe
Chánh pháp được lâu bền
Nếu người thấu Tứ Đế
Bốn niềm tin khó động
Chẳng hề thấy mặt khác
Quyết lìa bốn đường ác

Cùng tám người, trời, thức
Sau tất đến chỗ khổ
Nên tạo luận Tứ Đế
Chẳng do chỗ muốn đủ
Duyên khởi nghĩa nhiều loại
Ý câu trước sau sẽ
Khó kia và ý nghĩa
Tổng biệt tướng cùng lý
Chúng nghĩa cùng thí dụ
Nương thuyết Tứ Đế này
Nguyện chúng sanh rõ biết
Được cõi trời, Niết bàn.

Thánh Đế có bốn. Đây là lời trong kinh và do
nơn gì duyên gì mà Đức Thế Tôn Như Lai nói
kinh này? Vì sao Thánh Đế lại chỉ có bốn mà
không hơn không kém? Sao nghĩa là Thánh và sao
gọi là Đế? Hay lấy chữ Thánh để tạo ra chữ Đế
chẳng? Trước đó cả hai chẳng có tên là Thánh Đế,
nếu nói Thánh nghĩa là Đế thì việc này chẳng phải.
Lại có kinh nói rằng: Đế (chơn lý) chỉ có một chứ
không bao giờ có hai. Sao lại có bốn nghĩa mà
chẳng bị sai trái?

Lại có kinh nói rằng: Tất cả các pháp hành đều
là khổ. Do vậy chỉ có hai Đế. Do đó mà nghĩa Tứ
Đế chẳng đúng.

Lại nữa trong kinh Tăng Nhất nói: Sự an lập các pháp từ một đến hai cho đến nhiều. Vì sao ý nghĩa của Đế ấy lại riêng rẽ chẳng tăng hơn một? Lại nữa bốn tướng ấy lại chẳng giống nhau. Tại sao cùng một lúc mà được cùng thấy? Lại nữa Tứ tướng của Bà La Môn Đế cùng với Thánh Đế có nghĩa gì sai khác chẳng? Tiếp nói kệ rằng:

Sao gọi Tứ Thánh Đế
Chẳng Đế, cảnh không có
Chỉ hai, tăng cùng thấy
Tịnh Thánh Đế khác gì?

Vì sao chư Phật ở trong Tứ Đế đều cùng chung một ý? Vì sao chỉ lấy Tứ Đế mà chư Phật cho là cao cả để nói? Vì sao lại cùng quán Tứ Đế làm cảnh? Trí huệ bình đẳng mà kết quả lại có sự sai biệt? Vì sao các vị A La Hán đối với Tứ Đế trí tuệ viên mãn chẳng dư mà không giống với chư Phật là được nhất thiết trí? Nếu không giống nhau vậy thì trong Tứ Đế có chỗ chẳng rõ. Nếu tất cả pháp đều ở trong Tứ Đế thì hơn hẳn xa Ba Diệp Thí Kinh; nên mau giải cứu. Nếu chẳng giải cứu thì sẽ có Ngũ Đế. Nếu không là Ngũ Đế thì các pháp khác đều là phi Đế. Nếu các khổ có bốn mà tên gọi Thánh Đế và lại nói: một sự khổ cũng đầy đủ là Thánh Đế rồi. Như thế thì kinh ấy tức chẳng cần nói nữa. Nếu thế thì Tứ Đế nên biết và nói là khổ.

Nghĩa này thật chẳng đúng. Nếu biết một Đế lại biết các Đế khác nữa, mà sau đó còn nói thêm ba Đế nữa thì quả thật không cần thiết. Vì sao ở phía trước nói khổ đế mà chẳng nói nguyên như trước cái quả ấy? Có gì sai khác giữa một và hai duyên sanh.

Vì sao nói Diệt Đế sau rồi tiếp theo mới đến Đạo Đế? Lại nói kệ rằng:

Một ý, quả ấy chơn,
Nhất thiết trí như lá,
Bốn khác một, chẳng dùng,
Đầu khổ như duyên diệt.

Thánh Đế có bốn. Vì sao Đức Thế Tôn lại nói kinh này?

Đáp: Vì có các đệ tử muốn chứng Thánh đạo và trước đó ở nơi ngoại đạo đã thọ pháp tà, hoặc những việc hay làm của ngoại đạo như đạo không ở yên một chỗ, đạo hộ mệnh, đạo sai biệt, đạo lão Thanh Văn, đạo Tư Cù Đàm, đạo lấy cánh chim làm áo, đạo nước lạnh, đạo để tóc, đạo lửa, đạo khóa thân v.v... Như vậy các đạo ấy mỗi mỗi đều rõ biết pháp ấy rồi và chỉ biết pháp của mình là chơn thật, chẳng có chân lý nào khác, chẳng sai quấy, chẳng chết, lấy đó làm kết quả; còn các pháp khác thì chẳng đúng. Nghe như thế rồi không có trí

quyết đoán được và chẳng biết pháp nào là chơn thật và ai là chẳng đúng. Vì các đệ tử mà đối với Đế, phi Đế đã khởi lên vô minh hoặc làm Đế hiển thật. Do vậy mà Đức Phật đã nói ra kinh này. Ví như có người khoa trương loại đồ anh lạc giả và ở đây muốn làm cho thấy loại anh lạc thật.

Lại nữa có các pháp sai biệt; nên nói nghĩa như thế này. Kẻ bỏ tục xuất gia giữ tướng Sa Môn, ở nơi A Lan Nhã, hành pháp đầu đà, gặp ngay bạch pháp giảm thiểu tiền tài, thủ hộ tâm quý, chứng được giới đức, không chế các căn, tôi luyện nội tâm để chiến đấu với thiên định. Những ai mà làm được như thế thì tự họ chính là những vị Sa Môn của ta. Vì những Sa Môn khởi lên tăng thượng mạn, cho nên ta làm cho thấy rõ được những Sa Môn chân thật vậy. Đối với trong chánh pháp thành vị Sa Môn đúng nghĩa, chẳng phải do làm nhiều như trong Kinh Sa Môn nói. Nếu có được như thế đầy đủ như đã nói trong kinh thì đây thật là pháp Sa Môn. Do quán Tứ Đế nên được thành lập. Chẳng phải do sự tu hành có tính cách thế gian làm cứu cánh để được lưu hành mà gọi là Sa Môn, như kệ khóa thân nói.

Lại nữa ở đây miến được chín napan. Việc này đã có trước Phật, để cho xa lìa pháp này và lấy thiện căn, dầu thơm huân tập nơi tâm này và nơi con đường Thánh ấy là món ăn của ý, của việc làm

đầy đủ thanh tịnh, nên đã cùng với Thánh Đế thông đạt và tâm siêng năng và làm cho khuất phục nơi Thánh Đế và được biết như là vị thuốc vậy. Do đó Đức Thế Tôn nói ra kinh này cũng giống như muốn trị bệnh thì vị thầy thuốc phải cho thuốc. Lại khi nghe con đường ác, khổ, thật khó sanh tâm nhẫn, tâm sợ hãi xa lìa và vì những người này mà hiển ra như duyên để làm cho chẳng bị đọa lạc vào con đường ác, cho nên nói ra kinh này, vì sao vậy?

Vì lẽ khi bị sanh vào địa ngục thì các chúng sanh sáu phương đều bị lửa vây đốt cháy, thân thể bị nhắc lên giống như đốt sắt. Khi ra vào đều bị lửa vây chặt thiêu đốt thọ khổ. Lại có những người đói khát phải ăn hòn sắt nóng và uống nước đồng sôi hoặc bị chém, hoặc bị phanh thây, cưa chặt thành khúc chịu khổ; lại có chó dữ chim sắt mổ cắn ăn thịt. Hoặc thọ sanh vào ngạ quỷ, đói khát khổ sở thường hay theo thân. Cổ họng như kim châm hằng muốn ăn uống nhưng chung quy chẳng bao giờ no. Sự khát nước hành hạ muốn có nước nhưng do vì nghiệp đã tạo, đã đến gần sông rồi lại thấy toàn là nước sôi; hoặc thấy máu huyết phần dãi hôi thối đầy khắp, gập cây có quả lại biến thành cây không trái. Như kệ nói rằng:

Nóng như trời mùa hạ,
Gió gập sức lửa đốt,

Giọt mưa như thấm biển,
Che lấp như nung nấu.

Cho nên ngã quý thọ khổ vô cùng. Hoặc sinh vào con đường súc sanh thường bị cầm điếc và hay bị giết phá, cùng ăn thịt nhau rồi sanh ra sợ hãi nghi ngờ, tâm thường chẳng an, thọ khổ như vậy. Hoặc sinh Tu La oán kết sự keo kiệt, kiêu mạn và khi phạm thọ rồi thì chịu khổ. Đệ tử của Phật nghe sự khổ ở những đường ác rồi sợ bị đọa vào kia, do vậy muốn rõ biết Tứ Đế để chẳng bị đọa vào đó, là như duyên nói ra kinh này. Cũng giống như người bị trôi vào biển liền dùng chiếc thuyền để cho và làm cho cứu được sự chết. Như trong kinh nói:

Nếu có chúng sanh nào đối với sự khổ này hay thấy như thật, liền được giải thoát bốn con đường ác và tất cả những sự khổ của sanh, già và bệnh. Lại nữa vì làm cho chúng sanh xa lìa năm loại tà, lời nói ngông cuồng. Một là có thể sanh vào đường ác; hai là theo việc làm của người xấu; ba là xa rời người hiền; bốn là hay phát khởi phiền não; năm là lấy việc dối trá làm chính. Vì làm cho thuyết kia được lợi ích các chúng sanh; nên có năm phân chánh ngữ. Một là tương ưng với cái đức của mình; hai là làm theo người hiền lương; ba là sanh ra các căn lành; bốn là làm cho xa rời rừng sanh tử chém giết nhau; năm là làm cho được an vui, lìa năm lời

nói tà ngụy và thực hành được năm lời nói đúng đắn, cho nên nói ra kinh này. Giống như bỏ vật quý giả mạo lấy vật quý chân thật.

Như trong kinh nói: Đừng nói lời tà lời ác. Nếu chư Tăng tụ họp nên làm hai việc. Một là im lặng như Thánh; hai là nói năng chánh pháp như Thánh.

Lại nữa có những kẻ phàm phu họ tự chấp trước những dị biệt Đệ như tôi chấp cái này là thật, kia chấp đó là sai. Do sự chấp trước này mà cùng nhau sinh sự, cũng giống như người mù xem voi. Vì muốn chỗ hơn không sai mà tranh luận, lại chẳng khởi lên sự điên đảo. Vì đây là Thánh Đệ trí tuệ nên mới nói kinh này. Vì hiện bày ra ý này để cho những kẻ chấp trước, nói thường hay đoạn mà những người này sinh ra đấu tranh, khi người ấy thấy được Tứ Đệ liền chẳng như thế vì rõ biết chỗ không rồi vậy. Như kinh Khru Đa Kha nói.

Lại nữa hay nương vào Thầy ở nơi vắng vẻ, thọ hạnh đầu đà, làm giảm thiểu nhu cầu, gìn giữ sáu căn, tiết giảm sự ăn uống; đầu, giữa, cuối đêm hay rõ vui và một lòng nghe, như chơn lý mà suy nghĩ nói năng đọc tụng lời chơn chánh. Ngồi ngay ngắn thiền định đếm hơi thở quan sát. Do nhơn duyên này mà luôn luôn được thành thực. Tâm địa

nhẹ nhàng; hoặc sự giao động ít. Vì những người này làm cho rõ biết; nên nói kinh này, như người rõ biết thì cho thuốc thang làm lợi lạc. Vì chơn thật nghĩa, duy chỉ lấy trí căn, cốt chỉ làm cho rõ biết. Nên biết rằng đây là căn duyên của Bốn Thánh Đế. Như trong kinh đã vì sự rõ biết mà nói. Lại nữa vì phá Tư hoặc mà hiện ra hai phương tiện nên nói kinh này. Như kệ nói rằng:

Sanh khởi, diệt lìa sáng,
Nhiều loại chấp nơi tà,
Thấy gồm sáu hai loại,
Vô minh nơi nhân quả,
Bậc thánh rõ việc này,
Muốn hiện lý bất động,
Tạo ra duyên giải thoát,
Nên Phật nói kinh này.

Lại nữa ngay cả Phạm Thiên hay loài người, Bà Lợi hay Tu La, Rồng v.v..., cùng với các thần Dược Xoa, Diêm Ma v.v... Nếu chẳng thấy được Tứ Thánh Đế thì chẳng ra khỏi ngục tam giới như con tằm trong kén, luân chuyển trong sáu đường giống như bánh xe lăn vào chỗ tối tăm rồi lún sâu vào chỗ nguy hiểm gặp lửa đốt cháy chung quanh. Nếu rõ biết được Tứ Thánh Đế liền phá chỗ tối tăm vô minh, được trí sáng suốt, giải thoát khỏi bốn

đường khổ, không còn bị trói buộc vào đó là do Tứ Thánh Đế này chơn thật, chẳng hai, chẳng điên đảo, chẳng đấu tranh, hay thành Như Lai, xuất thế hữu dụng nơi đời. Vì muốn hiểu rõ lý ấy mà nói kinh này. Luận chủ muốn hiểu Tứ Đế nghĩa không có gì sánh bằng; nên nói kệ rằng:

Biết ngoài Đế chẳng lìa,
Luật, lý hành hơn kia,
Chẳng thể độ sanh già,
Chết ưu bi biển lớn,
Đây là kẻ Thánh trí,
Tham sân tạo đấu tranh,
Kẻ trí cầu giải thoát,
Ngoài Đế không nên biết,
Nếu người rõ Thánh Đế,
Rõ biết đường tà ác,
Lìa nơi chỗ nhiễm độc,
Thường hành nơi bốn tâm,
Những khổ ở đây khắp,
Giải thoát ngục tam giới,
Rõ biết cầu Niết Bàn,
Nên thấy rõ Thánh Đế.

Lại nói thêm kệ rằng:

Đệ tử và Sa Môn,
Xa lìa đường sợ hãi,

Sai trái cùng tà chấp,
Bậc Thầy phá hiển phàm.

Sao gọi là Thánh Đế? Tại sao chỉ có bốn mà không nhiều hơn lại cũng chẳng ít hơn?

Đáp: Câu hỏi này chẳng phải là hỏi. Vì tất cả nơi như thế đều vô cùng. Lại nữa do thân kiến, đoạn kiến, thường kiến, vô sự kiến và vì sự đối trị bốn loại này cho nên Thánh Đế chỉ nói bốn. Lại nữa vì để đối trị với bốn loại điên đảo nên nói Tứ Đế. Giống như Tứ Niệm Xứ. Lại nữa vì để xa lìa bốn việc tà chấp, bởi do chúng sanh có tất cả bốn loại tà chấp nên mới nói vậy. Những gì là bốn?

Đó là quả nhơn giải thoát phương tiện tà chấp; một là quả tà chấp. Ta thấy niệm ái nghiệp là chỗ sanh ra để các ám giới nhập vào. Sự bất tịnh hôi thối giống như thân chó chết. Ba khổ đốt cháy rơi vào chỗ khô. Vô thường cứng như kim cương cũng bị phá hoại. Ta và những gì thuộc về ta là kẻ tạo tác ra và kẻ thọ lãnh sự tạo tác ấy. Làm cho kẻ thọ nhận ấy là chỗ xa lìa và ở trong ấy chấp về **thường, lạc, ngã, tịnh**. Đây chính là chấp tà về kết quả. Vì để lìa khỏi sự chấp này nên nói **Khổ Thánh Đế**.

Hai là kẻ chấp tà vào nguyên nhơn. Nghĩa là Thế chủ, Phạm Vương, Tự Tại và con người cho rằng cùng lúc tự tánh nhất định tự nhiên và không

có nguyên nhơn đời trước do thế nói rằng: Đất, nước, lửa, gió, lẫn hư không đều chẳng có. Đây là chẳng có nguyên nhơn không bình đẳng và chấp vào nhơn để làm sanh nhơn. Đây gọi là chấp vào nguyên nhơn tà. Vì để lìa khỏi sự chấp tà này cho nên nói **Tập Đế**.

Ba là chấp tà vào sự giải thoát. Trở về năm, nhập vào Tỳ Nữu thể lực (Visnu) rồi nhập vào không. Cho đến ở nơi thế tục không bị khổ, được tồn tại độc lập bên trên, lìa ngũ đức và quả tam định, rồi bỏ từ từ, rồi bỏ hẳn. Như thế là kẻ chấp vào sự giải thoát chẳng phải định chẳng phải vĩnh cửu gọi là chấp vào sự giải thoát. Vì để phá vào chấp này nên nói ra **Diệt Đế**.

Bốn là chấp vào phương tiện tà. Nghĩa là xa lìa ngũ trần, ăn uống, y phục, chỗ ngồi nằm, sinh sống v.v., như gió, nước, hoa, quả, gốc, mầm, cành, lá, lúa gạo, dầu mè, phân bò, dùng những thứ này làm đồ ăn uống. Dùng vỏ cây hoặc cỏ hay da dê, lấy những thứ này trên mặt đất rồi lấy chày giả cho nhuyễn ra để nằm lên trên ấy; hoặc đầu chúc xuống chân đưa lên; hoặc tùy theo hướng của mặt trời mà hướng thân theo đó. Hay mặc áo ấm để lặn vào trong nước, rồi đi trên lửa, nước mà không chìm; nương vào thời tiết, nghiệp hết chứ không có nguyên nhơn. Do những việc làm này mà chứng

được Niết Bàn. Đây có tên là chấp vào những phương tiện tà. Vì để lia những sự chấp trước này nên nói về **Đạo Đế**. Nên có bốn việc vậy, mà từ đó nói về Tứ Đế. Giống như con đường Thánh.

Lại nữa vì để phân biệt pháp hy hữu này; nên Thánh Đế lại có bốn. Vì sao vậy? vì lẽ chúng sanh chấp vào ám rồi nương vào chỗ chấp trước ấy. Nên nói khổ phải nên rõ biết mà chẳng có sự an vui thanh tịnh. Sự tham ái mất đi rồi, tức liền có sự tịch diệt. Cái khổ mất đi rồi thì sự ngã mạn cũng tịch diệt; nên phải đối trị với tâm khổ ấy. Bốn sự tu hành này làm cho vô minh mất đi và đạo chính là việc có thể đối trị lại với vô minh.

Lại nữa tất cả những người cầu giải thoát nếu diệt khổ sẽ được vui. Đây chính là điều quan trọng. Vậy phải diệt khổ ra sao? Lấy Tập mà diệt vậy. Được an vui là do tu đạo vậy. Đây chính là Thánh Đế vậy.

Kinh Luận Sư nói: Nếu người nào quán thấy sự sanh tử mà sợ hãi, quán Niết Bàn là công đức thì liền nhập vào chánh định vậy. Sự sanh tử sợ hãi nghĩa là sao?

Nghĩa là khi thọ sanh thì thức khởi lên theo. Thức này khởi lên là nguyên nhân khiến xảy ra sự tham ái. Còn Niết Bàn công đức là sao?

Nghĩa là thức chẳng khởi lên niềm vui và thức này cũng chẳng khởi lên phương tiện. Tức đây là Thánh đạo; cho nên nói ra Tứ Đế. Lại nữa phân biệt thể và xuất thể như quả, cho nên nói ra Tứ Đế. Lại nữa vì thông đạt bốn loại. Lại vì nương vào bốn loại nên nói ra Tứ Đế. Lại vì tướng riêng của bốn loại mà nói ra Tứ Đế.

Hỏi: Ý nghĩa của Thánh và nghĩa của Đế là thể nào?

Đáp: Thánh có Tám.

Một là tự tại. Nếu bị trói buộc vào kia tức chẳng tự tại. Đây tên là Bộc lệ (Nô bộc lệ thuộc), chẳng phải tên vì Thánh. Chư Phật và các vị đệ tử đối với tâm và pháp hai nơi tự tại. Cho nên gọi là Thánh.

Hai là chẳng tham ái nô dịch như hứa với người tự tại xuất gia.

Ba là hạt giống thánh phát sanh; nên gọi là Thánh như, như sanh vào giòng giống Bà La Môn.

Bốn là sanh nơi Thánh địa. Đất nghĩa là chơn thật chẳng sanh, giống như sanh vào ở giữa đất nước.

Năm nghĩa là những việc làm lìa sanh tử; như Bà La Môn.

Sáu là chẳng hề lên xe sanh tử; như xả bỏ chẳng đấm trước.

Bảy là chẳng hề sanh nữa; giống như hạt giống lép.

Tám là cung kính để vãng sanh, là phước đức vậy; giống như các vị Hoàng Đế. Lại có bài kệ tán rằng:

Tự tại lìa tham nô,
Giống thánh sanh đất thánh,
Xa rời chẳng lên xe,
Chẳng sanh, sanh cung kính.

Còn Đế có bảy nghĩa:

Một là chẳng điên đảo nên nghĩa là Đế, giống như tướng của lửa.

Hai là thật nên nghĩa là Đế, giống như trong kinh nói.

Ba là chẳng thay đổi nên nghĩa là Đế

Bốn là chẳng phải hai việc làm, nên nghĩa là Đế. Giống như cây Đề Già Xà Ya Đạt Đa.

Năm là chẳng liền khởi, nên nghĩa là Đế. Từ trí này chẳng liền khởi lên, chẳng cùng với hỏa luân trí.

Sáu là chẳng sai khác nên nghĩa là Đê. Giống như nghiệp và các Thánh giới.

Bảy là văn nghĩa tương xứng, nên nghĩa là Đê. Vì sao vậy? Nghĩa là sự khổ ấy chính là nghĩa của khổ. Do bảy nghĩa này; nên có tên là Đê.

Hỏi: Nếu dùng Thánh để gọi là Đê thì cả hai ở phía trước chẳng nên gọi là Đê. Lại nữa nếu nói Thánh Gia Đê nên gọi tên là Đê thì nghĩa này chẳng phải bất định sao?

Đáp: Đê chính là nhơn của Thánh, có thể sanh ra Thánh được. Ví như chỗ ở của Phạm Vương; cho nên gọi là Thánh Đê. Như trong kinh nói: Bốn điều đầy đủ ấy là Thánh và tương ưng với nghĩa ấy. Lại nữa Thánh nhơn cũng nói, cho nên gọi là Thánh Đê. Như vị Thầy chỉ đường, như trong kinh nói. Nếu là các Đức Như Lai thì phải dùng điều chơn chánh để nói và đều nói Tứ Thánh Đê.

Hỏi: Nếu các bậc Thánh nói thì gọi là Thánh Đê; còn phàm phu nói thì gọi là phàm Đê sao?

Đáp: Do thần lực của Phật nói và thành lập lời dạy của Phật theo chánh giáo; nên chẳng phải là chân lý của kẻ phàm. Như Xá Lợi Phất thực hành nhơn duyên. Lại nữa vì các bậc Thánh rõ biết trước, giống như thuốc tiên. Lại nữa các bậc Thánh nương vào sự chân thật cho nên gọi là Thánh Đê.

Ví như thế để hỏi rằng phàm phu nương vào chỗ thấy không thật nghĩa, chẳng phải Thánh, chẳng phải đế sao?

Đáp: Với con mắt không thanh tịnh tức chẳng thể thấy, giống như người mù mà chơn của quý, như người mắt yếu mà xem mặt trăng. Kẻ phàm phu say cuồng chẳng thể thấy được. Đây ví như cỏ phủ trên đầu 100 con voi. Lại nữa do trí tuệ huân tập để luận bàn và lấy làm thể của Thánh; nên nói là Thánh Đế; giống như chim, rấn cùng gạo. Lại nữa như trong kinh nói: Vô thượng Thánh huệ chiếu soi; nên gọi là Thánh Đế.

Hỏi: Lại có kinh nói rằng Đế chỉ có một, chẳng có hai. Sao lại có đến bốn nghĩa mà chẳng phải sai trái?

Đáp: Dùng nghĩa chẳng trái ngược nên chỉ một phẩm loại không khác. Còn bốn ở đây ví như bốn sự trái ngược, lại do nghĩa của Đế mà ra. Một dùng cho Thánh đạo. Bốn dụ như từng phần của con đường. Lại thông qua các pháp tướng. Một dụ cho sắc tướng khác. Bốn dụ cho tứ đại. Lại nữa vô ngã, bình đẳng vậy. Một là vô ngã, tất cả đều bình đẳng, giống như đồng dị vậy. Lại nữa chẳng thay đổi khác. Nương vào tâm giải thoát để nói để chỉ có một chứ không có hai. Vì sao vậy? Khổ và Thánh

Đế đều có sự đối khác như trong kinh nói. Tất cả những hữu vi, hư không là pháp bị hoại, thì một là chơn thật, không hoại tâm giải thoát. Như tướng biến đổi tương ưng, tất cả đều thật chẳng hư. Nghĩa của bốn ở đây cũng như thế. Cho nên Thánh Đế có bốn.

Hỏi: Lại có kinh nói: Tất cả các hành pháp đều khổ, duy chỉ hai Đế bốn nghĩa thì không thành?

Đáp: Đây là ý chỉ của phân biệt bộ nói. Tất cả các pháp hữu vi là vô thường, nên khổ. Chẳng phải do một nghĩa đế mà khổ. Vì muốn xa lìa điều này nên Đức Thế Tôn đã tu thanh tịnh phạm hạnh. Đây tên gọi là Khổ Đế.

Lại muốn nói rộng ra cho nên có bốn nghĩa chẳng khác. Lại có 3 loại khổ nói trong các kinh, tất cả các hữu phi đều nhiếp từng phần. Hữu vi khổ là nói đầy đủ phần như nương vào khổ khổ để nói về các loại khổ, khổ căn, khổ giới, khổ thọ v.v... nương vào sự hoại của hành khổ để nói, lại cũng như thế. Nương vào tất cả thọ để nói khổ. Nếu vô thường là khổ là nói tất cả hữu vi; hoặc nương vào hành khổ, để nói chỗ sanh khởi. Đây là khổ có sanh, là khổ do sắc sanh, tức là sự khổ sanh; hoặc nói đây là Khổ Đế, dùng nhiều ý để nói về khổ. Cho nên tất cả đều chẳng có chỗ sai khác. Lại nữa

không thay đổi, nương vào Niết Bàn để nói tất cả hữu vi là do khổ khổ vậy, do khổ tướng tương ưng với nhau, nên nương vào nghĩa Tứ Đế chẳng chạy đâu cả.

Hỏi: Lại nữa trong Tăng Nhất nói an lập các pháp từ một cho đến hai và đến nhiều nữa. Vì sao nghĩa của Đế chỉ độc có một mà không hơn?

Đáp: Vì là nghĩa chơn thật vậy, chẳng phải điên đảo. Phật nói tất cả đều là chơn lý (Đế). Duy có một, hai, ba thì gọi là tăng; chứ Đế thì không tăng hơn một vì phân biệt Đế để quán nên nói có bốn. Vì an lập trí và tướng nên giống như Tứ Niệm Xứ, như phía trước như duyên thành lập Tứ Đế. Nghĩa này nên biết, vì biết Thánh Đế nên là bốn. Biết khổ có nguyên nhân, tức thấy được pháp. Như trong kinh nói: Nếu người nào rõ biết được mười hai duyên sanh tức là rõ biết pháp, thông đạt mười sáu tướng xuất thế đều do thấy rõ được chân lý vậy. Nhân duyên cột chặt chính là nghĩa của vô thường, giống như nghe tiếng mà Nan Đà đã trải qua sự chứng ngộ. Vô thường chính là khổ, mà khổ thì vô ngã, mà vô ngã chính là không. Người nào rõ biết điều này, ấy chính là rõ biết pháp, rành rẽ mười sáu tướng được tịch diệt và lìa khổ. Đây chính là nghĩa ấy. Thánh Đế có bốn, lại nói là tối thượng phẩm,

chẳng cùng với cảnh giới của trí, cho nên không tăng hơn một.

Hỏi: Lại có bốn tướng chẳng giống nhau. Vì sao trong một lúc mà lại cùng thấy được?

Đáp: Do tướng vậy. Trong kinh nói do sự tu tập tướng về vô thường, bạt trừ tất cả tham ái, đây là tướng cảnh giới, tức chính là Khổ Đế. Tất cả sự tham ái chính là Tập Đế. Bạt trừ tất cả chính là Diệt Đế. Vô thường tướng chính là Đạo Đế! Đây chính là nghĩa này vậy. Duy bốn chẳng đồng với một thì thấy được, lại do sự chọn lựa của tư tưởng mà có, như trong kinh nói: Nên tưởng về nguyên nhân vô thường rồi chọn lựa năm ấm tham ái, chưa sanh liền được sanh, sanh rồi lại mất đi. Trong này ngũ ấm chính là Khổ Đế; sự tham ái chính là Tập Đế. Chưa sanh và diệt tức là Diệt Đế. Vô thường và sự chọn lựa chính là Đạo Đế. Đây là ý nghĩa vậy, nên một lúc mà thấy được bốn chân lý.

Lại nữa do quán về sự mất mát vậy. Như nung vào kinh để quán về kết xú là chỗ tổn thất của tham ái, tức là Diệt. Kết xú chính là Khổ Đế. Tham ái chính là Tập Đế. Diệt tức là Diệt Đế. Quán về sự sai trái mất mát tức là Đạo Đế. Đây chính là nghĩa mà cùng lúc thấy được chơn lý. Lại nữa cùng một lúc thấy được chân lý cũng giống như lửa. Lửa

có thể đốt cháy các vật, cùng lúc có thể đốt mà có thể chiếu sáng. Quán về Đế cũng lại như thế. Cái này sinh cái kia mất; mỗi mỗi tự tướng đều lia diệt, chứng tu đồng tại một lúc.

Lại nữa giống như mặt trời có thể đốt cháy các vật; nhưng nhờ nước mà nuôi hoa và mỗi mỗi có tướng khác nhau. Sự đốt cháy ấy cùng lúc phá, dưỡng. Đây sự quán về chân lý cũng thế. Lại nữa giống như cây đèn. Cây đèn cũng có thể đốt cháy các vật mà khi cho dầu vào thì sáng lên và mỗi mỗi đều có tướng khác. Sự đốt cháy và chiếu sáng ấy cùng trong một lúc. Sự quán về chân lý cũng như vậy. Lại giống như chiếc thuyền. Thuyền có khả năng chuyên chở đến kia và chẳng giống tướng của vật. Nghĩa là bên này bên kia hai bờ vật đến vật đi. Cùng chuyên chở và cùng lia khỏi ngay một lúc. Như vậy quán về chân lý lại cũng như thế.

Phân Biệt Bộ nói: Nếu tu khổ tướng, quán đạt tâm sanh diệt, sợ hữu vi, tu vô nguyện giải thoát môn. Nếu quán hữu vi, duy chỉ có sanh diệt, chẳng thấy những pháp khác, tu không giải thoát môn. Nếu quán tịch tịnh, chẳng thấy hữu vi và tướng sanh diệt thì tu vô tướng giải thoát môn. Trong đây tướng khổ chính là Khổ Đế. Tướng sanh tức là sự phiền não. Nghiệp, ấy chính là Tập Đế. Tướng diệt chính là Diệt Đế. Pháp này có thể làm cho tâm lia

tướng, thấy vô tướng. Đây chính là Đạo Đế. Nếu thấy pháp vô vi, yên lặng lìa sanh diệt thì bốn nghĩa thành một lúc. Điều khác này của vô vi tịch tịnh có tên là Khổ Đế. Do trừ được điều này nên pháp vô vi tịch tịnh đây gọi là Tập Đế. Pháp vô vi chính là Diệt Đế. Có thể quán điều này tịch tịnh và thấy vô vi. Đây chính là Đạo Đế, dùng nghĩa này vậy. Bốn tướng tuy khác biệt; nhưng cùng quán được trong một lúc. Phía sau sẽ so sánh nhiều hơn, bây giờ chẳng giải nhiều. Có bài kệ tán rằng:

Tướng chọn lựa sai trái (lầm lẫn)
 Ví như lửa, đèn, thuyền
 Tướng khổ ra khỏi cửa
 Một lúc thấy Tứ Đế

Hỏi: Bà La Môn Đế và Thánh Đế có gì sai biệt nhau?

Đáp: Đức Thế Tôn chính là chơn Thánh, chơn Bà La Môn. Đế này chẳng có sự sai biệt, giống như Đế Thích cùng Thiên Đế vậy. Và lại Bà La Môn Đế là nhiếp chỗ Đạo Đế. Thánh Đế là đạo quả đối trị và đạo cảnh giới là chỗ nhiếp. Lại nữa một hướng thiện là Bà La Môn Đế. Còn thiện ác vô ký chính là Thánh Đế. Lại nữa chỉ có Đạo là Bà La Môn Đế và Đạo quả chính là Thánh Đế.

Hỏi: Vì sao chư Phật ở nơi Thánh Đệ đồng có một huệ?

Đáp: Vì thông đạt vô dư pháp và tương bình đẳng vậy; giống như dùng mắt tịnh để quán sắc. Lại nữa chẳng thấy được pháp vậy, giống như lửa nhiệt cháy sáng. Việc này đối với thế gian là một huệ cùng chỗ chứng. Lại giống như tấm kiến chiếu rõ mà chư Phật thông đạt cả pháp giới. Rõ biết điều này tất cả hai đời công đức như hiện tại, giống như tấm kính có nhiều nước, nhưng mặt trăng chỉ hiện lên đó có một hình ảnh. Liên tán bài kệ rằng;

Hai người một không khác,
Đạo thiện quả có khác,
Vô dư, chứng thấy vậy,
Kiếng pháp đều giống huệ.

Hỏi: Vì sao chỉ dùng Tứ Đệ mà chư Phật nói là cao cả hơn hết?

Đáp: Có thể mang chúng sanh ra khỏi biển sanh tử, giống như pháp xuất thế. Lại nữa chân lý ấy là tối thắng, giống như chân lý ấy hơn cả. Lại có thể nhiếp tất cả các pháp chơn thật. Giống như ví dụ hơn cả Đồ Ba Diệp. Lại giống như Phạm Thích sánh với chư Thiên chẳng thể thấy vậy. Niềm vui, sức lực của Tỳ Suu Nữu Thiên (Visnu) rõ biết chưa hết, mà trí viễn hành của các tiên nhơn đã được. Lại

nữa cũng có nghĩa là vô phân biệt trí cảnh giới. Lại hay rõ điều này tất cả công đức là chỗ trang nghiêm như Xá Lợi Phất và Đức Thế Tôn. Lại có nghĩa là đầy đủ. Do chỗ chẳng đồng; nên đây nói là công đức tối thắng! cho nên nói Tứ Đế là hơn cả.

Hỏi: Vì sao cùng quán Tứ Đế làm cảnh cho nên trí tuệ bình đẳng, mà cái quả lại có sự sai biệt?

Đáp: Chẳng phải do sự đồng cảnh cho nên trí tuệ cũng đồng. Ví dụ như định và tham dục. Lại nữa do trí huệ sai biệt cho nên quả ấy có sự khác nhau. Giống như do nghiệp lực sai biệt cho nên quả ấy có sự sai biệt. Lại vì tu theo con đường khác cho nên gặt quả chẳng giống nhau. Giống như hạt giống không giống nhau; nên kết quả cũng khác nhau. Lại nữa do sự quán khác nhau về thượng, trung, hạ phẩm nên gặt được quả không giống nhau.

Hỏi: Như A La Hán đối với Tứ Đế, trí độn ngoài ra chẳng khác với tất cả trí, tức là không sai biệt, nếu chẳng đúng thế thì ở nơi Tứ Đế có còn vô minh chẳng?

Đáp: A La Hán chẳng rõ ngoài Tứ Đế, mà cảnh giới của chư Phật thì không có vô minh. Vì sao vậy? cho nên nói rằng: A La Hán là chẳng biết gì ngoài Tứ Đế. Chẳng có vô minh, như trong kinh

Thắng Đồ Ba Diệp Du nói. Lại nữa đức Thế Tôn đã phán quyết rằng đối với khổ và Đé mà chẳng rõ; đó chính thị là vô minh. Chẳng rõ ngoài Tứ Đé bốn phần Bì Đà Bì Đà thì chẳng gọi là vô minh.

Lại nữa chánh đối với Đé, trí đối trị với phiền não; nên nói là vô minh; chẳng phải là chẳng biết tất cả trí. Bốn loại khác nói là vô minh. Vì sao vậy? Vì chính sự khổ một phần tương tục mỗi mỗi khác nhau, nương vào sanh tử trong vô thi. A La Hán lại chẳng thể thấy được tâm này. Như đã sanh rồi, do như thế này mà tăng thượng duyên, duyên vào nhau mãi cùng với tư duy, thiện ác vô ký v.v... Như thế như là chỗ sanh và duyên vào để nhiếp lấy. Như tại đất này là Tích Vị.

Lại nữa tâm thứ hai cùng với tâm giữa sau, như phương pháp này bắt đầu từ sát na, La Bà Mâu Hữu Đa (Lava: chỉ một thời gian ngắn; 60 sát na là một hơi thở; 10 hơi thở là một La Bà); ngày đêm nửa tháng, một tháng thời tiết năm tháng, sanh biến và diệt đi, tự nối tiếp nhau mà A La Hán lại chẳng thể thấy, hà huống có thể thấy tất cả loại khổ. Chính cái khổ của mình ấy lại chẳng thấy, làm sao có thể thấy cái khổ của người khác được. Vì vậy A La Hán chẳng thể thấy tất cả trí cảnh giới. Trong Tứ Đé tổng quát hay riêng lẽ chẳng có vô minh.

Lại nữa nếu lìa Tứ Đế để đối trị vô minh thì ngoài cảnh giới của trí lại có các pháp khác tồn tại. Thanh văn cảnh giới có A La Hán lại cũng chẳng thể thấy. Như Xá Lợi Phất nói: Ta chẳng thấy có người trời mà chỉ có thể thấy biết ta. Nhập vào định quán và xưng tán ta, làm cho cái ta thoát khỏi. Duy chỉ có Đức Thế Tôn gọi là tịch tịnh định, cho đến Mục Liên cũng chẳng thể giải là Xá Lợi Phất đã nhập đã khỏi. Cho đến hóa độ cho Nan Đà Ya Bà La Môn và ngoài ra Sanh Ưu Bà Đề Xá, như thế trí tuệ biện tài, giải nói tu tập v.v., họ đã chẳng thể được. Như Xá Lợi Phất, Ca Diếp Ba cũng lại như vậy. Cho nên lìa Tứ Đế để đối trị với vô minh thì đây gọi là phi trí. Đây không phải là vô minh.

Hỏi: Tất cả pháp, Tứ Đế đều nhiếp như trong kinh Thắng Đồ Ba Diệp Dụ, nên liền cứu giải; nếu chẳng cứu giải sẽ có Ngũ Đế. Nếu không có Ngũ Đế thì các pháp khác là phi đế chẳng?

Đáp: Tự nhiên mất, rồi chẳng ra ngoài khỏi Đế và cảnh giới của thức vậy. Cho nên chẳng thể quán. Vì sao mà chẳng thể quán? Vì biết rằng pháp này chẳng thể hết và khổ hết, chẳng xa lìa sự mong cầu nơi ngoại đạo, chẳng thấy, chẳng thể động như cờ của Đế Thích. Nếu rõ được điều này, chẳng thể gọi là rõ biết vi tế. Cũng như bắn phá tóc cho đứt thì chẳng thể làm được. Cho nên chẳng liền tu học.

Lại nữa cũng có luận sư nói rằng: Tất cả pháp đều do tướng, mà tất cả nhập vào Đế để nhiếp. Tuy nhiên Bỉ Đà và Bỉ Đà Phần Túc Truyền Thế Bản lượng phán hay luận Tăng Khứ Du Già Thật Quảng; Dục Trần Luận; Bỉ Thế Sư Luận; Y Phương Luận; Tướng Luận; Toán số Luận; Thời Trí luận; Thú luận; Nga Vực luận; Minh luận; Ca Vũ Trang Nghiêm luận; Nhơn Vũ luận; Thiên Vũ luận; Thiên Tiên Vương Truyền Đăng luận; Ngoại Đạo luận; thường làm những việc của ngoại đạo v.v., cho đến 96 loại. Lại có những loại dùng đến cỏ thuốc, cây, gai v.v., da cây, nhụy hoa, quả, lá cùng với sức lực và mùi vị thực đức v.v... Lại có thế gian bất khả tư nghì hy hữu, bốn loại biến dị lớn về nghiệp quả báo v.v... Có luận có thể phân biệt điều này. Phật nương vào luận này để nói Thắng Đồ Ba Diệp Dụ. Như thế các nghĩa chẳng vì người mà nói; chẳng sanh ra công đức vậy, có thể tạo nên những nghi hoặc, tăng trưởng những pháp hữu vi. Cho nên chẳng nói, giống như thuốc độc lại gặp thuốc tăng thêm. Để phản bác lại các chú thuật huyền hóa Bỉ Đa La Luận, vì làm tổn não kẻ khác mà Phật đã chẳng nói ngoài Tứ Đế này. Do đó mà không nói riêng.

Hỏi: Sao nói bốn khổ gọi là Thánh Đế mà cũng nói đầy những khổ là Thánh Đế? Như vậy thì

những kinh ấy tức chẳng phải nói. Lại theo lời người thì đối với sự khổ có tên là khổ. Như thế thì nghĩa này chẳng đúng chăng?

Đáp: Kinh này dùng trí để nói Khổ Đế và không phân biệt các cảnh nên nói bốn việc. Lại nữa do cảnh giới an lập vậy; nên trí được thành lập, giống như sáu thức. Lại cũng do công năng vậy. Trí thể duy nhất, đại để là bốn. Như Tứ Chánh Cần, rõ biết cũng lại như thế. Lại nữa Tứ Thánh Đế rõ biết là tất cả. Đối với Tứ Đế quán, nói trí là hơn cả. Do nghĩa này mà nói rằng sự rõ biết như cảnh.

Lại nữa muốn rõ và quyết định xa lìa thì chính là công đức Tứ Đế. Tùy theo đó mà nói một khổ cũng đủ Thánh Đế cùng với nghĩa ấy giống nhau, rồi rõ nghĩa để nói. Khổ ấy chính là liễu nghĩa chân lý. Vì sao thế? Phật bảo Khổ Đế có tướng sanh và an lập nơi bốn loại để quán. Nếu chẳng phải như thế thì tuy chỉ có một quán, đó là sự tu tập. Nếu lấy kinh này để phân biệt các Đế thì tuy chỉ một đế mà là chỗ Đạo Đế; nghĩa là chẳng nói Đế vậy. Kinh này chẳng chứng được nghĩa này nên nương vào A Tỳ Đạt Ma và tạng luận để được thành lập.

Hỏi: Nếu rõ biết một đế lại rõ biết các Đế khác, như vậy nói thêm ba Đế sau, chẳng ra vô dụng sao?

Đáp: Ta chẳng nói thấy Khổ Đế tức thấy các đế khác, Ta nói cùng lúc thấy được Tứ Đế. Cùng lúc lìa bỏ, cùng lúc trừ khử, cùng lúc được, cùng lúc tu. Nói các Đế khác chẳng phải là vô dụng, giống như nói Khổ Đế, lại có thêm cảnh giới làm chỗ ngăn chia số lượng, như nói Đạo số lượng. Lại có bốn loại tùy theo sự hiểu biết về một, rồi liền thông qua Đế khác. Ví dụ như rõ biết một hạt gạo, liền rõ biết những hạt gạo khác. Cho nên Tứ Đế tất cả đều dùng như thế.

Lại nữa khi nhập quán môn, khi quán về sự thủ ám tức lìa xả ái niệm, như rõ biết oan gia. Sự chấp giữ về ám chính là khổ đế. Ái niệm chính là Tập Đế. Lìa xả tức là Diệt Đế. Rõ biết chính là Đạo Đế. Nương vào khổ quán môn nghĩa này như vậy. Biết tham ái liền xả bỏ. Do đây mà khổ không sanh và tham ái chính là Tập Đế. Chỗ tham ái tức là Khổ Đế. Khổ không sanh chính là Diệt Đế. Rõ biết ấy là Đạo Đế. Nương vào Tập Đế để vào cửa quán như thế, khi rõ biết chính là tịch diệt rồi. Nếu người chứng được điều này thì vô minh liền diệt, hữu vi tham khát ấy liền tịch tịnh. Hữu vi tịch diệt tức là Diệt Đế. Ở đây chỗ lìa pháp tức là Khổ Đế, vô minh tham ái tức là Tập Đế. Rõ biết như thế là Đạo Đế. Nương vào Diệt Đế để vào cửa quán như thế, rõ biết pháp trợ đạo liền sanh tu tập. Phiền não

chương và những sự sai khác liền xã. Do sự xả bỏ này mà có sanh. Trụ đạo chính là Đạo Đế. Có ý tức Khổ Đế; phiền não nghiệp tức Tập Đế. Xả điều này và chẳng sanh chính là Diệt Đế. Nương vào cửa quán Đạo Đế như đây. Do quán về Đế này, tuy lại nói quán một mà cả những Đế khác nữa, chẳng phải là điều vô dụng.

Hỏi: Vì sao phía trước nói là Khổ Đế?

Đáp: Vì muốn diệt khổ mà tu quán Tứ Đế và người xuất gia sống đời phạm hạnh; nên trước nói về khổ. Lại nữa sanh, già, chết là những việc khổ không cùng, niệm niệm hằng bức bách. Hành như quán điều này muốn thoát nguyên nhân của sự khổ, giống như sư tử, những duyên bên ngoài chẳng thể chữa trị được, mà do thời tiết từ lâu xa là bệnh gốc vậy. Hành như quán điều này rồi liền muốn khỏi nguyên nhân bệnh ấy. Giống như vị thầy thuốc thấy khắp trong ba cõi đều bị tai họa tật bệnh hoành hành. Hành như quán điều này liền cầu ra khỏi nguyên nhân ấy. Giống như tìm cây độc; lại như hạt bụi mất đi, xa lìa sự ác và nương vào sự dừng lại vậy. Nơi nơi sợ hãi; cho nên trước nói về sự khổ.

Hỏi: Nếu chưa nói nguyên nhơn mà trước nói quả thì sao lại chẳng sai trái với mười hai duyên sanh?

Sanh là lần lượt, cái nhơn mười hai duyên sanh trước, sau đó có quả. Chọn lựa lần lượt. Đối với Tứ Đế trước là quả và nguyên nhơn lại nói sau. Cho nên cả hai thuyết đều chẳng sai khác. Lại nữa trong quả lại có mê duyên làm nhơn cho quả vậy. Như kinh nói: Nếu đây có thì kia lại cũng vậy. Do sanh ở đây thì kia cũng sanh vậy. Lại trong nguyên nhơn kia có mê duyên và quả theo nhơn ấy. Như trong kinh nói: Già, chết và hữu, pháp gì làm cho có? Do nghĩa này mà các hữu đều phá. Tất cả đều chẳng sai khác; chỉ nói nghịch thuận thôi. Hai thuyết chẳng đồng. Nói nghịch là duyên sanh. Đây gọi là Tứ Đế. Cho nên chẳng sai trái với mười hai duyên sanh.

Hỏi: Vì sao trước nói Diệt Đế sau đó mới nói Đạo Đế?

Đáp: Có hai loại nghĩa. Một là thuận và hai là nghịch. Như trong kinh nói: Giới thanh tịnh là tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh chính là huệ thanh tịnh; cho đến giải thoát tri kiến và minh giải thoát. Đây có tên là nói thuận còn nói ngược lại: Giải thoát chính là lấy sự lìa dục làm duyên. Lìa dục tức là xa

lìa các duyên ác. Xa lìa tức là lấy sự thấy chơn thật làm duyên. Cho đến không lo lắng là do lấy giới thanh tịnh làm duyên vậy

Luận về bốn chân lý Phạm Tư Trạch cứu cánh

I.2 Phàm lược nói (Thứ Hai)

Hỏi: Tứ Đế lần lượt như thế nào?

Đáp:

Thô vụng chồng chất lên,
Nương đạo sợ ở quả,
Bình lửa, giận nương nhau,
Khát, độc gặp cảnh hại.

Muốn hiển thị cảnh giới thô nên nói về Khô Đế. Nhận khổ tướng rồi và pháp này do Nhơn gì sanh, như vậy mới nói về Tập. Pháp này hết rồi đi đâu, sau đó lần lượt mới nói về Diệt. Pháp này do nguyên Nhơn gì mà được, rồi lần lượt nói về Đạo.

Lại nữa từ trong vô thí xuyên suốt như mắc lưới nên gọi là khổ. Cái gốc của sự khổ ấy gọi là Tập. Vĩnh viễn xa lìa cái gốc khổ ấy chính là Diệt. Hay đánh tan đi, nên gọi là Đạo. Quan trọng hơn hết là khổ chấp nhiều vào đó là Tập. Khi xả bỏ gọi là Diệt và khi diệt sự chấp ấy đi gọi là Đạo. Quan trọng hơn hết là khổ chấp nhiều vào đó là Tập. Khi xả bỏ gọi là Diệt và khi diệt sự chấp ấy đi gọi là Đạo. Lại nữa kết xú gọi là khổ. Sự kết này gọi là Tập; sự kết ấy hết gọi là Diệt. Quán sát sự sai trái, ấy là Đạo. Sự chấp thủ lại cũng như vậy. Nương vào xú gọi là khổ.

Thế gian phàm phu tuy do chỗ thủ ám mà có chỗ hại, giống như khởi lên, nung vào và dính mắc, như nung vào chỗ oan gia xằng bậy cho là người thân. Nung vào chỗ ái cho là an, đây gọi là tập. Rồi do nguyên nhân này an vui ở ái dục, ở ba cõi ngục, chẳng cầu xuất ly, giống như người tù cuồng dại. Kẻ nào chẳng nung vào ái gọi là Diệt. Chẳng có nơi nào có thể nung vào để dừng được như trong kinh Cù Đề nói. Hay diệt nung vào ái, ấy là Đạo. Quán sự nung vào sai trái giống như quán nhà cháy.

Lại nữa sáu đường đều là khổ, chẳng có gì làm vui, giống như chỗ dơ ứ. Nghiệp phiền não gọi là Tập. Vì là nguyên nhân của Đạo. Lia con đường ấy chính là Diệt. Chẳng có sự giả dối gọi là vật. Giống như lửa hết như kinh Thô Đầu nói: Hay dẫn ra khỏi là đường. Đường ấy gọi là Đạo. Như kinh Bà La Kha Ma Vương nói: Sự sợ hãi gọi là khổ. Ngã ái chính là Tập. Vô úy xứ chính là Diệt. Bên trên thật vui và chuyển đến chỗ vô úy ấy là Đạo.

Lại nữa những việc làm ấy là khổ. Nguyên nhân của sự việc ấy là Tập. Diệt trừ nguyên nhân ấy chính là Diệt. Hay làm tan đi, chính là Đạo. Lại nữa giống như quả, ấy là khổ; giống như hạt, ấy là tập; giống như hạt hoại đi, ấy là Đạo. Lại nữa sự khổ giống như bệnh. Tập chính là nguyên nhân của

bệnh. Diệt chính là hết bệnh và Đạo chính là thuốc thang trị liệu. Lại nữa khổ giống như lửa; Tập giống như rơm; Diệt giống như lửa hết; Đạo chính là cái nhọn của lửa không còn nữa. Lại giống như óan hờn là khổ. Kết hận với nhau gọi là Tập. Trừ sự kết hận kia ấy là Diệt. Hay trừ được nguyên nhơn kia, ấy là Đạo. Giống như sự nướng vào chính là khổ. Giống như bụi trần chính là Tập. Trần ấy thanh tịnh, ấy là Diệt. Nguyên nhơn của sự thanh tịnh, ấy là Đạo.

Lại nữa khổ chính là sự tích chứa. Tập chính là sự tham lam. Diệt ấy là lìa sự tham và Đạo chính là của cái. Lại nữa khổ giống như sự thiêu đốt. Tập giống như nguyên nhân của sự thiêu đốt. Diệt chính là sự mát mẻ. Đạo chính là sự thanh lương trọn vẹn. Lại nữa khổ như chất độc phát ra. Tập Đố chính là chất độc. Diệt ấy như dứt độc và Đạo chính là A Già Đà (Agada: bắt tử dược).

Lại nữa khổ như là sự bức não. Tập chính là sự não hại. Đạo chính là cái nhọn của việc lìa xa sự não hại ấy. Lại nữa khổ như sự sát hại. Tập giống như có thể làm hại. Diệt như lìa sự sát hại. Đạo chính là cái nhọn của sự sát hại đã lìa xa. Lại nữa khổ là việc biết cảnh. Tập nên trừ; Diệt nên được. Vì ba sự này nên tu Thánh Đạo. Lần lượt như đây, Tứ Đế thể tướng ra sao, có kệ rằng:

Giống chơn lý đủ phẩm,
Tướng hữu vi, ảnh, thức,
Hư vọng tất cả ba,
Hóa ra đến mười hai.

Cũng có những pháp sư nói rằng thật ra có Nhị Đế. Sự sanh ra là do cái quả của tham ái; nên gọi tên là chơn khổ. Đạo là kết quả của nghiệp, gọi tên là Tợ khổ. Nguyên nhơn của việc sanh là sự tham ái; nên có tên là chơn tập. Vướng mắt vào sáu đường nghiệp báo là Tợ Tập. Khi nguyên nhơn sanh của ái hết thì gọi là Chơn Diệt. Nguyên nhơn của lục đạo hết thì gọi là Tợ Diệt. Hay diệt cái nguyên nhơn sanh ra có, có chánh trí; ấy là chơn đạo. Giới và phương tiện có thể làm cho lìa nguyên nhân ở đường ác thì gọi đây là Tợ Đạo.

Lại nữa Lý Túc luận sư nói: Thức chính là chơn khổ và cùng tương ưng với sắc này nên lại có tên là khổ. Tợ ái có tên là Chơn Tập và tương ưng với nghiệp này nên lại có tên là Tập. Yêu bởi chính mình biết thì gọi là chơn Diệt. Do sự diệt tận này và không còn nữa nên gọi tên là Diệt. Chánh kiến có tên là Đạo. Nếu mà cái này chẳng sanh thì cũng chẳng diệt. Do sự sanh này nên lại có tên là Đạo.

Lại Giả Danh Bộ nói: Đế (chân lý) có ba loại. Một là phẩm khổ; hai là phẩm đế và ba là Thánh

Đế. Khổ phẩm nghĩa là sự bức não làm tướng khổ. Thánh Đế nghĩa là: Sự khổ này có một vị. Tập phẩm nghĩa là tham ái tập; phẩm đế nghĩa là lấy chỗ sanh làm tướng. Tập Thánh Đế là Tập nhưt vị. Diệt phẩm nghĩa là Sa Môn quả. Diệt Thánh Đế lấy một vị làm tướng. Đạo phẩm nghĩa là Bát Thánh Đạo. Đạo Đế có nghĩa là tướng lìa chơn thật. Đạo Thánh Đế lấy một vị làm tướng.

Lại Phân Biệt Bộ nói: Tất cả hữu vi đều là khổ. Vì do vô thường vậy. Chẳng phải đế đầu nên khổ; vì lìa điều này; nên đối với Thế Tôn là chỗ tu hành phạm hạnh. Đây là Khổ Thánh Đế. Tất cả nguyên nhưn đều là Tập, lấy chỗ hay sanh vậy. Chẳng phải Nhị Đế nên gọi là Tập vì chẳng dứt bỏ điều này. Đối với Đức Thế Tôn, chỗ tu tịnh phạm hạnh. Đây là Tập Thánh Đế. Tất cả các pháp hữu vi tịch tịnh lìa khỏi, ấy gọi là Diệt. Là do sự tịch tịnh vậy. Chẳng phải đệ tam đế nên gọi là Diệt. Vì chứng được diệt này. Đối với Đức Thế Tôn, đây là chỗ tu tịnh phạm hạnh. Đây là Diệt Thánh Đế. Tất cả thiện pháp đều là đạo, vì có thể làm cho xuất ly. Chẳng phải đệ tứ đế nên là Đạo. Vì huân tập ở Đạo (con đường) này. Đối với Thế Tôn là chỗ tu tịnh phạm hạnh. Nên có tên là Thánh Đế.

Lại nói: Sự chấp tướng là phiền não. Phiền não và thuộc về phiền não khởi lên nghiệp; nên có

tên là Tập. Từ đây có hữu và hữu này gọi là Tập Thánh Đế. Có sanh gọi là Khổ Thánh Đế. Như điều này thì từ đệ nhị đế sanh ra đệ nhất đế. Nếu tâm xả ly chấp tướng và đạt được cảnh giới vô tướng. Do nguyên nhân này mà phiền não, thuộc về phiền não khởi lên sự dứt trừ nghiệp. Do sự đoạn trừ này nên lại chẳng còn nhân duyên, hữu lại chẳng thể sanh. Sự chẳng sanh ra này gọi là Diệt Thánh Đế. Pháp này có thể làm cho tâm xả ly chấp tướng và chứng vào cảnh giới vô tướng. Sự thấy chân chính này gọi là Diệt Đạo Thánh Đế. Cũng giống như chấp tướng vào hình ảnh rồi vọng phân biệt Đạo cũng như thế.

Như trong Phân Biệt luận nói: Thế Tôn chẳng nương vào tất cả sự khổ nên giả nói là Khổ Đế cũng giống như để hiển thị quả vô ký nên chấp thủ vào ấm, tánh, thể, tướng vậy. Ở đây, giả nói là Khổ Đế. Giả nói khổ là nhơn của pháp. Vì xa rời điều này vậy. Đối với Đức Thế Tôn là chỗ tu tịnh phạm hạnh. Đây là chơn Khổ Đế. Chẳng nương vào tất cả. Nguyên nhơn giả nói là Tập Đế. Vì muốn để hiển thị điều có thể giả sanh về nhơn, tánh, thể, tướng; nên giả nói về Tập Đế. Giả nói về tập về nguyên nhơn về pháp, vì muốn đoạn điều này.

Đối với Đức Thế Tôn là chỗ tu hành tịnh phạm hạnh. Đây là chơn Tập Đế. Chẳng nương vào tất cả Diệt, giả nói là Diệt Đế. Vì muốn hiển thị sự

luân chuyển của Đạo về đoạn, tánh, thể, tướng vậy. Nên giả nói về Diệt Đế. Giả nói Diệt, nguyên nhơn và pháp vì chúng đến ấy vậy. Đối với Đức Thế Tôn là chỗ tu hành tịnh phạm hạnh. Đây là chơn Diệt Đế. Chẳng nương vào tất cả Đạo; nên giả nói về Diệt Đế. Vì để hiển thị về việc luân chuyển của đoạn, tánh, thể, tướng nên giả nói Đạo Đế, nguyên nhơn và pháp. Vì tu điều này vậy. Đối với Đức Thế Tôn là chỗ tu hành tịnh phạm hạnh. Đây là chơn Đạo Đế.

Lại nơi tạng luận nói: lược nói về khổ có hai loại. Một là táng hội và hai là ái ly. Đây là mỗi mỗi xứ; một thuộc về thân; hai thuộc về tâm; nhơn và ái là ba loại tức thành ba khổ. Tập Đế lại có ba. Ái kiến và nghiệp. Ái kiến hai sự mê hoặc gọi là hậu Diệt. Do đây mà có nghiệp này. Thọ Diệu Tập Đế lại có ba. Một là thấy một nơi hoặc diệt; hai là muốn một nơi hoặc diệt; ba là có một nơi hoặc diệt. Đạo Đế lại có ba. Một là thấy đạo; hai là tu đạo và ba là thành thủ đạo. Ba này tức là ba cái gốc. Lại nói: Khổ chính là tướng của sự bách não. Tập chính là tướng sanh. Diệt chính là tướng tịch tịnh. Đạo chính là tướng có thể xuất ly. Lại nói: khổ chính là tướng hữu. Tập chính là có thể của tướng hữu; diệt chính là lìa tướng. Đạo chính là việc có thể lìa tướng.

I.3 Phẩm Phân Biệt Khổ Đê (Thứ Ba)

Thế nào là khổ đê? Lược nói như thế rồi, bây giờ lại phân biệt rộng ra sao? Trong những sự khổ tu tập ấy sao lại nói sanh làm đầu? vì sao có tướng sanh? Vì sao có việc sanh? Vì sao sanh duyên sanh? Vì sao khổ? Nếu sanh là khổ có ba loại, thì nghĩa của niềm vui sanh khởi lại chẳng thành sanh và khởi khác nhau như thế nào? A La Hán ngũ ấm chưa diệt, làm sao nói là sự sanh đã hết? Sao lại già? Thế nào là tướng của già? Việc chết ra sao? Duyên do của sự chết là gì? Vì sao lão khổ? Tướng của răng rụng chẳng đều khắp thì có khổ và chẳng phải chẳng đều! Vì sao nói già là Khổ Thánh Đê? Hữu vi chẳng trụ và niệm niệm sanh diệt. Sao lại có già? Có kệ tán rằng:

Phân biệt đầu bốn, sanh
Khổ ba cùng sai biệt
Hết bốn, già cùng khổ
Răng rụng và niệm diệt

Sao lại bệnh? Những gì là tướng của bệnh? Vì sao lại bệnh duyên? Sao lại bệnh khổ? Nếu do bệnh mà thân thường khổ, vì sao lại chẳng sai khác kệ này?

Chẳng bệnh, lợi thứ nhất

Biết đủ, hơn cả tiền
Chẳng nghi là thấy rõ
Niết Bàn, vui chẳng sánh

Ở cõi trời không bệnh thì tất cả chúng sanh lấy bệnh làm pháp. Lời nói này hợp với chánh đạo. Nói rằng bệnh là nghiệp quả, mà nghiệp quả khổ, chẳng phải là Khổ Thánh Đệ. Phật nói khổ ấy chính là bệnh. Lại nói kệ rằng đói khát là bệnh thứ nhất. Như điều này thì hai thuyết khác nhau những gì? Vì sao lại chết? Vì sao là tướng chết? Thế nào là việc chết? Duyên nào đưa đến chết? Sao lại là tử khổ? Phóng dật tử, phá giới tử, sanh duyên tử; hai điều này khác nhau chẳng? Lại nói có giác, vô giác tử; có hồi, vô hồi tử; có phóng dật, vô phóng dật tử; có đấm trước, vô đấm trước tử; có điều phục, chẳng điều phục tử; thiếu phần điều phục tử. Nghĩa này như thế nào? Ngũ âm niệm niệm tự diệt. Cái hại kia và sự chết vì sao thành được?

Vì sao lại oán tăng hội? Vì sao có việc ghét nhau mà phải gặp nhau? Vì nhân duyên gì mà ghét nhau lại là khổ? Những loại ghét nhau có tụ lại chẳng? Vĩnh viễn chẳng lìa nhau. Nghĩa này rõ biết.

Vì sao sự yêu mến lại chia lìa? Tướng của sự chia lìa như thế nào? Vì sao việc yêu thương nhau

mà lại chia lìa? Vì nhân duyên gì mà yêu thương nhau lại chia lìa? Vì sao sự chia lìa khi yêu thương nhau là khổ? Sự già nua tụ hội lại tức là gặp gỡ ghét nhau. Khi còn trẻ bị chia lìa tức yêu thương nhau mà bị chia ly, liền nói là sự óan tắng và ái đều ly biệt.

Vì sao lại chẳng nói nữa và nói về chỗ cầu không được là thế nào? Tướng của sự cầu không được như thế nào? Thế nào là việc cầu chẳng được? thế nào là nhơn duyên cầu chẳng được? Vì sao cầu chẳng được lại khổ? Dục trần tức là khổ mà được nó cũng là khổ. Cầu không được thế nào mà khổ? Vì nhân duyên gì mà cầu chẳng được? Sao lại giản lược nói ngũ thú, âm là khổ? Những gì là tướng của các âm? Âm có nghĩa là gì? Sắc thức này có giống với tướng hữu vi? Sao lại nói ngũ âm và thủ âm có gì sai khác? Vì sao nói thủ âm là khổ âm? chẳng gọi khổ âm nghĩa ấy ra sao? Tùy theo sự thấy đúng một cái khổ rồi, tức rõ biết khổ đế. Đâu cần gì phải nói rộng về các tướng khổ làm chi? Trong Kinh lại chẳng nói sắc lạc lại là chỗ khổ, mà thủ âm là khổ, trải qua tức sai trái. Vì sao kinh này riêng nói giản lược và ngoài kinh này ra thì nói sắc là khổ cho đến thức khổ và thủ âm? lại vì nhơn duyên gì mà khổ? Nói nghĩa tổng quát như thế nào?

Hỏi: Thế nào là khổ đế? Lược nói như thế rồi. Vì sao lại rộng nói phân biệt nữa?

Đáp: Có những đệ tử vui nghe nói chánh giáo giản lược, ví như Ngài Xá Lợi Phất có trí tuệ khai mở nên dễ thọ nhận giáo hóa. Cho nên nói lược. Còn những đệ tử khác lại thích nghe nói rộng như Nan Đà và Phất Ca Bà v.v... Vì trí phân biệt rộng cho nên nói rộng ra. Rồi lần lược các đệ tử có sức mạnh siêu việt như Ngài Đại Ca Diếp và để cho căn lành tăng trưởng nên đã lược nói. Vì duyên lực yếu như Sa Đề và vì chưa tăng trưởng căn lành nên phải nói rộng ra. Lại nữa lợi căn như Ương Quật Ma Ra thì người nói giản lược lại. Còn thuần căn thọ hóa như rắn kia thì phải nói rộng ra.

Lại nữa đa văn đệ tử như A Nan có thể giữ gìn nghe ngóng và chứa nhóm; nên nói lược. Trong khi đó những đệ tử ít nghe hiểu như Chu La Bàn Đà, trí huệ yếu kém; nên phải nói rộng ra. Lại nữa chính lời của bậc Thánh hơn cả các đức như Ly Bà Đa, như Siễn Na lại chưa vào nội quán; nên vì đó mà phải nói rộng ra.

Hỏi: Đối với việc khổ ấy tại sao bắt đầu bằng sự sanh ra?

Đáp: Vì khổ bắt đầu nên già, bệnh chết gồm các khổ ấy sanh ra trước. Ví dụ như chẳng giận hờn

thì đối với thể, xuất thể pháp vẫn lấy giới làm đầu, giống như lão, bệnh, tử vậy. Lại nữa do có thể sanh; nên khi sanh rồi thì có lão, bệnh, tử. Có thể làm cho thân căn và tâm bị hại, giống như lửa và khi lửa đã thuần thì cơ thể thiêu cháy, đốt sáng v.v... Chẳng phải chẳng có lửa sanh lại cũng như điều này, do vậy mà nói trước. Lại chẳng xa lìa vậy. Giả sử chúng sanh được lìa già, bệnh thì quyết cũng chẳng lìa sanh. Vì hành khổ vậy. Đây chính là sự thọ quả. Đạo là chỗ để trị, cho nên nói việc sanh trước.

Lại nữa bình đẳng khác nhau nên tất cả chúng sanh đồng thọ sanh và có hại, giống như vô thường sát quý. Lại nữa tùy theo tất cả các phần vậy. Sự sanh là biến vô minh thành ra mười hai phần, giống như sữa độc lại biến khắp 3 cõi. Sự sanh ấy cũng khắp tam giới như bò, cùng và khác nhau; cho nên nói sự sanh trước. Lại nữa do khổ căn nên sự sanh chính là gốc của sự khổ. Như trong kinh nói: Tất cả các sự khổ do sanh làm căn bản, lấy sanh làm nguyên nhơn, như Kinh đã giải rộng; cho nên nói sanh trước. Lại nói kệ rằng:

Khổ, đầu tiên chẳng lìa,
Sai biệt tùy có chia,
Khắp tam giới gốc khổ,
Cho nên nói sanh trước.

Vì sao lại là sanh?

Đáp kệ rằng:

Sanh năm kinh cùng nói

Được ẩm, đầu theo tâm

Sanh phần cùng các bạn

Thai lập với 5 loại:

Giải thích: Như tạng kinh A Tỳ Đạt Ma trong luận học có mười hai nhân duyên sanh. Ở trong luận Tâm Tư Trạch công nói rộng về việc sanh như thế nên biết. Lại nữa nghiệp tăng trưởng là do con mắt làm bạn với những vật và tiếp theo là sanh ra pháp như duyên, tụ tập lại rồi được các loại xứ của chúng sanh, được ẩm, nhập, giới.v.v... Đây gọi là sanh. Lại nữa lúc mới sanh thì thức thọ sanh trước. Đây gọi là sanh như trong kinh nói do thức nhập vậy. Danh sắc hòa hợp nên lần lượt nói sanh. Thức sơ khởi gọi là sanh. Các luận sư khác nói: Đầu tiên sanh thức và các việc khác đầy đủ khởi lên sau. Đây gọi là sanh.

Lại nữa sanh có nhiều loại. Nghĩa là Kha la và sự thành lập bào thai có sự sai khác, cho đến thai nhi sanh ra như trong kinh Thọ Sanh nói: Lại nữa sanh có 5 loại như kệ nói rằng:

Được pháp thánh gọi sanh

Bào thai tánh thành người

Tụ, giống, khác là có
Chỉ có tên là sanh

Giải thích: Được Thánh pháp gọi là sanh, như trong kinh nói. Rồi miễn vô vị từ miệng ta sanh, khí có rồi sanh ra Thánh pháp và luật. Như trong kinh Ương Quật Ma La nói. Lại nói ở nơi thai gọi là sanh (Sự sống). Nghĩa là Kha La La Át Phù Đà Già Ha Na, giống như hạt mầm của cây vậ. Lại khi có giống tánh trí gọi là sanh, như vàng quý và sắt lợi sanh ra. Lại nữa chỗ tụ hội giống và khác loại gọi là sanh. Hình tướng có khác, nghĩa là như người, voi, ngựa . v.v. giống như Bà La Đa La và cây. Lại có tên là sanh. Nghĩa là âm, nhập giới và hữu. Đây gọi là sanh. Như nói có hoa có hạt. Luận này chỉ nói hữu vi sanh. Vì sao vậy ? Cái gốc là quả của sự tham ái vậy cho nên nói chỉ sự có ấy gọi là sanh. Vì sao lại có tướng sanh ? Vì sao lại có việc sanh ? Vì sao lại có sanh duyên ?

Hỏi: Có hiện thị tướng sanh, đủ loại khổ làm sự nghiệp và hữu vi sanh duyên. Thế nào là khổ ?

Đáp: Ba khổ giống như lửa đốt cháy. Đây là ái sanh xứ, chẳng phải là ái lạc, chẳng phải là quả phước hạnh. Hợp lại giống nhau và khác nhau. Những sự khổ và làm chỗ thiêu đốt, chỗ thọ sanh ấy là do ái lạc. Đây là quả phước hạnh. Tụ hợp lại

giống và khác loại rồi hoại khổ hữu và chỗ thọ sanh bất động hành quả. Tự hợp lại giống và khác loại hành khổ là chỗ hữu đốt, giống như lửa ngoài đồng đốt cháy cây lớn. Cho nên mới sanh là khổ.

Lại nữa những sự khổ ấy nương vào nhau nên có sanh thân tâm và các khổ là chỗ nương vào Tập. Chẳng phải là lúc chẳng sanh, giống như chỗ bụi bặm tốt tươi làm chỗ cho tiên nương vào ở. Lại âm nhập giới và hữu, hiển bày nên gọi là sanh xứ. Xứ sanh rồi lại phá, rồi phân tán chia cắt rơi rớt làm cho khổ và sanh xuống giống nhau, lấy vô thường, oán, chẳng có thứ lớp. Như cảnh của vua chúa và chén bát. Cho nên nói sanh là khổ.

Lại nữa sanh là chứa các sự khổ, ưu bi khổ sanh chẳng phải là gốc gác của việc tốt, mà lão tử, nhân duyên là bệnh phát khởi đau đớn các loại và việc ác nương nấu vào để quậy phá cho hư hoại. Đây chính là cửa thành của tật bệnh và sự oán hờn như kho chứa, phiền não chất đầy. Sự sanh này sẽ vào chỗ tối tăm, chẳng phải ánh đèn có thể tự được, vào nơi hầm sâu khó ra. Không lửa mà lửa thiêu. Sự oán hờn này khó rõ. Đây chính là nền tảng chẳng nghi ngờ. Ở đây bệnh không có thuốc chữa. Đây là sự trói buộc chẳng buông tha, như rừng rậm chẳng lối đi và không có ánh sáng chiếu, con trai vui mừng, người trí huệ thì bàng hoàng. Vui ấy ấy

là do chỗ ái. Chư Phật và chư đại Bồ Tát nhân ấy mà hướng đến lòng đại bi, kẻ có học sẽ lìa xa, kẻ vô học (A La Hán) sẽ dứt sạch. Chư Phật rõ biết, nên nói rằng khổ. Cho nên nói sự sanh ra chính là sự khổ.

Lại nữa khi thai nhi hình thành chính là khổ. Lúc thọ sanh thì trắng đỏ hòa hợp rồi có thức và thọ nhận cái khổ của sự tạp uế rồi Kha La La Át Phù Đà Già Na làm cửa ngõ để chuyển khổ và thành sự khổ, như mọt chín mùi là khổ, rồi từ đó sanh ra thân này, thọ những sự khổ não bức bách. Khổ ấy như một nhà lớn mà ở trong bào thai. Lúc nằm trong ấy sự khôn khổ giống như kẻ có tội, trên dưới đều bị vây chặt như tù. Do mẹ ăn uống thất thường rồi đi đứng chạy nhảy bơi lội trong nước, thai nhi nằm trong ấy chịu đau đớn. Do chỗ ăn uống sai trái mà đứng đi thay đổi, tứ chi không đều, thọ các loại khổ. Giống như phạm pháp luật nhà vua và thọ các cực hình. Cho nên gọi sanh là khổ, khi ra khỏi thai thì thân này mềm mại và tâm như cây chuối, cửa mình đau đớn như xe thiếu dầu, thọ nhận quá sức khổ đớn.

Lại nữa khi mới chào đời thân như cây cỏ, tay chân non nớt, múa may thật là khổ sở. Cho nên nói sanh là khổ. Nếu sanh là khổ thì 3 loại vui, sanh nghĩa tức chẳng thành?

Đáp: Vì nghiệp phân biệt quả báo si khác vậy. Vì an trú nơi tam giới sai bệth vậy. Vì hiền thị có 3 thọ vậy. Do đây nên biết, ba thọ lạc, sanh, hành, khổ sở nhiếp với nhau nên đây nói là Khổ Đế. Khổ là chỗ bức bách, khổ có nhiều loại. Cho nên sanh ấy chính là khổ. Lại nữa có phước, hạnh, quả, nên có 3 niềm vui sanh như kệ nói rằng:

Phước đức quả báo vui,
Tùy ý được thành tựu,
Liên được tối tịch tịnh,
Nhu nguyện Bát Niết Bàn.

Vô thường ác độc tạp nhập cho nên sự khổ ấy cũng giống như các thức ăn tạp nhập độc hại. Tuy rằng có đầy đủ trăm vị sắc, hương, xúc tốt đẹp, nhưng nếu ăn vào chắc chắn sẽ gặp quả báo chết mất và tất cả chúng sanh đều đã chết như thế. Vì sự vô thường tạp nhập độc hại cho nên nói là khổ. Lại nữa vì lúc sanh vui ở nơi niềm vui nên nói vui sanh, nhưng khi sự an ổn khi sanh này hoại đi rồi, lại chuốt lấy khổ. Thánh Nhơn xa lìa điều hoại khổ này như phải gặp phần hồi. Cho nên nói sanh là khổ. Sự sanh ấy khởi lên khác nhau như thế nào ?

Đáp: Sự hóa sanh được gọi là khởi đầu, ngoài ra còn 3 tên gọi khác nhau để chỉ cho việc sanh. Lại nữa nhập thai cũng gọi là sanh. Khi sanh ra khởi

thai gọi là khởi. Lại nữa sự sanh ấy có tính cách lần lượt nên gọi là sanh. Một lúc sự sanh đầy đủ gọi là khởi. Trong tạng luận nói rằng: Sự sanh phụ thuộc vào thức và gửi gắm hạt giống ấy vào thai. Sự khởi lên thuộc về nghiệp, có thể phân tán thức ấy đi vậy. A La Hán chưa diệt ngũ ấm. Vì sao nói sự sanh đã hết ?

Đáp: Có sự diệt cho nên nói sự sanh đã tận. Lại nữa do nhân duyên diệt, sự sanh này sau đó chẳng có pháp sanh nên nói là sự sanh đã tận. Ví như do sự tham ái diệt cho nên nói Khổ Đế diệt. Lại nữa vì để bạt trừ gốc rễ của sự sanh, nên nói là đã hết rồi, cũng giống như cây kia đã chặt gốc vậy. Tuy đầy hoa lá nhưng lại nói là đã hết. Sự hết sanh cũng lại như thế. Lại nữa vì tương lai sẽ hết cho nên nói rằng sự sanh đã tận, cũng giống như từ trên đỉnh núi quăng một cái ly xuống. Tuy ly chưa xuống chân núi; nhưng nói rằng ly kia bị vỡ. Sự sanh chấm dứt cũng giống như vậy, cho nên nói A La Hán sự sanh đã hết. Vì sao lại có già ?

Đáp: Đó là sự đánh mất đi sự trẻ trung và dần dần tứ đại suy mòn hao tổn, các hành đều thay đổi, thân thể già nua, hình thù thô xấu, các căn suy nhược, những sự nhớ biết và việc làm khó chủ động, có ý hướng đến sự chết, nên đây gọi là già. Lại nữa những căn nhỏ nhín biến khắp trong người,

sau đó dần dần biến thể hư hoại. Pháp này có tên là già. Vì sao vậy? Khi già thì răng cỏ đều rụng đi, da thịt có hàng trăm sự biến đổi, tóc tai lại bạc trắng và bốn chất lớn bắt đầu suy nhược, các căn không còn sức lực nữa, hình hài thì biến thể và có những cử chỉ chẳng an. Đối với tâm thì hay quên mất những ký ức hiểu biết rộng rãi, lưng lại còng, các bộ phận khác của thân yếu đuối, biểu hiện cho tuổi trung niên không còn nữa và đã hiện tướng hoại dần.

Lại nữa sự già có hai loại; một là tùy theo sự suy giảm; hai là cơ thể nương vào sự suy giảm. Một là tùy theo sự suy giảm nghĩa là những máu thịt xương cốt đều giảm dần, do sự đi xuống ấy có thể thấy tướng mà biết kết quả. Nghĩa là sự đi đứng chậm rãi và tới lui khó khăn, tất cả đều giảm thiểu mất mát. Hai là có thể nương vào sự suy giảm, nghĩa là mắt, tai và sự thấy nghe không còn rõ ràng nữa. Do sự chẳng rõ ràng này mà thấy rõ cái quả ấy. Sự nhớ nghĩ hiểu biết đều mất dần, tâm địa thay đổi và luôn có sự mất mát đi kèm. Như trong các kinh và luận tạng về luận mười hai duyên sanh đã nói rộng. Đây gọi là sự già nua. Vì sao lại có tướng già? Thế nào là việc già và nhân duyên của sự già là gì?

Đáp: Do sự đi xuống thay đổi bằng hoại cho nên nói là tướng già, mất đi sự lành mạnh của thanh

niên, khó khăn đi đứng lui tới và các việc xấu ác lại đến. Đây gọi là việc già. Âm giới xâm nhập vào sự sống. Đây gọi là nhơn duyên của sự già, sự già này lại vì lo rầu vậy. Thế nào gọi là lão khổ ?

Đáp: Sự già nua này có thể sanh ra các tướng xấu ác rồi đoạt mất sự dễ thương cũng như sức lực rồi dần ký ức, sự hiểu biết đến sự tử vong, như phạm pháp vua và bị gia hình vào tai mũi vậy. Sự già nua cũng lại như thế. Cho nên nói già là khổ. Lại nữa chúng sanh rõ biết về sức mạnh của các căn có thể làm chỗ nương tựa của thức và trí, nhưng không còn xúc nữa, vì sự già mỗi ngày cướp đoạt đi, như lúc nóng mặt trời giải thoát năm sự che lấp nên có ánh sáng và sự đề kháng của nước cạn dần và tất cả đều khô cạn. Sự già cũng như thế. Cho nên nói già là khổ. Lại nữa sự già ấy làm cho sắc hình tiêu tụy có thể đoạt mất cái dễ thương rồi làm cho giảm thiểu sự trai trẻ và chẳng có gì vui, thể lực càng ngày càng già yếu và sự kham nhẫn kém dần. Sự suy nghĩ ấy bị giảm thiểu; các căn yếu đi và chẳng mạnh lại được. Ví như nữ La Sát hút hết tinh khí, khiến cho phải chết. Cho nên nói già là khổ.

Lại nữa thân này lúc trẻ đẹp như hoa sen dễ thương; Sắc hình đoan chánh, lịch duyệt bởi mắt hoặc tên kia. Còn sự già nua ví như hạt sương biến đổi lẫn vào phá hoại mắt, tâm làm cho người kia

chẳng còn lịch duyệt nữa và trở nên xấu tệ. Cho nên nói già là khổ. Lại nữa có thể làm hoại thân này và cả sự nhớ nghĩ cũng như trí tuệ; cho nên nói già là khổ. Do thân này thay đổi vậy. Sự đi, đứng, nằm, ngồi thật khó khăn chẳng tự tại. Do các căn thay đổi vậy. Sự thấy nghe, ngửi, nếm, xúc v.v..., đều chẳng rõ ràng.

Lại có thuyết nói: Ta nghe chẳng rõ, sự hoại ấy giống như đứa con trai do sự nhớ nghĩ bị hoại cho nên sự việc chẳng nhớ được và chẳng thể nói về sự thấy và chẳng biết gốc gác gì cả. Cho nên nói già là khổ, giống như hành tướng. Lại như Bát Tu Phất Bộ nói: Hữu vi các pháp thật có sự giảm thiểu về sự sống. Sự sống này có thay đổi. Tướng hữu vi này nói là già. Như trong kinh nói: Thân này được tồn tại trăm năm; hoặc nói có 4 thức trụ. Do lấy nghĩa này mà gọi là già. Nếu trong kinh nói: Thân này được tồn tại trăm năm; hoặc nói có 4 thức trụ. Do lấy nghĩa này mà gọi là già. Nếu pháp hữu vi thật niệm niệm diệt thì lúc trẻ trung chẳng thành tựu và lại chẳng có mệnh căn. Vì sao gọi là bệnh?

Đáp: Vì thân căn kia không giống nhau ở sự sinh trưởng. Do sự khác nhau không giống nhau trong khi sống; cho nên nói rằng thân bệnh. Nếu bình đẳng thì đã chẳng bệnh như Đức Phật đã nói với Nhon Xà Bà rằng: Thân thể của Như Lai cho

đến nay đều bình đẳng. Lại nữa tự tánh lại hỗ tương khác nhau, chẳng có thức nào ân dưỡng và ở thân này trùng độc nổi lên; cho nên gọi là bệnh. Lại nữa bệnh có hai loại; một là thân và hai là tâm.

Thân bệnh lại có hai loại. Một là nguyên nhân sai biệt nên gọi là duyên bên trong khởi lên. Hai là nguyên nhân khác bức bách xúc chạm; nên gọi là chỗ nguyên nhân, nên có sự sai biệt. Có nhiều loại khác nhau nên gọi là sai biệt. Nghĩa là bệnh lậu, đậu mùa, bệnh vàng da, ung thư, ghẻ lở, cục u trong bụng, sốt rét, phong, cuồng v.v... có nguyên nhân khác nhau, nghĩa là do đờm gió chiếm ngự mà chia ra nhiều bệnh; hoặc đơn, hoặc kép, hoặc cả ba hay bốn như thế đờm ấy tạo ra 62 loại bệnh. Ấy là do nhân và xứ sai biệt. Nghĩa là đầu, mắt, tai, cổ, tim v.v... Đây gọi là thân bệnh. Nếu giải rộng ra có 404 bệnh.

Còn tâm bệnh thì do nguyên nhân tà vọng khởi lên. Nghĩa là do sự ưu não và bệnh này lại cũng có 2 loại. Một là duyên vào cảnh bên trong, gọi là nội môn hoặc; hai là duyên bên ngoài làm cảnh gọi là ngoại môn hoặc. Do gọi nơi nguyên nhân nên có sự sai biệt vậy. Phạm loại thì đa dạng nên gọi sai biệt vậy. Nghĩa là sân, mạn, si, kiến, nghi, diễm khúc, khi cuồng (lừa dối) v.v..., nguyên nhân sai biệt. Nghĩa là tướng thanh tịnh mất đi, tướng có không

và nguyên nhơn là vì tâm bệnh lấy làm tướng. Nơi chốn sai biệt; nghĩa là căn và lục trần, như trong kinh nói: Yêu về hình tướng cho đến yêu pháp. Trong đây có chỗ rõ ràng hay nói về thân bịnh mà chẳng nói về tâm bịnh.

Tướng bịnh như thế nào? Việc bịnh ra sao? Thế nào là bịnh duyên?

Đáp: Bịnh có nghĩa là tướng của thân bị bức não: Khổ lo ấy là sự việc. Chỗ góc gác không điều hòa ấy là duyên.

Tại sao bịnh lại khổ?

Đáp: Người thế gian thông minh tùy theo chỗ mình ham muốn mà tạo tác ra. Do bịnh tật cho nên cũng chẳng thành tựu và sai điều ao ước nên khổ. Cho nên tật bịnh có thể là nguyên nhơn của sự khổ. Như nguyên nhơn của sự thiêu đốt là lửa; nguyên nhơn của ánh sáng là mặt trời, già chết lại cũng như thế có thể làm hại nơi gốc nên nói bịnh là khổ. Cũng giống như cỏ cây tự sanh rồi tự thọ, có hại mạng dễ dàng và làm cho tuổi thọ lại mất đi, như lửa độc đốt cháy, vậy nên nói bịnh khổ.

Lại nữa khổ khổ lại ràng buộc vào nhau rồi sanh ra tiếp tục chúng sanh chẳng thể nhứt thọ, giống như voi con bị rơi vào lửa rừng vậy. Vì thế cho nên bịnh là khổ. Lại chẳng được tự tại, khi

người gặp bệnh thì 4 oai nghi và tư tưởng đều chẳng tự tại. Thân này mỗi một chẳng thể làm gì được, giống như người gỗ, bẻ các căn lại cũng giống như là người chết rồi vậy. Khi người gặp bệnh lại chẳng chịu đựng được bệnh, muốn lửa độc vây đốt để bỏ thân, ví như Đà Ni Kha La Hán. Lại thêm dùng tất cả những phương tiện nhưng chẳng trị liệu được, mạng ấy tất chết. Cho nên nói bệnh là khổ, giống như Át Đệ tiên hơn bệnh kiết lỵ uống thuốc nóng; ấy là chỗ giận dữ tánh bức bách thôi thúc lại khởi lên. Vì vô minh dày đặc vậy. Do trí tuệ không vững; nên đây là nguyên nhân của sự khổ lấy làm thể. Nương vào chỗ bất an cho nên chẳng biết vàọa lạc vào chỗ lãng quên. Do sự hiểu biết sự loại vậy. Tuyền chọn, bỏ lấy làm chỗ xa rời; chẳng biết việc này chẳng phải việc khác, giống như người ngu. Đây là ý nghĩa vậy. Cho nên nói già là khổ.

Như Đại Đức Phật Đà Mật nói: Chư Phật Thế Tôn trong vô lượng vô số kiếp, sanh trưởng căn lành, đầy đủ thập lực, có 10 tự tại, thắng phá tứ ma, được tứ vô úy, bình đẳng hay thấy tất cả phương tiện, giống như trăng mùa thu tròn đầy dễ ngắm. Có thân thể kiên cố Na La Diên, tràn đầy nơi thân, còn trong hình thức da dễ tương già xâm phạm, tổn hại. Cho nên nói già là khổ. Ý nghĩa này Phật đã nói

cho Tỳ kheo Ưu Đà Di nghe tại nước A La Tì.
Nương vào lời Phật để nói kệ rằng:

Già, ác người rõ biết,
Làm xấu, sắc tốt đẹp,
Tâm này rõ các tâm,
Luận về Bốn chân lý.

Luận về Bốn Chân Lý

Pháp sư Bà Tâu Bạt Ma tạo luận bằng tiếng Phạn, đời Trần, nước Thiên Trúc, Ngài Tam Tạng Chơn Đế dịch từ chữ Phạn sang chữ Hán.

Sa môn Thích Như Điển, Phương Trượng chùa Viên Giác Hannover dịch từ chữ Hán sang tiếng Việt ngày 16 tháng 8 năm 2006 tại thư phòng chùa Viên Giác Hannover nhân mùa an cư kiết hạ năm Bính Tuất.

II. Quyển Thứ Hai

II.1 Phẩm Phân Biệt Khổ Đế

Tướng rãng rụng chẳng đều và sự khổ cũng chẳng phải là bất biến. Vậy sao nói già là Khổ Thánh Đế ?

Đáp: Do đây khắp ba cõi và các hành biến đổi, nên gọi là già. Đây là Khổ Thánh Đế, như thọ mạng đã hết, như trong kinh nói: Tất cả chúng sanh đều phải già mà ngay cả chư thiên thân hình đẹp đẽ cũng phải bị biến đổi, trước sau khác nhau, chẳng có cái nào là không già cả. Việc nhỏ thì khó rõ hết giống như thân này, lại như sự sống trước khác với sau. Đây là do tướng hữu vi thay đổi bởi các hành, nên nói là già, cũng giống như trâu chứ không khác. Hữu vi chẳng dừng mà thay đổi sanh diệt trong từng phút giây vậy. Nhưng tại sao lại có sự già?

Đáp: Tất cả các pháp hữu vi thay đổi trong từng sát na một, thật chẳng có chỗ dừng nghỉ, rồi nương vào để trụ tiếp tục với nhau. Cho nên nói đây là tướng của già, như sông thêm mưa, như sông nước chảy, niệm niệm chẳng ở yên, thấy liên tục không dứt. Cho nên người đời nói: sông này nước

chảy gấp, hoặc nói sông này dài. Việc mưa cũng như thế.

Lại nữa giữa sự sống và sự chết, ấy là việc già. Vì sao vậy? Đầu tiên ngũ âm khởi lên, gọi là sanh. Sau cùng ngũ âm hoại đi thì gọi là chết. Đây là hai việc mà ở trung gian các âm biến đổi do bệnh đối trị và sanh tử giao thoa với nhau. Cho nên nói bệnh là khổ. Do bệnh cho nên thân này hằng khổ sở. Vì sao chẳng giống với kệ này, nếu không bệnh là điều lợi số một ?

Đáp: Nóng, lạnh khi bệnh đến thì khổ sở, do nói thân thường hay bệnh, không bị cùi hủi, lậu và những bệnh nặng, đi đứng oai nghi đọc tụng suy nghĩ tu học có lực, có điều kiện cho nên khi nương vào thân này nói không bệnh là điều tốt số một. Lại nói Hành khổ giống như lửa thiêu đốt, nên nói thân này hay bệnh, để xa lìa sự khổ, nên nói không bệnh là điều hy hữu. Lại nữa thường hay chữa trị nên nói là thường bệnh. Ở nơi thân điều phục, nên nói việc không bệnh là tốt nhất. Ở Thiên đạo chẳng bệnh, tất cả chúng sanh lấy bệnh làm pháp, lời này nên tìm cầu ?

Đáp: Khi âm sanh tức là khổ ấy biến khắp ba cõi, cho nên Thiên đạo cũng bệnh. Như trong kinh nói khi hình tướng sanh là khổ. Khi sanh bệnh

nương vào đó, như sắc và âm cũng lại như thế. Lại trong kinh cũng nói rằng: Tỳ kheo nếu bệnh thì đây là tên gọi cũng như ngũ ấm cho đến bị ung thư v. v. Lại cũng có thuyết nói rằng: Tướng trời suy thoái thì thân tâm thô xấu. Đây gọi là Thiên bệnh. Trong luận Chánh đạo nói: Bệnh là do nghiệp quả. Vậy nghiệp quả khổ này chẳng phải là khổ Thánh đế sao?

Đáp: Nghiệp quả báo này chẳng lìa kết quả của ái. Cho nên nói nghiệp quả báo tức là nói kết quả của ái. Đó chính là sự tham ái chẳng lìa nghiệp vậy, như đèn với lửa, nghiệp ái và ngã kiến. Đây chính là tánh của thức về quả khổ. Khổ Đế là nghiệp lấy chẳng sai khác, nên Phật nói khổ ấy chính là bệnh. Lại cũng có kệ nói về sự đói khát chính là bệnh thứ nhất. Như đây thì hai thuyết khác nhau thế nào?

Đáp: Nếu nói bệnh là khổ thì cả bệnh nặng lẫn nhẹ đều bị nhiếp phục cả. Sự đói cũng như vậy, cho nên hai thuyết có sự khác nhau. Lại nữa chẳng thể trị được, cho nên nói đói khát là bệnh đầu tiên. Vì sao vậy? Vì đói khổ khó trị, trị sẽ không hết như bị bệnh dưới ánh nắng mặt trời, bệnh vì mắt tức chẳng giống như đây, lại không dừng lại, cho nên đói là bệnh, từ sống đến chết vĩnh viễn chẳng dừng nghỉ. Ngoài ra bệnh chẳng phải như thế mà đói là bệnh

phải trị, giống như trét hồ lên tường, giống như không bệnh, như kẻ oán chửi người thân, đầy cả các nơi. Chúng sanh mà bỏ ăn thì liền đói khổ. Như trong phẩm Địa ngục nói. Vì vậy bệnh đói ấy đã dẫn đầu, sao gọi là chết?

Đáp: Căn mạng dứt hết, đây gọi là chết, cùng khắp với tất cả chúng sanh. Do có lửa có thể nấu thức ăn, mà nơi thân thì luôn có rắn độc, đâu có khác gì. Khi tánh này tận diệt và do đây gọi là mất. Các căn không được ăn, tùy theo như lửa mà hết. Tâm và tâm pháp căn, chính là duyên lớn. Vì căn diệt cho nên tâm pháp tùy theo đó mà mất, mạng còn ấm mà thức lìa nơi thân thì lúc ấy gọi là chết, có kệ như sau:

Mạng ấm và ý thức,
Nếu xa rời nơi thân,
Mất nằm ngang trên đất,
Như củi khô không trí.

Lại nữa cũng giống như chỗ tụ họp, ấm giới vào và tiếp tục đoạn tuyệt. Đây gọi là chết, chết lại có hai loại: Một là tự tánh chết, hai là chết ngang. Tự tánh chết cũng lại có hai loại: Một là do nghiệp hết, hai là do mạng hết. Chết ngang lại cũng có hai loại: Một là tự mình ngang, hai là người khác ngang.

Lại nữa chết có ba loại: Một là chết theo từng sát na, hai là chết ngang, ba là nguyên nhân hết thì chết. Chết theo từng sát na nghĩa là khi thác lại sanh và cho đến khi Kha La La 11 vị chẳng có ánh sáng, chẳng có hơi thở, trong sát na rồi hết. Có kệ rằng:

Chúng sanh từ đêm đầu,
Do ái sanh vào thai,
Vô ngại tự nhiên đến,
Một lần đi không lại.

Lại như trong kinh nói: Này các Tỳ kheo trong mỗi sát na sự sanh già và chết, đây gọi là sự chết rơi vào trong từng sát na. Hoàn tử, bị chết bằng chất độc, lửa, dao, gậy.v.v. hoặc tự làm, hoặc người khác làm. Do đây mà mệnh căn hết. Đây gọi là Hoàn tử. Còn nhơn tận tử, nghĩa là cảm bởi cái nghiệp sống lâu đã hết không còn nữa. Đây chính là sự chết chân thật. Chỉ có A La Hán được giống như ngọn đèn tắt. Đây gọi là nhơn tận tử. Vì sao gọi là tướng chết ? Sao lại là việc chết và sao gọi là duyên của sự chết ?

Đáp: Mạng căn đoạn tuyệt, đây gọi là tướng chết, xa rời đường chính, gọi là việc chết. Sanh ra chính một cái duyên của sự chết. Vì sao gọi sự chết là khô?

Đáp: Vì sợ nên khổ, người này khi lâm chung ví sự chết như chất kim cương bị phá hoại và sanh về nơi khác, chẳng còn gần gũi, xa rời thân quyến ta rất yêu thương quý mến, giúp đỡ thân này mà nay tan rã băng hoại thì phải vĩnh viễn xa lìa chỗ sanh quý hiếm ấy nên sợ hãi. Cho nên nói chết là khổ. Và lại khi đốt xác thì con người cũng phải trải qua việc ác chẳng vui việc lành và do nguyên nhân là lúc mệnh chung phá giới và thấy tương lai sẽ bị sanh vào đường ác, nên khởi lên việc lo lắng và thân tâm sầu não, như trong kinh Tử Pháp nói. Vì vậy cho nên chết là khổ, khi mang thai cũng khổ, lúc hài nhi còn ở trong bụng mẹ cũng chịu biết bao nhiêu khổ nhọc. Hoặc do người mẹ ăn uống bất thường, đứng đi cực nhọc, làm cho khổ sở bức bách. Phải chịu sự khổ nhọc như thế để được an toàn tánh mạng, chẳng may sự chết đến đoạt mất mạng căn thì rất khổ mà khi sanh sản cũng khổ như vậy. Tuy rằng cực nhọc nhưng lại vẹn toàn. Nếu chẳng may sự chết non thì xem như mạng sống đã hết.

Khi lớn lên ở tuổi thanh niên thọ dụng lục trần, chẳng biết cho đủ, cùng với người thân chung ở chẳng bao lâu và do tuổi trẻ ít bệnh lại có của cải, cho nên hay khởi lên những sự kiêu mạn say sưa. Lúc này thì chẳng lo gì đến việc chết là khổ. Khi

tuổi trẻ qua đi. Lúc ấy tài sản giàu có, lúa thóc đồ dùng tất cả đều đầy đủ. Hoặc bị vua quan phạt tội nặng nề, hoặc gặp phải bệnh hoạn khốn đốn, liền mới suy nghĩ ta chắc phải chết. Tâm ấy quyết chắc rồi ngậm ngùi nước mắt chảy, thiêu đốt cháy dần, dưới mắt kẻ thân người thuộc chẳng còn ai. Việc chết sẽ đến, đâu có bị kịch nào sánh được với sự khổ này. Sự chết đến giống như núi lớn hiện ra. Xem qua bốn phương lại chẳng thể ngăn được, như một sức mạnh chẳng thể chống trả lại được, cổ họng giống như miệng ngựa, thiêu đốt nóng cháy làm cho tất cả như kiếp mặt không mặt trời.

Tất cả chúng sanh đều chẳng thể độ, như biển Đông chẳng thể qua bờ, như kim cang bị sét đánh vào núi ngũ âm, như gió lớn thổi tróc gốc cây, như Ca Lôu La thôn tính rồng, như quỷ uống ăn làm cho người mất mạng, như oán tặc lớn thường hay cướp đoạt đời sống quý giá, như người tội nặng tâm chẳng an lạc, như vị vua ác tội nặng khó tha, như lúc xuân đến tất nhiên sẽ có. Đây chính là nghĩa nói về sự chết là khổ, phóng dật tử, phá giới tử, sanh duyên tử. Ba điều này có gì khác nhau ?

Đáp: Huệ mệnh mất còn, gọi là người phóng dật chết. Khi giới thanh tịnh ở nơi mạng sống phá hoại cho mất đi. Đây gọi là phá giới nhưn tử, đời sống hết rồi gọi đây là sanh duyên tử. Lại nữa rơi

vào chánh pháp gọi là Phóng dật tử, mắt tánh Tỳ Kheo gọi là phá giới tử. Thoái tụ đồng phần gọi là duyên sanh tử. Lại có giác vô giác tử, có hồi vô hồi tử, có phóng dật vô phóng dật tử, có đấm nhiễm không đấm nhiễm tử, có điều phục không điều phục tử, thiếu phần điều phục tử. Tướng này gọi là gì ?

Đáp: Kẻ phàm phu làm lành như Thánh hay Bồ Tát, liền khởi lên sự nhớ nghĩ, xả bỏ mệnh căn. Đây gọi là Hữu giác tử, khác với đây gọi là vô giác tử, phá giới nhưn tử gọi là Hữu hồi tử. Người giữ giới mà chết thì gọi là chết không sợ hãi, do năm sự say sưa nên chẳng cung kính làm những pháp luật học xứ, nên đây gọi là chết phóng dật, khác với điều này gọi là chết không phóng dật. Đối với cha mẹ vợ con khởi lên tâm ái trước đấm nhiễm mà bỏ thọ mạng, đây gọi là cái chết sự nhiễm trước, khác với điều này gọi là chết không nhiễm trước. Các bậc A La Hán thường hay điều phục lục căn, nên khi xả bỏ thọ mạng hay gọi là điều phục tử. Còn kẻ phàm phu làm những việc ác với tâm tàn mạn mà chết thì gọi đây là bất điều phục tử. Hữu học Thánh nhân xả bỏ thọ mạng, thì gọi là Thiếu phần điều phục tử, ngũ ấm trong mỗi mỗi niệm đều tự mất và làm hại kia thì sự chết sao có thể thành được ?

Đáp: Tất cả các ấm đều diệt trong từng mỗi niệm và luôn luôn lưu chuyển tiếp tục, nương vào

sự liên tục ấy và sự tai hại kia chính là việc chết hình thành, như sự hạn chế liên tục giống như ngọn đèn tắt. Đồng thời các căn chẳng việc gì là có thể, cũng giống như cái bình vỡ. Mạng căn này suy sụp cũng giống như thế. Lại có người nói: Thọ mạng của đời sống này chẳng có sát na nào là không mất đi. Vì sao vậy ? Nếu niệm niệm thay đổi mà thọ mạng không, thì sự chết chẳng phải lúc chết và làm hại cho cái chết khác, tất cả đều chẳng thành, ba loại bệnh lại cũng chẳng thành, cho nên mạng căn không phải mất trong từng niệm một. Vì sao ghét nhau mà phải gặp nhau?

Đáp: Vì sự ghét nhau và thương nhau luôn luôn chẳng cố định, do trần là chỗ gặp gỡ để oán. Vì do sự tụ hội lại giận nhau, lại đây là chỗ gặp gỡ để giận hờn nhau, như người đối với việc heo ăn, ngoài ra còn nói Khổ đế chẳng thành lập, vì bất định vậy. Rằng: Chẳng phải oán thân, trần là bất định, mà sự ghét nhau gặp nhau sinh ra sự khổ, việc ấy bất định, như cảnh giới không định, sanh việc lành liền định. Việc ác lại cũng như thế, oán tắng hội khổ lại cũng như vậy. Lại do nghiệp ác ở đời trước dính liền với quả và tụ tập lại, nên gọi là oán tắng hội được thành lập và điều ấy chính là khổ. Đồng thời oán tắng hội khổ là sự trói buộc khổ thọ và tư lương thuyết. Vì sao vậy? Vì tất cả chúng

sanh đều thích vui, oán khổ vậy. Sự thọ hội này gọi là oán tắng hội, lại cùng với những bạn ác tụ hội và nhiều sự sai trái, nên gọi là oán tắng hội khổ, như kệ nói phía sau:

Cùng với bạn ác sống
Chẳng hợp, không sai trái
Công đức này lớn lắm
Lìa tức không khổ sở
Bạn lành cùng ở chung
Ta khó nghĩ phán quyết
Chia lìa đúng là khổ
Cái giá sự ở chung

Lại nữa kẻ tu giới thanh tịnh quán rõ ràng mắt mắt sự sợ hãi và kẻ xấu phạm giới đã thọ cùng ghét nhau, sanh hối quá và quán khởi việc biết xấu, thì kẻ tu hành này sự oán ghét kia có thể khô đi, là thiện pháp vậy. Phiền não thiêu đốt và oán hận Thánh nhân thì có thể làm ngược lại tâm thanh tịnh. Trong đây nói ác nghiệp pháp, quả phiền não tương ưng với nhau, nên gọi là oán tắng hội. Sao gọi là tướng của oán tắng hội ? Thế nào là việc oán tắng hội ? Thế nào là duyên của oán tắng hội ?

Đáp: Chẳng phải chỗ ái tụ làm tướng, tâm lo lắng làm sự, nghiệp phiền não làm duyên. Vì sao oán tắng hội lại khổ ?

Đáp: Sự bức não làm thể, như cái ác ở gần vì khổ là duyên nhân vậy, như thức thấy chó sói sợ hãi cả thân tâm, như chất độc hại thân. Sân si làm duyên, như thấy gốc của sự oán, vô an ổn làm nhân, như truyện vua Vô Ưu (Asoka). Đồng thời cùng với nhiều loại khổ tương ưng với nhau, có thể tự hại thân mình, như A La Hán đời trước, chẳng ái tương ưng mà sanh ra nhiều mong muốn. Cầu dục là nhân duyên của ba loại khổ như kệ nói: Thọ khổ người cầu. Lại do bạn ác cho nên sanh ra sự sợ hãi lớn như nai thấy thợ săn, như người ngồi nằm và áo trời che phủ lên giường quý, thiêu đốt đỏ hực như kim châm nơi thân, thân tâm kích động sanh ra sự khốn khổ lớn, cho nên có tên là oán tắng hội khổ. Loại oán tắng hội có gặp gỡ và vĩnh viễn chẳng xa lìa, thì nghĩa này như thế nào?

Đáp: Một lúc tánh cảnh giới liên tục cùng với sự phát sanh trí tuệ của các pháp và hằng tương tục gặp nhau, nên oán tắng tụ hội khác nhau là ở nghĩa này, khó thể đạt thành. Lại khổ thọ chính là oán tắng, sự thọ này chẳng lìa nơi tâm. Đây là nghĩa thuận nan chẳng?

Đáp: Như trong kinh nói: Như sự nhiếp phục có nhiều loại nghĩa của sự gặp gỡ cũng lại như vậy, như bài kệ tán dương sau:

Một phần đủ tâm phần,

Đạo dùng loại giống nhau,
Hơn cả nơi tự tánh,
Kính gọi đó pháp nhiếp.

Như nhiếp cũng gặp nhiều loại như thế, nghĩa là chẳng lìa một cảnh và tướng chấp trước tương đối .v.v. cho nên điều khó này đúng sai đều được. Vì sao thân ái mà lại chia lìa ?

Đáp: Sự thân ái này là trần hoặc, còn gọi là chúng sanh hoặc, chẳng phải chúng sanh và với sự ly biệt này gọi là thân ái ly. Đồng thời khi còn trai trẻ không bệnh, cuộc sống bản thân tướng hình đầy đặn, tự tại, bạn bè xa lìa. Lại có tên là biệt ly, cùng lúc những thiện nghiệp quả báo. Lục nhập nhiếp vào, ở đây lại lánh xa, nên gọi là ái biệt ly, như rời khỏi cõi trời và niềm vui ấy bị tan vỡ, nên gọi ái biệt ly. Vì sao vậy? Chính niềm vui này là sự cảm thọ của ái nhiễm vậy. Do sự ái nhiễm ấy mà sắc đẹp, cảnh giới ấy lại sanh ra đấm trước. Ở đây lấy niềm vui thọ nhận làm bạn nghĩa là tướng, hành, thức lại sự đấm trước, nói đúng nghĩa của nó là chỉ nhận niềm vui và khi hoại thì gọi là ái biệt ly. Thế nào là tướng thương nhau mà lìa nhau ? Thế nào là việc thương nhau mà phải lìa nhau?

Thế nào là việc duyên vào sự thương nhau rồi lìa nhau?

Đáp: Sự lìa ái là tướng, tâm lo lắng là sự việc, gặp thất bại ấy là duyên. Sao lại bảo sự thương yêu nhau mà chia lìa lại là khổ?

Đáp: Nguyên nhân ấy chính là thương nhau mà phải chia lìa nhau vậy. Đây là sự lo lắng bên trong của các chúng sanh, giống như cây cối trong rừng bỗng nhiên bị lửa cháy, như trong kinh nói: Như chư Thiên bị đọa, sự khổ của ái biệt ly phải xuống địa ngục, giống như trong truyện Mục Liên.

Lại nữa đối với chúng sanh nghi, nghe, thấy, hoài niệm về sự thương yêu mà phải xa lìa nên sanh ra ưu bi khổ não. Đây có tên là ái biệt ly khổ? Lại do cha mẹ, vợ con vì yêu quyến thuộc là nguyên nhân của biệt ly vậy. Như bị mất tiền rồi đánh mất bản tâm, như bị dính mắc vào hôn say, nói năng khốc lóc, tuyệt vọng như gặp người mới chết, như mất ngôi vua khổ sở bức bách, như vô thức, vô tri, si loạn, hiển nhiên như thuyền bị phá nổi trôi lo lắng trên biển cả, cho nên ái biệt ly khổ là vậy. Sự già chột đến cũng là oán tăng hội, tuổi trẻ ra đi cũng có nghĩa là sự thân ái lìa xa. Liền nói là oán hội, ái ly.

Tại sao lại chẳng nói nhiều hơn nữa?

Đáp: Sự già chột đến, tuổi trẻ ra đi, như thế hai khổ ấy La Hán cũng có, chỉ có không gặp oán tắng như kệ sau đây:

Nếu tất cả thật không,
Oán tắng và thân ái,
Chẳng lo chẳng nhiễm tâm,
Người ấy được Niết Bàn.

Dùng nghĩa này chẳng phải để nói thêm, mà do già bệnh chẳng phân biệt sự khổ ấy, cùng với La Hán như nhau, như kệ trước đã nói. Cái già xấu người có thể lo, còn oán tắng hội khổ và nguyên nhân của ái biệt ly phân biệt khởi, tất cả đều thuộc về sự khổ của tâm. Kẻ chưa lìa dục tức có khổ này. Lại do già bệnh nên gọi là nương vào cái khổ bên trong, oán hội, ái ly gọi là nương vào cái khổ bên ngoài. Cho nên chẳng nói khác. Còn cầu bất đắc nghĩa là thế nào?

Đáp: Xa rời sự khổ và chẳng gặp khổ, tức được an lạc và chẳng lìa, muốn điều này không được thì gọi là cầu bất đắc khổ. Lại cùng với sanh, lão, bệnh, tử đều là khổ. Cầu chẳng gặp và chẳng thể được sự sanh này là định pháp. Cho nên gọi là cầu bất đắc khổ, lại cầu cùng với oán tắng, thân ái chẳng lìa, tức chẳng thể được, nên gọi là cầu bất đắc khổ. Ngoài bốn cái khổ như trên, còn hai cái

khổ nữa đang hiển bày nơi đây thì phải nói như thế nào?

Đáp: Chẳng phải thương nhau mà phải gặp nhau thì gọi là oán tắng hội, đối với chỗ thương nhau mà bị phân ly thì gọi là ái biệt ly. Bây giờ thì cầu oán không gặp và cầu thân không lia, như trước đã nói hai loại này là khổ, vì vậy chẳng nói thêm. Lại được mà chẳng xả bỏ lại cùng với các trần tụ hội lại, nên có tên là oán tắng hội. Được rồi chẳng xả bỏ, cùng với ái trần chẳng được cùng nhau tụ hội, nên gọi là ái biệt ly. Chưa được chưa xả ái trần này cầu chẳng thể được, nên gọi là cầu bất đắc khổ. Do cả ba đời đều như vậy, nên không nói thêm nữa. Tướng của sự cầu bất đắc ra sao? Việc cầu bất đắc như thế nào ? và vì sao lại duyên vào sự cầu bất đắc?

Đáp: Cầu bất đắc nghĩa là lấy tướng trái nghịch với ý dục và sự lo lắng khát vọng làm sự việc đồng thời hiện ra chẳng công dụng tìm tòi và lấy duyên ấy làm việc chẳng lành. Sao lại cầu không được mà khổ?

Đáp: Cũng giống như cái bình như ý bị vỡ đi, chỗ mong muốn làm vua bị mất. Lại chính là cái khổ tạo nhân duyên, rồi sinh ra việc ham muốn ngũ trần. Do chẳng thể được, nên lửa dục thiêu đốt như

nghệ thuật của Ba Già thiêu đốt ra tro. Cho nên gọi tên cầu không được là khổ. Lại có ba lúc hay sanh khổ, đó là cầu lợi mà ta không được, làm cho chẳng được rồi chẳng được. Do đây mà sanh ra lo buồn và khổ vậy. Đây có tên là cầu bất đắc khổ. Mệnh trần đã là khổ, mà có được đi chẳng nữa thì cũng khổ. Cầu mà không được vì sao lại khổ?

Đáp: Điều này bất định vậy, được mà chưa hoàn toàn cũng khổ. Vì sao thế? Nếu có được lòng tin thì chẳng gọi là khổ, lại nữa việc này nương vào việc xa lìa sự lo lắng. Cầu bất đắc nghĩa là hay sanh tâm cầu được năm việc lợi của đời rồi tạo ác ưu não. Nếu chẳng được như thế là do sự tưởng tượng vậy. Lại như tuổi trẻ, sau đó lại già, gọi tên là khổ. Như vậy được ngũ trần lợi hại về sau, nên gọi là khổ, như chấp già vào ám làm khổ, rồi nương tựa, nên gọi là khổ. Được sự lợi lạc của năm trần cũng là khổ, nghĩa này cũng lại như thế. Vì nhân duyên gì mà cầu bất đắc khổ?

Đáp: Nhân duyên là chẳng đầy đủ, giống như hạt giống không nảy mầm thì không sanh được, do đời trước keo kiệt, tật đố tà kiến, sân hận làm hại đi việc lớn, ấy là nguyên nhân và bây giờ cầu bất đắc. Như truyện Tỳ Kheo Uất Đa La, nhân vì pháp ác lìa khổ, thọ lạc cầu chẳng thể được, giống như A Tỳ địa ngục chúng sanh vậy. Còn cầu bất đắc lược nói

có ba nguyên nhân: Một là chẳng có nhân lành đời trước, hai là chẳng hề dụng công và ba là chẳng ái kính kẻ khác. Sao lại lược nói ngũ ấm là khổ?

Đáp: Vì thấy đầu giữa và sau cùng đều khổ vậy. Sự sanh là khổ ban đầu, chết là khổ phía sau, già và ưu bi tức khổ ở giữa. Lại nữa vì nhiếp phục có thời gian nên khổ, hữu gian khổ nghĩa là như già bệnh chết vậy, vô gian khổ nghĩa là hằng tùy tất cả các phần, rồi vì nhiếp mỗi mỗi tự tướng với cái khổ vô biên vậy. Cho nên nói về việc chấp vào ấm gọi là thông tướng khổ. Vì sao vậy? Vì các khổ khác có nhiều loại không tính được. Giả sử đức Như Lai ở nơi vô lượng kiếp rộng nói tướng khổ lại cũng chẳng thể hết.

Lại như những sự khổ về sự sanh giống như lửa, ngũ thú ấm như rơm. Như trong kinh Đốt Cháy nói: Lại nói những cái khổ của sự sanh giống như đất đai. Vì sao vậy? Vì cái khổ của thủ ấm sanh gọi là sanh thủ ấm. Sự biến dị của khổ này thành lão thủ ấm. Sự khổ về bức não gọi là bệnh thủ ấm. Cái khổ phá hoại gọi là tử thủ ấm. Chẳng yêu gặp nhau khổ, gọi là oán tăng hội thủ ấm. Sự thân yêu mà ly tán khổ thì đây là ái biệt ly thủ ấm. Điều gì chẳng toại ý thì gọi là cầu bất đắc. Lược nói nghĩa thế nào?

Đáp: Có ba loại: Một là nhiều, hai là khác, ba là một xứ, nghĩa là ba đời phân tán chẳng loại chẳng đồng, giữ tại một nơi, cho nên gọi là nói lược. Lại nữa nói lược có hai loại: Một là lược nghĩa, lấy một nghĩa nhiếp lấy nhiều nghĩa, giống như chơn bảo. Hai là cú kệ lược, đây là nghĩa hay nhiếp lược như đồ thật quý giá. Như vậy sự khổ có nhiều nghĩa nhiều tên mà mỗi thứ đều có một tên một nghĩa để nhiếp. Nói chung cùng gọi là lược.

Hỏi: Các âm tướng là gì? Âm nghĩa là thế nào? Các âm cùng một hình tướng ra sao? Vì sao chẳng lập một âm? Âm và thủ âm là hai loại như thế nào?

Đáp: Theo sự hỏi ấy thì trong ngũ âm luận tư thích, phẩm phân biệt có giải rõ rồi.

Hỏi: Vì sao nói thủ âm gọi là khổ mà chẳng gọi ngay là âm khổ?

Đáp: Muốn phân biệt Đế có bốn tướng, nên nói thủ âm là khổ, nếu trực nói âm là khổ, tức hai Đế chẳng thành. Vì sao vậy ? Minh âm, giới, định và ngũ âm đều thành khổ đế.

Hỏi: Thủ âm nghĩa là gì?

Đáp: Ái dục nghĩa là thủ, âm này hay sanh sự chấp giữ, vì chỗ chấp phát sanh nên sự chấp lại

tương ứng. Chỗ chấp tùy theo đó có thể có chấp, cho nên nói là thủ âm.

Hỏi: Tùy theo sự quán một khổ tức thông đạt khổ đế, đâu cần phải phân biệt rộng về các tướng khổ sao?

Đáp: Các hành như lìa quán các khổ sanh tâm xa lìa, khi sanh tâm xa lìa rồi lại hay quán thông khổ, được nhập vào chánh quán để làm dụng. Cho nên phải nói rộng.

Lại nữa vì phân biệt sanh tử và khổ sanh ra trí chọn lựa, được trí này rồi quán khổ một nghĩa, chẳng phải trí phân biệt. Do nguyên nhân này mà được sanh trí này. Lấy sự bình đẳng làm cảnh, chẳng cần nhọc công, tự nhiên lưu chảy, không có giác quán. Đây gọi là trí thứ tám, nương vào cảnh pháp sanh như dụ về voi quý.

Hỏi: Như trong kinh gọi lạc là nương vào lạc, vì sao lại nói thủ âm lại khổ?

Đáp: Như kệ này nói:

Vì chấp đối trị vậy,

Điên đảo dục cho vui,

Kinh nói ấy là khổ,

Chánh kiến nên chẳng vui.

Nghĩa này như trong Ngũ âm luận giảng rộng, đối với phẩm khổ nhẹ (ít) và sự đối trị khổ, thì sự khởi lên nơi niềm vui, tưởng là thật, mà chỉ là sự khổ.

Hỏi: Trong kinh này lược nói những gì và ngoài ra thì kinh cũng giảng rộng về sắc là khổ?

Đáp: Vì kẻ có trí tuệ đa văn cho nên lược nói thủ ấm là khổ, vì kẻ không trí huệ nên rộng nói sự chấp thủ về sắc, ấy là khổ. Như thế vì thấy ánh sáng mà chưa thấy người sáng cho nên phải rộng nói thêm.

Hỏi: Vì sao nói thủ ấm là khổ?

Đáp: Khổ ấy bức bách như người ở nơi nhà có bảy báu, nhiều loại trang sức đẹp đẽ ngũ trần thật là mỹ miều, làm cho tâm sinh hoan lạc. Chỉ như cây kim nhỏ chích vào liền sanh khổ thọ, quên mất niềm vui trước như mùi vị chua, rồi sự khổ tới đa. Nghĩa là già, bệnh, chết, ái biệt ly, oán tắng hội, cầu bất đắc, ưu bi, khổ não, được mất, khổ bức bách và các khổ hại khác. Ở trong sự chấp giữ về ấm, niềm vui rất ít, đều là những hư vọng giống như nước bị hồng.

Hỏi: Lược nói tám sự khổ, đây nghĩa là gì?

Đáp: Các loại khổ nương vào nhau để sanh, nên gọi là khổ, hay làm cho biến hoại thành già, nên gọi là khổ, hay bức bách khổ, khổ nơi thân và bệnh, nên gọi là khổ. Hay diệt trừ các căn và sự chết, nên gọi là khổ. Chẳng yêu mà phải gặp, gọi là oán tắng hội khổ, dễ thương mà xa lìa cho nên gọi là khổ ái biệt ly. Hy vọng mà chẳng toại nguyện, nên gọi là khổ. Cầu bất đắc và các tướng khổ khác về thủ ám cũng gọi là khổ, tựa như bắn tên. Lại có cái khổ chân thật và sự có ấy sanh và sanh là pháp gì? Nghĩa là danh và sắc. Sắc tức là lão, bệnh tử chỗ đáng hại. Gọi là sự biệt ly, oán tắng hội, cầu bất đắc khổ làm hại. Thủ ám cũng là các khổ làm hại. Lại nữa lão, bệnh, tử thuộc về khổ nơi thân. Dùng sự vô phân biệt thì ái biệt ly và ba loại khổ khác thuộc về khổ của tâm. Đây là do sự phân biệt khởi lên mà có vậy, sanh và thủ ám là thân tâm hai khổ. Lại nữa do sự sanh mà nói là hành khổ. Do sự tử mà nói là hoại khổ.

Ngoài ra còn năm câu khác nói về khổ khổ. Đây là ba sự khổ lấy thủ ám làm nguyên nhân. Lại do thủ ám có khởi lên, nên sanh ra và lục đạo xuất hiện, thân thể biến đổi thành thực tức là già, do sự tiêu tụy nên thân thể chẳng bình thường và hay bệnh, làm cho thay đổi. Khi mệnh chung thì ám hoại nên gọi là chết, lìa con đường chính chẳng yêu

thọ, nguyên nhân cùng với sự tụ hội oán hờn và tương ưng với ý. Cái nhân của tương ái thọ xa rời nên gọi là ái biệt ly, cùng với ái và chẳng cùng. Sự mong muốn chẳng toại ý gọi là cầu bất đắc, như nguyện chẳng thành. Vì tất cả những sự khổ là gốc. Do vậy thủ ám gọi là khổ, các khổ ấy tự sanh ra chẳng công dụng gì, nên Bà Tẩu Bạt Ma pháp sư đã phân biệt về phẩm khổ để rõ ràng như vậy.

II.2 Phẩm Tư Lương Tập Đế (Thứ Tư)

Nói khổ đế rồi, lần lượt nói về Tập đế như thế nào? Tập ấy nghĩa là gì? Thế nào là tự vấn và tự đáp? Sự khát ái ra sao? Sự khát ái này tương gì? Việc gì và duyên gì? Khát ái là cách nói với nghĩa rõ. Vì sao sự khát ái chính là Tập. Điều này tự đủ để nói về sự khát ái rồi. Dùng cách nào lại nói có thể hoặc hậu hữu. Có thể hoặc hậu hữu nghĩa là gì? Có thể hoặc hậu hữu quyết định tương hỷ dục, tùy nơi ái trước.

Vì sao tạo nhiều loại để nói về sự hỷ dục, nghĩa gì theo đó. Vì sao xú xú ái trước lại nói chồng lên? Vì sao có các khác biệt hoặc hay tạo nên tương của Tập? Vì sao hay nói khát ái là Tập? Nhân gì là xúc mà nói khát ái là Tập? Chẳng nói các nghiệp tham ái và nghiệp phiền não tập. Tại sao hay nói là khổ tập vậy? Vô minh duyên, quán vị duyên, tam thọ duyên và ái, sự sai khác này như thế nào? Đã nói về tứ đại xúc, danh sắc, mỗi thứ có nguyên nhơn của âm, lại nói sự khát ái là nguyên nhơn. Hai thuyết này chẳng khác nhau sao? Sự khát ái, vô minh, ngã mạn, nghiệp, ăn uống đều là nguyên nhơn của sự khổ. Những thứ này có tương khác nhau như thế nào? Hỷ dục và dục dục nghĩa

này ra sao? Bụi cây trong rừng và sự tham có tên khác nhau và nghĩa này như thế nào?

Người đã hỏi về khổ đế rồi. Vì sao lại lần lượt nói về tập đế?

Đáp: Đã quyết tâm tin về quả; nhưng chưa rõ biết tin như và muốn làm cho tin như; nên lần lượt nói về tập và hiển thị rõ ràng là khổ đế ấy tùy thuộc vào nhân duyên. Lại nữa vì thọ hóa mê lầm nên mười hai nhân duyên sanh; lại nói khổ đế giống như cơ quan tùy thuộc vào nhưn duyên vậy. Tự tánh yếu đuối và vô ngã tướng. Lại nữa với thế gian tham ái trói buộc cột chặt, chẳng thể ra khỏi sanh tử ngục. Cho nên hiểu chỗ cột có thể cột. Lại làm cho chúng sanh tính như thế này: Đây là khổ đế không có đầu đuôi, khó thể trừ diệt. Do nhân duyên sanh, cho nên có thể trừ diệt được; giống như hạt mầm có thể lên cho tốt đẹp đứng đắn. Người hỏi tập ấy nghĩa là gì?

Bình đẳng tự lại sự sống, ấy gọi là tập. Là 3 nghĩa này tức chẳng thành nguyên nhưn lại làm cho khởi lên gốc gác của suối nguồn có thể thành và có thể hiện ra. Rồi lần lượt nhưn duyên ấy gọi là tập.

Người hỏi là tự hỏi và tự đáp như thế nào mà có các đệ tử chẳng thể giải được sự sợ hãi nơi tâm, để gìn giữ ba điều này?

Phật tự đáp rằng: Vì khó phá tà và nhờn đây hiển lập điều chánh làm nhờn, cho nên có sai chấp. Nghĩa là Phạm Vương tự tại và Thiên nhờn, thì tánh vốn là tứ đại, không, hư lân lấy đây làm nhờn để dừng. Vì phá tà chấp mà hiển thị nguyên nhờn chánh vậy.

Phật tự đáp rằng: Lại nữa đối với mười hai nhờn duyên sanh và ở các kinh đã nói nhiều về Tập. Có các đệ tử chưa rõ kinh này là do pháp gì mà làm khổ tập?

Phật tự đáp rằng: Vì dục làm cho được quyết định về trí lực, lại vì che lấp trí thọ hóa chẳng thông đạt nên lược dạy là nghĩa vậy. Vì làm cho khai mở sự giác ngộ; nên Phật tự đáp. Lại vì thắng trí thọ hóa giác quán nhiều nên chẳng chấp trì, làm cho trí kiên cố; nên Phật tự đáp. Lại vì làm rõ nghĩa sự thọ hóa và làm cho quyết định trí lực; nên Phật tự đáp. Lại nữa vì phân biệt trí của đệ tử làm cho được rõ ràng, giống như ngọn đèn; cho nên Phật tự đáp.

Người hỏi khát ái nghĩa là gì? Khát ái có tướng gì? Sự gì? Và duyên gì?

Đáp: đây là những chúng sanh hay quán pháp hữu vi công đức, nương vào sự hữu dụng của tâm chẳng biết đủ; cho nên khát ái, như uống nước mặn, giống như người giữa mùa hè nóng bức dưới sức

nóng chiếu của mặt trời làm khát nước khô sở, tìm nước khắp nơi lại uống nhằm nước mặn; nước biển lại càng làm khát hơn thế nữa, như thế kẻ phàm phu thế gian thường vì sanh tử là do ái dục thiêu đốt tâm này. Tà vọng phân biệt làm cho sanh ra khát vọng và chỉ một lòng hướng về mong muốn niềm vui ái dục. Mắt, tai, thân, thức và tâm ý luôn là chỗ thọ dụng các vật, cái được rồi hay chưa được lúc nào cũng chưa đủ. Cho nên nói pháp này là sự khát ái. Lại chẳng biết đủ; nên gọi là khát ái như đốt lửa rom, kết quả là chảy mỡ. Đây là sự thiêu đốt. Đối với các loại đều chẳng biết đủ và kẻ thế gian phàm phu vì thế mà bị sự tham ái đốt tâm. Đối với người, trời, trong chỗ tốt đẹp của nguy trần, mỗi mỗi sự thọ dụng chẳng biết đủ như thế dẫu có làm vua cũng không biết đủ.

Sự khát ái cho thấy có nhiều loại khác nhau. Mỗi thứ chia làm 2 loại khác nhau. Đối với thủ ấm khi khởi lên ngã chấp và ngã ái thì đây gọi là sự tham duyên vào bên trong. Đối với loại chấp thủ khởi lên chấp cái thuộc về ta, đây là gốc gác của ái thuộc về loại tham, nằm bên ngoài. Thấy khác vì nương vào nguyên nhơn để thấy và mong được sanh ra nhiều hơn. Đây gọi là hữu ái khả y (do ái nương tựa vào). Chẳng có thấy sự mong cầu vui và đoạn ngã; đây gọi là vô hữu ái. Tánh khác có nghĩa

là sự tham ái điên đảo khởi lên che khuất mọi việc, giống như đám mây che; cho nên gọi là nằm bên trên tâm. Sự tham ái tùy theo sự mê muội và tùy theo công việc, giống như chuột dữ. Đây gọi là ly tâm ái (ái lìa tâm).

Lại nữa nguyên nhơn của sự khát ái nương vào duyên nghiệp sai biệt vậy. Mỗi mỗi có 3 loại. Nguyên nhơn khác là nguyên vui chưa gặp với sắc trần. Sự ái này chính là nguyên nhơn khổ của sự bảo vệ giữ gìn. Nương vào sự khác nhau có nghĩa là nơi chỗ thọ nhận đầy đủ của chúng sanh, mà chúng sanh đây là vui được các ấm trong tương lai. Mong muốn được sanh, nên gọi là nương vào chúng sanh. Chỗ ái có nghĩa là vui theo 3 đường, thường mong đến nơi này. Gọi đây là sự nương vào nơi chốn để thương yêu. Vui nghe tiếng tốt, sự va chạm, màu sắc, mùi vị và hương thơm v.v., trần cảnh, cầu dục thọ dụng gọi đây là nương vào sự thọ dụng ái đầy đủ. Duyên khác có nghĩa là sự tham ái có thể tạo cho nghiệp phiền não, khổ duyên vào và duyên ấy khởi lên ba loại này. Gồm có nghiệp khác nghĩa là bình đẳng và bất bình đẳng khát ái liên tục. Bình đẳng ái có nghĩa là nương vào đạo lý để cầu tìm thỏa mãn sự thọ dụng. Đây gọi là bình đẳng ái. Ngược lại với điều này là bất bình đẳng ái. Tương

tục ái có nghĩa là tùy theo sự mê mờ tham ái từ vô thi kéo theo. Đây gọi là tương tục ái.

Lại nữa sự khát ái chấp vào con đường lấy tư lương làm đối trị khác nhau, mỗi thứ có bốn loại . Thủ dục có nghĩa là đối với dục giới, ý dục mê lầm, khát ái tham trước. Đây gọi là dục thủ, đối với lời nói ta thấy giới và trong đó vẫn có sự khát ái đắm trước lại cũng như vậy. Đạo đối trị dục có nghĩa là sự đối trị với tánh của bốn quả Thánh. Tư lương dục có nghĩa là uống ăn, áo quần, chỗ ngủ thuốc thang, mà sự khát ái lại nương vào ba loại thọ dụng sai biệt ấy và trở thành 5 loại: Đối với niềm vui thọ dụng sanh ra 2 loại ái , là tụ tập ái và bất tương ly ái. Đối với sự khổ thọ cũng sanh ra 2 loại, là bất tụ hội ái và tương ly ái. Đối với sự xả thọ thì khởi lên vô minh ái.

Lại nữa sự khát ái dùng sự việc khác nhau và phân thành 5 loại. Nghĩa là chưa được cầu cho được, được rồi mong làm cho được việc. Hai là sanh được niềm vui mong cầu rồi cầu cho sự việc đầy đủ. Ba là cầu cho đủ rồi lại tăng trưởng thêm sự việc. Bốn là khi tăng trưởng rồi lại làm việc gìn giữ. Năm là khi gìn giữ rồi sau đó bị mất mát, tan biến sanh ra lo lắng ưu sầu.

Lại nữa sự khát ái nương vào năm ấm nên nói là năm, nương vào sáu căn nên trở thành sáu. Nương vào sáu căn mỗi thứ có ba loại thọ dụng thành 18. Lại nương vào chỗ nối kết để thành 36. Cứ như thế cây tham ái cứ tùy theo sự mê muội mà mọc gốc rễ thêm. Tư lương ngã ái là việc thọ dụng và lấy thân làm gốc. Ở tam giới sự tham ái là tối cao. Sáu sự yêu thương tụ lại làm cảnh và việc thực hành ái ấy giống như lá, 800 loại ái ấy là hoa và sanh ra những quả chẳng lành. Như thế này thì sự khát ái ấy là nguyên nhân của khổ tập, nguyên nhân này sẽ sanh ra những sự khổ khác. Đây gọi là khát ái. Trong này nên biết về tướng của sự khát ái, tướng của tâm hỷ và sự việc chính là không biết đủ, nên sanh ra 11 loại khác. Duyên đây chính là quán về công đức hữu vi làm duyên vậy.

Hỏi: Sự khát ái này nói khác hơn là vì sao mà khát ái chính là tập? Điều này nói như thế đủ chưa?

Đáp: Sự khát ái có nhiều loại, thường hay cảm sau khi sanh, lại là định của tập, ngoài ra tức chẳng nắm giữ. Nếu chẳng phải như vậy thì khi nghe chánh pháp, lại cũng nên nói là tập. Lại nữa sự khát ái này có thể cảm đến vị lai chẳng thể cảm tức chẳng thể thủ, lại nữa sự khát ái này cùng với hỷ dục tương tục, nên gọi là tập. Nếu chẳng phải vậy tức chẳng phải chỗ chấp thủ. Và lại dục ấy giản đơn

là pháp tập đế. Nói đây chính là sự khát ái, lại ví như sự chấp giữ làm hiện ra trong hiện đời là căn nhân khổ của sự khát ái và sẽ được sanh ra tiếp theo. Ta phải biết rằng cái khổ trong quá khứ sanh ra đó là chẳng lìa sự khát ái vậy, như trong kinh Úc Già Trưởng Giả nói.

Hỏi: Nói sự khát ái rồi dùng cách để lại nói có thể sự cảm thọ sau đó là thật có?

Đáp: Sự khát ái có nghĩa là nói không thể hết, cho nên có thể nói là sau khi cảm nhận thì có sự hiển định sự khát ái. Thường hay nói sự khát ái là nguyên nhân (tập). Như vậy các A La Hán khát và thích nước cũng là tập vậy, nếu có sự khát ái có thể làm cho diệt sự khát ái thì nương vào chỗ dừng, lại cũng trở thành tập.

Hỏi: Có thể sau khi cảm nhận thì nghĩa này như thế nào?

Đáp: Có thể làm cho thức và âm dính mắc vào sự có ấy, vì sao vậy? Vì ngã (ta) và ngã sở (những gì thuộc về ta) là chỗ chấp trước. Như thế sự khát ái có thể làm cho thức và sự chấp trước ở nơi này. Ví như đất bụi dính vào chỗ thấp rồi hạt giống nương vào chỗ ẩm thấp của đất vậy. Lại cũng có thể sanh ra sự có trong tương lai, như mẹ sanh con. Lại vì vị lai mà sanh ra thức ăn, cho nên gọi là thức ăn xúc.

Sự ăn uống này có thể dẫn đến chỗ thương yêu, cho nên có thể nói là cảm nhận sau đó.

Lại nữa ngày xưa cũng có những vị thầy kỳ cựu giải thích lời Phật dạy là sự khát ái có bốn nhân duyên có thể tạo nên sự cảm nhận sau đó, một là có thể tương duyên như kinh nói. Tùy theo sự mê say, tham ái chưa bị phá trừ, mà sự khổ hay sanh và hằng liên tục giống như hồ nước rồng ở. Hai là có thể nhiếp thụ những con đường như kinh nói: Tỳ Kheo đối với sắc đẹp và những cảnh giới khởi lên, sự tham dục và sự ái trước và thức này tùy theo sự tương ưng tựa vào sắc mà ở, thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Ba là có thể nối kết và có thể liên tục như kinh nói, có thể nối kết lại, có thể gặp, chẳng xả bỏ được cảnh vậy, làm cho vị lai thế (đời sau) sẽ sanh vào ba cõi. Bốn là có thể làm cho thọ sanh như kinh nói. Đối với việc thứ tư này là có sự ái dục và danh sắc tức liên sanh.

Hỏi: Có thể sau khi cảm nhận có tướng quyết định về hỷ dục, tùy theo nơi nơi mà ái trước. Vì sao lại tạo ra nhiều thuyết như thế?

Đáp: Ba câu này đều là tên gọi khác của sự khát ái, giống như người và tay gọi là Át Tất Đa, lại có tên là Kha La, lại có tên là Ba Nê. Lại nữa kết quả là bạn của cảnh giới khác. Cho nên có nhiều

thuyết cho là thí và vị lai là quả, cho nên nói là vị lai có sự cảm nhận, lấy hỷ dục làm bạn vậy, nói là hỷ dục tương tùy, chấp giữ nhiều loại cảnh và nói là xứ xứ ái trước. Lại nữa có pháp thường cảm sau đó, chẳng cùng hỷ dục tương tùy. Như tùy theo sự mê đắm về tham ái, có pháp thường hay cùng nói hỷ dục tương tùy, chẳng thể sanh ra có, như chẳng rơi vào cảnh giới tham. Cho nên nói đầy đủ lại có nhiều tên.

Hỏi: Hỷ dục nghĩa là gì?

Đáp: Hỷ nghĩa là có tư lương trong tâm để sanh ra sự an lạc, nên gọi là Hỷ lạc. Trong này sự sanh dục gọi là sự hỷ dục, giống như sắc dục. Lại nữa hỷ có nhiều loại dục tên là Hỷ dục, giống như cái bình quý. Lại đây là một loại thuốc có nhiệm nên gọi là tâm vui và nhiệm dục. Hợp hai loại này lại có tên là hỷ dục, giống như danh sắc. Lại nữa hỷ dục lại hỗ tương với sự sanh, cho nên gọi là hỷ dục, như quả xoài.

Hỏi: Tương tùy nghĩa là gì?

Đáp: Nói chung nghĩa là tùy, đây là tùy theo sự mê và phần trên của tâm hay sanh ra sự có sau đó. Lại ngoài ái cùng làm, nên nói là nội ái cùng hỷ tương tùy, giống như sự ái thủ. Lại nữa tùy có nghĩa là được đất đai, như Phân Biệt Bộ nói: Tương

tùy có bốn loại: Một là cảnh giới tương tùy, hai là tương ưng tương tùy, ba là gián tạp tương tùy, bốn là duyên khởi tương tùy. Cảnh giới tương tùy như trong kinh nói là người khởi lên sự giác quán phân biệt cùng với sắc tương tùy. Tương ưng tương tùy như trong kinh nói tên này cùng với lòng từ tương tùy. Gián tạp tương tùy nghĩa là như trong kinh nói: Người này tu tập tín căn cùng với từ tương tùy. Lại như trong kinh nói: Sự nhiễm trước gặp tương tùy sân nhuế và tư duy tương tùy. Duyên khởi tương tùy như trong kinh nói: Tu tập chánh kiến và không phóng dật tương tùy. Luận này là chỗ làm rõ hỷ dục, tức là gián tạp tương tùy.

Hỏi: Nơi nơi đấm nhiễm lại nói bội lên nghĩa là sao?

Đáp: Ở nơi ba cõi ái trước có nhiều cảnh giới, đối với luận này các loại ái trước sanh ra nhiều loại. Đối với các chỗ sanh nhiều loại chúng sanh tụ hội ái trước. Đối với chúng sanh tụ hội ái trước ở nơi các căn. Đối với các căn sự ái trước có nhiều loại trần. Đối với các trần sự ái trước có nhiều loại nghiệp, Lại nữa tâm như con khỉ, làm cho cảnh giới không yên, hay vui theo chấp lấy trần cảnh và sự khát ái có nhiều loại có và có tư lương, Do tùy theo sự nhiếp xả nơi nơi mà ái trước. Lại nữa quán sát sự ái trước mong có chỗ làm chẳng cố định, giống như

con trâu và lúa, lại nữa sự chấp ngã ngoài trần lại chẳng lìa dục, giống như 5 người tù trong bụng mẹ, cho nên nói nơi nơi ái trước.

Hỏi: Có nơi nói biệt hoặc có thể tạo tác về tướng của tập, vì sao hay nói sự khát ái là tập?

Đáp: Vì là chỗ tối thắng vậy, sự khát ái là vua ở mọi nơi, tất cả những loại hoặc đều cùng tụ lại nơi tập (nguyên nhân).

Lại nữa do khát ái nhiếp và sự khát ái không làm cho dư mùi vị của hoặc, dư hoặc liền mất. Nếu các loại hoặc không khởi lên, thì sự tham ái lại chẳng khởi, vì sao vậy? Vì chẳng phân biệt chỗ nương vào, lại nói tạo ra vô dư hoặc, thường hay có sự tham ái sanh tử lại khởi lên như Thủ Truyền Tháp Sa. Lại nữa khó phân biệt, do sự khát ái này lại nhập vào các thiện pháp, thì hay quán về khẩu dục như oan gia bên trong. Lại cho đến cửa chẳng cho vào, như A Na Hàm đến cửa Niết Bàn, do tham ái nên chẳng thể được vào thành người thượng lưu.

Hỏi: Vô minh lại hơn sao? Vì sao lại chẳng đề cập đến?

Đáp: chẳng phải vậy, vô minh cũng như người mù, vì khát ái cho nên ẩm rơi vào hầm lửa khổ sở, giống như voi mù, cầu dục hậu sanh, cho nên thọ quả báo về sau chẳng do vô minh, giống như người

mù vào các cửa nhà. Đây là nghĩa vậy. Vậy nói sự khát ái chính là tập.

Hỏi: Nguyên nhân gì mà chỉ nói sự khát ái là tập, mà chẳng nói về các nghiệp?

Đáp: Đó là phiền não, vì sao vậy? Sự tham ái chính là nguyên nhân thật để sanh ra, mà nghiệp thì chẳng phải như điều này, vì sao có thể biết? Vì nghiệp đầy đủ trong hiện tại. Vì sự tham ái đã hết, nên các bậc A La Hán chẳng sanh lại nữa. Như trước đây đã nói có loại giống như tập. Sự tham ái có thể làm nguyên nhân của sự có này. Đây chính là Tập để nghiệp dẫn đến có nguyên nhân. Nói là giống như tập, lại nữa sự tham là do Đạo dẫn đến diệt và nghiệp thì chẳng phải như thế. Vì sao vậy, vì chư Phật đã tu hành cứu cánh rồi thì giống như khi nghe còn nghiệp sót lại và nghiệp thì chẳng mất, nên chẳng gọi là chơn tập.

Hỏi: Nếu sự tham ái lại là nghiệp phiền não, tập thì vì sao nói là khổ tập?

Đáp: Có nghĩa như thế này, ở đây lập nên Tứ đế và đế ấy chính là khổ tập. Vì sao vậy? Vì ở nơi Thánh đế rút gọn lại nguyên nhân chân thật vậy, nên nói sự khát ái là khổ đế tập. Lại nữa hữu và sanh ẩm khát ái là tập. Sự khát ái này trong hiện thể cùng với sự sống chung với các duyên, cùng tạo

nên nghiệp phiền não tập, chẳng phải sự khát ái riêng lẻ là khổ tập. Hay nói khát ái là khổ tập để, lại nữa sự quyết định ấy là tùy theo sự mê về khát ái làm khổ tập để. Vì để hiển hóa nghĩa này, nên Phật nói kệ rằng:

Như gốc cây chưa lìa,
Tuy đứt nhưng lại sanh,
Sự tham ái chưa dứt,
Khổ ấy hằng liên tục.

Như duyên vào bên trong sự khát ái, thì nói là duyên ái khởi thủ, nói duyên bên ngoài khát ái thì nói là duyên thủ khởi để cầu tìm nghiệp.

Hỏi: Vô minh duyên vào sự quan sát, vì duyên vào ba nơi, thọ duyên vào nghiệp và ái này thì ra sao?

Đáp: Kinh nói rằng vô minh chính là do ái, duyên vào ái này và làm cho phiền não duyên vào khởi lên. Duyên nói là quán vị, thấy cảnh khởi lên thường tà về sự thấy ấy. Nguyên nhân ở đây khởi lên ái. Ái này chính là nghiệp duyên vào để khởi, kinh cũng nói rằng: Do sự tham ái nên có ba loại, ái này chính là thọ duyên khởi.

Lại nữa tất cả phiền não vô minh đều là duyên và sự tham ái này nương vào vô minh để khởi, nên nói là duyên vô minh ái. Tất cả những sự thấy đều

là do nghiệp duyên vào. Do sự thấy nghe và duyên vào này mà khởi lên sự tham ái, ái này gọi là nghiệp duyên vào ái. Tất cả khổ của ba ái lấy làm thể, duyên này khởi lên ái gọi là khổ duyên ái. Lại nữa lấy bất tín liễu làm nhân, gọi là duyên vào vô minh ái. Quán về pháp hữu vi thường vui với vị tà trí lấy làm nhân. Đây gọi là duyên quán vị ái, ngoài ra các loại khác làm nhơn gọi là duyên vào thọ ái. Ái này chính là chỗ duyên khởi cùng với kết quả của ba loại. Do cảnh giới có sáu.

Hỏi: Đã nói về Tứ đại xúc gọi là sắc và mỗi cái đều có nguyên nhân của âm. Lại nói sự khát ái làm nhân. Đây là hai thuyết có những sai khác gì?

Đáp: Vì hiển bày nguyên nhân có, cho nên nói sự khát ái có vậy. Vì hiển thị từng phần nguyên nhân cho nên nói là Tứ đại, vì hiển nhiều loại nguyên nhân, cho nên nói đối với xúc là xúc, chẳng phải một mà thọ lại có ba. Vì nguyên nhân lòng tin kiên cố, nên nói là sắc, như trong kinh Đại Duyên Sanh nói:

A Nan! Nếu thức chẳng thác vào thai mẹ thì Ca la này được thật thành tựu chăng?

Bạch Thế Tôn chẳng được.

A Nan! Nếu không có Ca La La thì thức này có thể gởi vào thai chăng? Chẳng thể bạch Thế

Tôn. Do đây mà hai pháp lại hỗ tương giữ gìn cho được kiên cố ở lại. Lại nữa từ trong vô thi nhân ấy chính là ái. Một là thời kỳ của nhân, nghĩa là Tứ đại sát na là nguyên nhân, nghĩa là xúc và danh sắc đều đầy đủ hai nguyên nhân. Nghĩa là nguyên nhân của đời trước và nguyên nhân của hiện tại có công dụng. Lại ngũ ấm của đời trước làm nguyên nhân. Nghĩa là sự khát ái đối với sự thọ sanh trong Tứ đại chính là nguyên nhân đầu. Như Ca La La là nguyên nhân của Át Phù Đà, khi đầy đủ khởi lên nhân để xúc đầu tiên và đầy đủ khởi lên nguyên nhân gọi là sắc.

Hỏi: Sự khát ái vô minh, ngã mạn duyên ăn uống đều là nguyên nhân của khổ, những điều này giống và khác nhau như thế nào?

Đáp: Sự khát ái ấy chẳng khác nhau ở nguyên nhân nghiệp là chỗ khác biệt về nguyên nhân. Sự ăn uống dẫn dắt đến nguyên nhân của sự khổ, vô minh và ngã mạn là tất cả những nguyên nhân.

Lại nữa sự khát ái có thể làm ra nguyên nhân hữu lậu và nghiệp chính là nguyên nhân của Đạo. Ăn uống chính là nguyên nhân của sự bình đẳng. Vô minh và ngã mạn lại liên hỗ tương với nhau làm nguyên nhân. Lại do sự khát ái làm nguyên nhân của cái khổ chân chánh. Đây là khổ căn bản vậy.

Ngoài ra các nguyên nhân là những tư lương luân tập lại, trợ duyên cho sự tham ái.

Hỏi: Hỷ dục và dục, nghĩa này như thế nào?

Đáp: Khi trần đến thì tâm sanh hoan hỷ. Do hỷ này sanh ra ái; nên có tên là hỷ dục. Khi trần ấy cầu chưa được, gọi là dục (sự mong muốn). Do nguyên nhân sanh ái này mà gọi tên là dục dục.

Hỏi: Rừng rậm và sự tham dục này gọi khác. Nghĩa này ra sao?

Đáp: Dục trần là cảnh giới, hay nhiệm nơi tâm; nên nói là nhiệm dục tham trước bốn chỗ nhất định và quả ấy chính là sắc dục. Sự tham trước Tam Ma Bạt Đề và kết quả. Đây gọi là hữu dục, có thể làm chướng ngại cho việc đi đến Niết Bàn; nên gọi là dục hỏa. Có thể làm cho tâm dơ bẩn; nên nói là dục trần. Có thể làm cho tâm nhiễm ô; nên nói là dục cấu. Có thể trói buộc tâm nên nói là dục biện, Vô tư tính toán; nên gọi là dục phược. Làm cho si mê nên nói là dục muộn (buồn bực).

Tâm nhiễm ô gọi là dục trước. Tùy hữu hành gọi là tùy lưu. Thường hy vọng cho nên nói là vô yểm. Được chẳng đầy đủ nên nói là tham. Chướng xuất ly nên nói là cái (sự che đậy). Cơ thể che đậy gọi là phiền não. Làm cho chẳng lìa hữu; nên nói là kết. Chẳng chánh tư duy hay xúc não, gọi là chùy

(cái dùi). Có thể đâm thủng gọi là Đẳng. Hướng thượng chuyển đổi tăng thêm gọi là Đại. Muốn cùng khắp đạo nghiệp căn trần hay vui. Nên nói là biến (đầy khắp). Dính mắc vào các loại trần và khởi lên nhiều sự dính mắc gọi là ái trước. Đối với sự sanh tử tư lương chưa được và được tâm sanh hoan hỷ, gọi là hỷ dục vô yếm. Tích tụ dục trần lợi dưỡng gọi là khát ái. Như thế đến lui phương tiện chẳng lìa sống chết; nên gọi là dục tướng. Đạo chơi trong nước phiền não và nối kết sự thương yêu làm giây buộc. Đây gọi là dục cương. Từ trên, dưới nhập vào biến sanh tử, gọi đây là ái hà, giống như biển dị khát bịnh mà gặp vào nơi biển trần. Do đây chẳng đầy đủ nên gọi là khát. Như biển chảy ngôn, như lửa đốt rơm. Hoặc này vô lậu gọi là vô lưu (không chỗ dừng nghỉ). Có thể nối kết sanh tử trước sau không gián đoạn. Cho nên nói là phùng (nối nhau lại). Sự khát ái này tồn tại có thể làm cho sự sanh tử này tương tục không gián đoạn hoặc do tự mình, hoặc do kẻ khác có thể thọ ở sáu đường sanh tử. Đối với những hoặc khác gọi là Tập. Như trong này đã nói đầy đủ. Đây gọi là giải tham ái có 11 loại nên biết:

Một là danh,

Hai là nghĩa,

Ba là thể,

Bốn là dụng,
Năm là nhơn,
Sáu là đối trị,
Bảy là tịnh,
Tám là bất tịnh,
Chín là sanh thứ đệ,
Mười là lập nan (sự thành lập khó),
Mười một là cứu nghĩa.

Nếu hành nhơn rõ biết điều này khởi quán thì tự mình làm hoặc bảo người khác chuyển mê nơi đạo lý. Cho nên nói về nghĩa này. Tư lượng Tập để phẩm cứu cánh.

Luận về Bốn chân lý, hết quyển hai.

Luận về Bốn chân lý

Pháp sư Bà Tẩu Bạt Ma tạo ra luận này. Đòi Trần nước Ấn Độ Ngài Tam Tạng Chơn Đế dịch từ chữ Phạn ra chữ Hán.

Sa Môn Thích Như Điển, Phương Trượng chùa Viên Giác Hannover Đức quốc dịch từ chữ Hán sang tiếng Việt. Bắt đầu dịch từ ngày 9 tháng 8 năm 2006 nhằm ngày 16 tháng 7 năm Bính Tuất tại thư phòng chùa Viên Giác Hannover.

III. Quyển Thứ Ba

III.1 Phẩm Phân Biệt Diệt Đế (Thứ Năm)

Kinh nói khổ diệt. Sao lại nói điều này? Do nguyên nhơn gì khởi lên? Pháp gì làm cho diệt? Tướng gì? Việc gì? Duyên gì và gọi là Diệt? Nghĩa gì thuộc về Vô Dư diệt? lìa diệt xả đoạn như thế nào? Bảy nghĩa này có nghĩa gì khác? Sao lại tận vô dư gọi là Diệt Đế? Mà chẳng nói là niệm niệm diệt? Nếu sự khát ái diệt thì gọi là Diệt Đế còn vô dư Niết Bàn tức chẳng phải Diệt Đế. Sự khát ái hết nên gọi là Tập Diệt. Sao lại nói là khổ diệt? Nếu do sự khát ái hết mà nói là khổ diệt thì người chẳng khát ái tức chẳng có khổ. Hiện thấy có khổ thì lý đây là gì? Trong thập kết thường nói sự khát ái diệt là Diệt Đế, ở yên nơi Tứ quả. Sao lại được thành? Trong mười hai duyên sanh nói Diệt có mười hai loại, sao lại chỉ nói sự khát ái tận thì đó là Diệt. Có kệ rằng:

Chi tiết nghĩa phía trước,
 Bảy nghĩa cùng niệm diệt,
 Cảnh giới là Hán diệt,
 Mười kết, mười hai diệt.

Hỏi: Kinh nói là khổ diệt như thế nào với lời này và do chỗ nhơn duyên nào khởi lên?

Đáp: Do đây là pháp sanh; nên là pháp có. Pháp này diệt tức là pháp này không; giống như đèn vậy. Cũng đã nói rồi về Khổ Đế mà sự khát ái là nguyên nhơn. Bây giờ nói do sự khát ái hết nên hiển ra khổ diệt; giống như bệnh duyên hết cho nên tật bệnh chẳng khởi lên. Lại sự khát ái này trôi chảy khắp 3 cõi. Từ vô thí khởi lên dục đối trị với hữu; nên A La Hán chẳng có khát ái diệt. Vì pháp sự chấp tà của ngoại đạo nên nói là Khổ Diệt.

Sao nhà ngoại đạo hỏi là pháp gì diệt? Tướng gì? Sự gì? Duyên gì?

Đáp: Diệt có nhiều loại. Một là trung gian diệt. Hai là niệm niệm diệt, ba là tương vi diệt và bốn là vô sanh diệt. Trung gian diệt nghĩa là như thí, giới, định, tam ma bạt đề có thể diệt ba cõi. Do sự thí này mà tùy đó được xa lìa pháp đối trị. Nghĩa là tham sân và dần dần chẳng khởi lên, gọi là trung gian diệt. Niệm niệm diệt nghĩa là tất cả hữu vi tùy theo giây phút mà kết nên gọi là niệm niệm diệt. Tương vi diệt nghĩa là pháp hữu vi này cùng với nguyên nhơn sai biệt và tánh tướng trái nhau, rồi lần hồi diệt; nên gọi là tương vi diệt. Ba điều này có cái diệt giống nhau. Còn vô sanh diệt nghĩa là có

nguyên nhơn diệt tận. Ngũ âm muốn sanh cũng chẳng được sanh. Đây gọi là chơn diệt. Lại có vị nói: Nguyên nhơn và có nguyên nhơn khát ái sau đó chẳng sanh nên gọi là diệt. Lại nơi kinh chơn chánh thì không sở hữu, lia có và lia không. Đây chính là Niết Bàn gọi là Diệt đế; như truyện nói về Cù Đàm. Lại nữa diệt có 2 loại. Một là phi trạch diệt; hai là trạch diệt. Phi trạch diệt nghĩa là các pháp hữu vi tự tánh phá hoại, gọi là phi trạch diệt, như hư không gọi là đọa trạch diệt, do lửa trí nên thiêu đốt hoặc. Đây có tên là trạch diệt như nguyên nhân lửa đốt hết rom vậy.

Lại nữa Diệt có ba loại. Một là chưa diệt hết; hai là phục ly diệt và ba là vĩnh ly diệt. Nếu hoặc chưa sanh, chưa được duyên địa thì đây gọi là vị hữu diệt (chưa diệt hết). Nếu hoặc đã sanh rồi, rồi được duyên địa, do thế, xuất thế đạo trong hiện thời chẳng khởi nên gọi là phục ly diệt. Nếu hoặc đã phục ly diệt là nguyên nhơn diệt vô dư và vị lai quyết chẳng sanh thì đây gọi là vĩnh ly diệt. Như Kinh nói: chưa sanh dục, dục vị lai quyết chẳng thể sanh; nên rõ nghĩa diệt này cũng như thế. Phân Biệt Bộ nói: Diệt có ba loại. Một là niệm niệm diệt; hai là tương vi diệt; ba là vô dư diệt; giống như ngọn đèn hết.

Lại cũng có vị nói: Diệt có bốn loại. Một là tự tánh diệt; hai là vô sanh diệt; ba là trung gian diệt; bốn là vĩnh ly diệt. Chẳng do nguyên nhơn diệt nên tự tánh diệt. Như kệ nói:

Chư hành tất vô thường,
Sanh diệt do pháp này,
Nếu có sanh, hoại diệt,
Tịch diệt này niêm vui.

Kinh lại nói: Nếu như pháp có sanh tức pháp có diệt. Chẳng do dụng công như vật nặng nhẹ tự nhiên nổi chìm. Gọi đó là tự tánh diệt. Do nhơn duyên không có thì quả chẳng thể sanh; đây gọi là vô sanh diệt. Như kinh nói: Do vô minh diệt nên tam hành chẳng khởi, như trong bảy lưu có mầm giống. Đất hoại giống thì chẳng thể sanh. Đây gọi là vô sanh diệt. Do định lực nên gọi là trung gian diệt. Như kinh nói: Nếu lìa tâm hoặc bên trên thì gọi là có lúc tâm được giải thoát. Chín loại lần lượt diệt. Như Tỳ Kheo Nan Đề Kha có duyên sự làm đèn, gọi là Trung gian diệt. Do Bát Thánh Đạo diệt gọi là vĩnh ly diệt.

Như kinh nói: Nếu người tu về vô thường tưởng hay diệt tất cả sự nổi kết và rơi vào chỗ mê hoặc thì khi sự sáng sanh, tức thì vô minh vĩnh viễn mất. Gọi đây là vĩnh ly diệt. Giống như bình chứa

và hỏa lò. Lý luận này chính là sự biện giải cho vĩnh ly diệt. Tướng gì? Sự gì, duyên gì? Chẳng có chỗ mất tướng của hữu vi; tâm chẳng thiêu đốt làm sự; thông đạt thực tế làm duyên. Đại Đức nói tịch tĩnh làm tướng, tâm dừng yên làm sự. Cực giải thoát tri kiến làm duyên.

Hỏi: Diệt nghĩa là gì?

Đáp: Diệt này gọi là Ni Lu Đà. Ni nghĩa là nói không chỗ lo lắng suy nghĩ; đà nghĩa là che chướng. Sự khát ái là pháp có thể làm chướng. Trong này chẳng hề có; nên gọi là Ni Lu Đà. Tương vi phá sanh khởi, sự khát ái trôi qua vĩnh viễn chẳng sanh lại, như cái bình nung khi màu đỏ sanh ra thì cái gốc màu xanh vĩnh viễn không thể sanh lại nữa.

Hỏi: Vô dư diệt, ly diệt, xả đoạn khí. Bảy nghĩa này khác nhau như thế nào?

Đáp: Đây đều là tên riêng của Niết Bàn. Đây là 7 tên gọi nương vào đồ vật để gọi. Như Niết Bàn có 66 cách gọi khác nhau. Lại nữa tâm dừng và tùy theo sự mê đều tận như cây chặt gốc gọi là vô dư diệt, rồi lần lượt diệt tận, như Phủ Kha Dụ nên gọi là Diệt. Ngày trước bị cột ràng vào một chỗ và do đạo lực cho nên không có sự ràng buộc đả trước, như người giàu có chẳng đả say tham lam. Đây

gọi là lia. Sự ác tận diệt nên gọi là Diệt; lại như nghĩa trước gọi là Ni Lư Đà. Đây gọi là Diệt. Nếu pháp cùng tướng hoặc lia, giống như xả bỏ vật thì đây gọi là xả trong hiện đời. Đây cùng vị lai vĩnh viễn không tiếp tục nữa, giống như nội căn (gốc bên trong). Đây gọi là đoạn diệt; lại chẳng giữ lại như bình chứa nước; đây gọi là khí (sự quên đi).

Lại nữa tất cả sự khát ái, phẩm loại đều thanh tịnh tận diệt thì đây gọi là vô dư, dần dần hoại gọi là diệt. Do quán quá khứ tâm chẳng khởi lên sự chấp trước; nên đây là viên ly hành. Đoạn kết tận duyên khởi lại không; cho nên nói là Diệt. Giải thoát phiền não gọi là xả. Duyên vào trí để rõ hoặc ban đầu vĩnh viễn diệt, có tên là đoạn. Trước đây giữ ngã chấp và bây giờ liền bỏ đi. Cho nên nói là khí.

Hỏi: Vì sao tận vô dư gọi là Diệt Đế, mà chẳng nói niệm niệm diệt?

Đáp: Do vô dư diệt; nên vị lai khổ lại chẳng sanh. Chẳng do niệm niệm diệt nên nói vô dư là khổ. Diệt mà chẳng nói niệm niệm diệt. Nếu quán vô dư diệt, tướng tịch tịnh thì có thể diệt được hoặc, niệm niệm diệt tức chẳng phải như thế. Lại nữa tùy thuộc vào Đạo vậy. Thắng dư pháp là việc lành chơn thật. Chẳng cùng được; nên phiền não chẳng

thể hoại. Nói chẳng sai an tâm duyên vào; cho nên nói vô dư là khổ diệt, mà chẳng nói niệm niệm diệt.

Hỏi: Nếu khát ái diệt gọi là Diệt Đế thì Vô Dư Niết Bàn tức là phi Diệt Đế chẳng?

Đáp: Có luận sư nói rằng: Thanh tịnh phạm hạnh là quả; cho nên phiền não diệt thì gọi là Diệt Đế. Tất cả giả danh mất thì gọi là Vô Dư Niết Bàn. Luận này nói Vô Dư Niết Bàn là cảnh giới của chơn Diệt Đế. Vì sao vậy? Vì được Diệt này là do tu hành phạm hạnh, như trong kinh Phú Lô Na thí dụ về bảy xe rằng các A La Hán hoặc đã tận vô dư, mà sự già, bệnh, chết, lạnh, nóng, đói, khát, sự tai hại, trói buộc khổ ấy giống như chưa khỏi; cho nên Vô Dư Niết Bàn là cảnh giới của Chơn Diệt Đế. Chơn Diệt Đế này do nguyên nhơn đã hết; cho nên nói sự khát ái diệt, ấy là Chơn Diệt Đế.

Như trong luận Ưu Ba và các luận lý khác cho rằng có thể làm cho đến Vô Dư Niết Bàn khi mà tham ái tận thì sẽ được gọi là Diệt Đế. Tuy nhiên có 2 loại Niết Bàn, đó là Hữu Dư và Vô Dư. Tất cả đều gọi là Diệt Đế. Tại sao nguyên nhơn diệt thì gọi là Hữu Dư mà quả diệt thì gọi là Vô Dư? Do nguyên nhơn diệt nên có nguyên nhơn diệt, như đèn hết và ánh sáng không còn. Cho nên 2 loại diệt đều gọi là Diệt Đế.

Hỏi: Sự khát ái tận nên gọi là Tập Diệt. Vì sao lại nói Khổ Diệt?

Đáp: Khổ của lửa khát ái giống như rơm rạ. Nếu không có sự khát ái thì cái khổ của rơm và của lửa ấy liền mất. Như rơm không còn thì lửa cũng tiêu theo. Lại nữa Khổ Đế lấy ái thực để được sống còn. Do ái thực đoạn nên Khổ Đế hết; cho nên nói là Khổ Diệt.

Lại nữa những bậc thầy kỳ cựu nói: Chẳng lìa quá khứ và khổ hiện tại, đối với Đức Thế Tôn tu hành thanh tịnh phạm hạnh, vì sao quá khứ tự tánh diệt rồi và hiện tại quyết muốn xa lìa, vị lai có khổ liền làm cho chẳng sanh. Đối với Đức Thế Tôn bậc tu hành thanh tịnh phạm hạnh, thì đây là khổ chẳng sanh và do sự khát ái tận; nên cái khổ sau cùng tận và nói là ái đoạn khổ tận.

Hỏi: Nếu do sự khát ái tận, nên nói là khổ diệt. Vậy thì có kẻ không khát ái, tức là chẳng khổ, nhưng hiện thấy có khổ, thì cái lý này ra sao?

Đáp: Lo lắng hối hận về sự khổ cho được tịch tịnh, như trong kinh Thủ Trường Giả nói: Lại như vĩnh viễn xa lìa tâm bệnh như đã đốn chặt tâm này, lại cầu cho dụ khổ đau, như đầy đủ lục trần. Do sự khát ái diệt nên các bậc A La Hán vĩnh viễn lìa tâm

khổ, cho nên chẳng sai với lý. Lại nữa chẳng quá khứ, hiện tại, vị lai khổ, gọi là Khổ đế.

Lại nữa chẳng phải Thánh đạo là chỗ phá. Vì sao vậy? Vì quá khứ đã qua và vị lai chưa có cùng với hiện tại quyết định xa lìa, thường do sự thông đạt thật tế vậy. Sự khát ái diệt tận là do lìa khát ái. Vì cái khổ về sau chẳng sanh, nên tu theo Bát Thánh đạo. Do nghĩa này nói A La Hán không còn khổ, giống như bệnh khát nước vậy.

Hỏi: Trong Thập Kết hoặc thường hay nói sự khát ái diệt là Diệt đế và an lập nơi Tứ quả, sao lại được thành?

Đáp: Tham ái có bốn loại, Tu Đà Hoàn quả đạo là chỗ phá, do sự diệt này mà những Kết khác cùng một lúc khởi lên và cùng tận. Cho nên nói là Diệt đế, do đó sự an lập Tứ quả đối với lý không mất, lại như cùng một tướng và một vị vậy. Nếu nói sự khát ái tận, tức nói tất cả kết đều tận. Như nói Bát Thánh đạo tức nói tất cả đạo, phần 2 là chỗ tương đồng vậy, cùng thành một việc. Lại có các dư hoặc, lại có thể thành lập tướng của Tập đế mà sự khát ái, chính đó có thể dẫn dắt đến vị lai sanh, có thể làm cho có về sau. Đây chính là nghĩa ấy. Riêng nói khát ái là Tập đế, như vậy tất cả hoặc tận đều nhập vào tướng của Diệt đế, hằng có nguyên nhân

của sự diệt tận. Sự khát ái này diệt thì gọi là Diệt đế.

Hỏi: Trong mười hai duyên sanh nói Diệt có mười hai loại, vì sao nói sự khát ái tận là diệt?

Đáp: Như trước hỏi sự khó ấy và đã tự sai khiến. Lại như đứt con đường, ái tận, dục diệt và Niết Bàn, thì đây có 5 nghĩa, một là hay cùng nhau liên tục, cho nên nói do sự khát ái tận, tức là nói mười hai con đường chính. Lại sự khát ái tận vì thông diệt, mười hai con đường diệt có tên là Biệt diệt.

Hỏi: Niết Bàn là tên riêng mà có đến 66 loại, như vậy nghĩa này như thế nào?

Đáp: Vô vi cùng tất cả, tướng mạo tán thán, nhân lập đối trị, sai khác.v.v. nên nói và giải thích rộng, vì nhân gì như thế này ? Đây là Niết Bàn vô sanh trưởng và vô diệt:

- 1) Chẳng có nhân duyên tạo tác, khác với hữu vi, cho nên nói là vô vi.
- 2) Ra khỏi tam giới, lìa nơi thấp kém, chẳng sánh với gì cả, cho nên nói là vô hạ.
- 3) Vĩnh viễn xa lìa sự trôi nổi và chẳng sanh, chẳng còn giữ lại dấu tích, cho nên nói là Chơn đế.

- 4) Chẳng nghi các cảnh giới rần độc sợ hãi, cuối cùng ở ba cõi, xả bỏ những công dụng, độ qua khỏi biển sanh tử, cho nên nói là bờ bên kia.
- 5) Rõ biết tất cả nên nói là nghe rõ.
- 6) Như hoa Ưu Đàm thế gian khó gặp, nên nói là khó thấy.
- 7) Chẳng già chẳng phá nên nói là vô hại.
- 8) Chẳng động đến gốc, cho nên nói là hay ở tại, không tranh cãi.
- 9) Đối trị trừ pháp, thể chẳng thiếu, cho nên nói không mất.
- 10) Qua khỏi cảnh giới của mắt, chẳng có pháp nào cùng, nên nói là không thí dụ được.
- 11) Chẳng có tham ái và ngã chấp, nên vô hý luận.
- 12) Lửa hoặc diệt hết, nên nói là tịch tĩnh.
- 13) Qua khỏi cái chết của vua, nên nói là cam lồ.
- 14) Đây thật là đẹp đẽ, tịch tĩnh, khả ái, nên nói là Cực diệu.
- 15) Tịch tĩnh chẳng khổ, nên nói là dừng lại.
- 16) Chân thật pháp lành, nên nói là an ổn.
- 17) Vô thiêu nhiệt khát, nên nói là ái tận.
- 18) Sanh lửa than nhạ (ngờ vực), cho nên nói là khó có.
- 19) Đối với sự sanh tử chưa đến, cái đức này nên nói là chưa hề được.

- 20) Già và những ngang trái chẳng thể hại, cho nên nói là vô uổng (không công).
- 21) Bên trong không ít, bên ngoài không ác chướng, cho nên nói là không tai nạn.
- 22) Về sau không sanh khổ, cứu cánh an lạc, nên nói là Niết Bàn.
- 23) Khát có vô tướng nên nói là khó nghĩ.
- 24) Cùng với ly sanh chẳng mất, vui tương ưng, nên nói là chẳng sanh.
- 25) Tứ ma chẳng đến nên nói là không dấu tích.
- 26) Chẳng do nguyên nhân thành tựu cho nên nói là chẳng làm.
- 27) Chẳng có nơi nào là không hành tâm từ, nên nói là vô ưu.
- 28) Một được chẳng thoái, nên nói là danh trụ.
- 29) Chẳng có pháp nào có thể giống nên nói là không so sánh được.
- 30) Vĩnh viễn xa lìa sự chấp thủ ham muốn, cho nên nói là không cầu.
- 31) Không có trước sau cho nên nói là không có biên giới.
- 32) Khó thể rõ biết nên gọi là vi tế.
- 33) Chẳng thể bách hại cho nên nói là không tổn hại.
- 34) Chẳng mê hoặc nhiễm trước, cho nên nói là ly dục.

- 35) Chẳng có những sai trái cho nên nói là thanh tịnh.
- 36) Sự trói buộc đều đoạn trừ cho nên nói là giải thoát.
- 37) Là sự nương tựa cho nên nói là chẳng trụ.
- 38) Chẳng có hai pháp cho nên nói là không sai trái.
- 39) Chẳng thể sánh bằng cho nên nói là đẳng.
- 40) Vào các nơi chốn không bị chìm nên nói là không bị hại.
- 41) Người ngoài chẳng được cho nên nói là thâm thâm.
- 42) Là Phật chánh giáo cho nên nói là chẳng thể rõ biết.
- 43) Quán công đức này làm cho đến bờ bên kia cho nên nói là có thể qua khỏi.
- 44) Pháp trên cao cả cho nên nói là không có trên.
- 45) Biển pháp toàn tráp (tích góp vào) rộng khắp chân thật, kẻ cao cả mới được, cho nên nói là hơn cả.
- 46) Vạn hạnh đều được chỗ cao khó sánh, cho nên nói là Thánh quả.
- 47) Là nguyên nhân của sự sợ hãi cho nên nói là vô úy.
- 48) Thánh ái kiên cố cho nên nói là chẳng xả bỏ.
- 49) Phạm Thánh đều có cho nên nói là biển mãn.
- 50) Công đức khó lường nên nói là Vô lượng.

- 51) Chẳng tùy thuộc vào sáu đường cho nên nói là vô số.
- 52) Thể cực trình cố cho nên nói là chẳng bị phá.
- 53) Các pháp chẳng có đầu mối cho nên nói là tôn quý.
- 54) Có thể nói là tối thanh tịnh cho nên nói là nên tán thán.
- 55) Là chỗ ở của Thánh chúng, cho nên nói là nhà.
- 56) Hay cứu khổ chúng sanh nên nói là quy y.
- 57) Chiến đấu một cách thanh tịnh, cho nên nói là yên lặng.
- 58) Căn bản không làm nên nói là chẳng giả.
- 59) Lià dục sân si cho nên nói là vô cầu.
- 60) Trừ bóng tối vô minh cho nên nói là ngọn đèn.
- 61) Các thọ tịch tĩnh cho nên nói là lạc
- 62) Không rơi vào chỗ đọa cho nên nói là không đọa
- 63) Tứ lưu không trôi nổi nên gọi là châu
- 64) Tâm tán loạn không chứng cho nên nói là bất động;
- 65) Rộng khắp 10 tướng cho nên nói vô sở hữu;
- 66) Chẳng có chỗ nương vào nên nói là không dính mắc.

Trong kinh bộ hỏi rằng: Phép nào gọi là tư trạch diệt?

Đáp: Là sự dính mắc, ấy là tư trạch diệt.

Hỏi: Là sự dính mắc là pháp gì?

Đáp: Đó là tư trạch diệt. Đây là hai điều hỗ tương chọn lựa. Chung cuộc chẳng thể hiện rõ 2 pháp làm thể tướng, cho nên hay vì phương tiện mà nói rộng về thể tướng này. Thánh nhơn không phân biệt nên chương trí sở tri. Thể tướng này như thế mà nói vì khác việc lành nơi nhiều vật khác; hoặc nói là kết ly (là sự nối kết); hoặc nói là tư trạch diệt. Các vị sư cũng có nói trong các kinh là tất cả vô vi thì chẳng phải là vật có. Vì sao vậy? Chẳng phải như sắc, thọ có. Ở nơi những vật khác, kẻ nào đó không thể đụng tới được, thì gọi là hư không.

Như kinh nói: Trong bóng tối không ngại, không che nên gọi là hư không. Do lực Bát Nhã cùng với hiện tại tùy theo sự mê hoặc; thể, tánh, tướng sai khác sau đó chẳng sanh thì gọi là tư trạch diệt. Là nhơn duyên tư trạch này, chẳng đầy đủ, chẳng được sanh, thì đây gọi là phi tư trạch diệt, giống như trong một thời gian hơnh tử, kết quả còn lại không tiếp tục. Các vị sư của những bộ phái khác nói: Tùy miên phiền não sau chẳng được sanh, với cái lực của tư trạch này gọi đây là tư trạch diệt. Do duyên chẳng đầy đủ và cái khổ sau không sanh.

Trong này tư trạch diệt không có sức mạnh nào nói là phi tư trạch diệt.

Luận nói: Nghĩa này chẳng đúng. Nếu lia tư trạch diệt này thì không thành, mà phải biết là thuộc tư trạch diệt. Các bộ khác cũng nói: Nếu pháp đã sanh và sau khi sanh thì tự diệt. Tự tánh diệt nên nói là phi tư trạch diệt. Nếu như sự chấp này là Phi tư trạch diệt thì nên biết là vô thường. Vì sao vậy? Vì lẽ lúc pháp chưa hoại thì chưa diệt. Tự hỏi: Nếu như vậy thì tư trạch diệt cũng là vô thường. Vì sao vậy? Tư trạch diệt trước sau vẫn diệt mà?

Đáp: Sự diệt này chẳng phải là tư trạch ở trước. Vì sao vậy? Vì pháp chưa sanh nên chẳng sanh. Nếu tại tư trạch ở sau thì không đúng nghĩa vậy. Vì sao thế? Vì lúc chưa tư trạch (chọn lựa) thì chưa sanh; nên pháp không sanh mà bỗng lai đã có rồi. Pháp này sẽ sanh tư trạch khởi ngay sau đó thì chẳng thể sanh là do cái lực của tư trạch cái hoặc này từ xưa đến mai hậu không có sanh chứ bây giờ đoạn lia sự sanh của lực tư trạch. Ngoài ra còn nói nếu định ấy không sanh thì chính là Niết Bàn vậy. Trong Kinh Thông Thích quốc dụ nói gì?

Kinh rằng: Tu tập là làm cho tính hạnh và ngũ căn hay diệt; quá khứ, hiện tại, vị lai khổ đều diệt. Đây gọi là Niết Bàn chẳng sanh. Tuy thuộc vị lai,

phi hiện tại quá khứ? Đáp: Có hình nghĩa như thế, chẳng như câu văn. Vì sao vậy? Vì có thể duyên vào cái khổ hoại của 3 đời diệt, cho nên nói là khổ diệt. Ngoài ra kinh cũng nói: Các người nên xả bỏ sắc, thọ, dục này. Do ái dục diệt và sắc ấm của các người liền ly diệt cho đến thức ấm cũng là như vậy. Đối với nghĩa diệt này là cái khổ ba đời. Nghĩa này cũng như vậy. Ngoài ra còn nói: Nếu nói khổ diệt thì nghĩa này có thể đúng. Lại trong Quốc Độ kinh nói rằng: Tu tập năm căn hay diệt các hoặc trong các đời quá khứ, hiện tại, và vị lai. Vì sao lại chẳng khác hình này?

Đáp: Như trước đã giải thích, lại có giải riêng rằng: quá khứ hoặc tức là chỗ nhiếp ở đời trước. Hiện thế hoặc nghĩa là chỗ nhiếp ở đời này. Đây là hai thời hoặc và khi đã tiếp nhau theo thì trở thành hạt giống có thể sanh mầm cho các hoặc trong tương lai. Do cái mầm này diệt; cho nên nói là tam thế hoặc diệt, như quả báo hết thì nói là nghiệp non đã tận. Cái khổ và hoặc của vị lai là do chủng tử không; nên vĩnh viễn chẳng thể sanh ra nữa. Cho nên kinh nói: Ba đời hoặc diệt. Nếu như chẳng có quá khứ, hiện tại, thì chỗ nào có diệt. Vì sao vậy? Đối với pháp diệt rồi và hướng đến công dụng của pháp diệt gì để thí? Ngoài ra còn nói trong kinh Tương Thắng rằng: Tất cả pháp hữu vi vô vi, đây là

pháp ly dục, nguyên nhơn đây lại chẳng có, vì sao lại chẳng dư ra, chẳng có?

Đáp: Ta chẳng nói vô vi định là chẳng có, như ta trước đã nói như thế ấy là có, như người đời nói sự nghe có. Trước không, nghe có rồi sau không có. Lại do sự có này mà nói và làm cho không vật nào thành có, rồi rõ biết rằng vô vi, nên nghĩa này lại cũng như vậy. Tuy đồng là không; nhưng mà có. Chẳng thể tán thán hơn nữa, chẳng như tất cả tai hoạnh rớt cuộc chẳng sanh. Cái vô là hơn cả có thể tán thán. Vì sự thọ hóa ấy khởi lên câu nguyện ở tâm. Cho nên Phật tán thán. Ngoài ra nói: nếu vô vi là vô pháp thì diệt tức là Thánh Đế. Vì sao vậy? vì vô sở hữu vậy chẳng?

Đáp: Đây là hai pháp Thánh nhơn quán đều chẳng có điên đảo khổ như tướng khổ, tướng không, như vô tướng. Dùng nghĩa này để chỉ về Thánh Đế chẳng? Ngoài ra nói: Chẳng có vật nào là đệ nhị đế cả?

Đáp: Lập thành Thánh Đế như trước đã nói rồi. Nương vào thứ 2 và sau đó nói thứ 3. Ngoài ra nói: nếu vô vi thì chỉ là chẳng có trí pháp nào hơn. Hư không và Niết Bàn tức là không có cảnh giới chẳng?

Đáp: Ta chẳng nói nhưt thiết trí là pháp hữu vi làm cảnh. Nếu duyên với hữu vi thì chẳng có quá khứ vị lai thế, tức có vật làm cảnh. Nếu duyên vào các pháp khác tức chẳng có pháp nào làm cảnh. Ngoài ra nói: Người bảo rằng vô vi có vật gì nương vào chỗ có?

Đáp: Nếu ta chắc vô vi có vật là chỗ có. Ngoài ra người rõ rằng cái nghĩa của ta bị giữ chằng?

Đáp: Chư thiên nên giữ; nếu rõ có thể giữ thì người tính không thật. Vì sao vậy? Vì pháp vô vi chẳng như sắc, thọ và tánh này có thể chứng, chẳng phải như mắt có thể thấy công việc vậy. Vật này cũng mắt. Vì sao có thể biết rằng vô vi và hữu vi là sự việc chẳng tương quan với nhau? Vì sao thế? Sự tương quan ấy phi như quả vậy, thường không đúng và ngược lại sự khát ái, đây là đạo lý. Như nói: hoặc căn bản này không; nên gọi cái nhưn ấy là vô vi. Ngoài ra nói: Nếu lập vô vi là có, do hoặc này đến chỗ đoạn vậy. Có thể nói diệt này là hoặc diệt. Nếu nói vô vi là vô pháp thì vô này nhưn gì có thể quyết chắc đến được?

Kinh nói: Các Tỳ Kheo này đã đến được hiện pháp Niết Bàn. Nếu Niết Bàn là không thì làm sao có thể đến?

Đáp: Do sự đối trị khởi lên liên tục và hoặc hậu sanh rất cuộc sai khác nhau; cho nên nói đến được hiện pháp Niết Bàn. Lại trong A Hàm nói: Tuy chẳng có pháp nào gọi là Niết Bàn cả. Kinh nói: Khi khổ diệt và xả hết cùng tận và lìa dục khổ, chẳng đến nữa nên lại chẳng sanh. Sự thanh tịnh kỳ diệu này phải xả ra sao? Đó là tất cả những thủ chấp và khát ái tận thì ấy là Niết Bàn.

Ngoài ra còn nói: Vì sao chẳng rõ nơi những vật khác chẳng sanh? Nói điều này không sanh gọi là Niết Bàn chẳng?

Đáp: Ta thấy chấp này không hơn được. Nghĩa là người nói ở những vật khác không sanh, vì là có cho nên những vật khác không sanh. Vì do được cho nên những vật khác không sanh. Nếu là có cho nên những vật khác không sanh, thì Niết Bàn hằng hữu nơi ba cõi, nên vĩnh viễn chẳng sanh. Nếu do được chứng thì âm liền diệt. Nếu như người chấp vào sự có này là quá sai. Cho nên hãy biết rằng thường chẳng sợ hữu mới gọi là Niết Bàn. Như kệ nói, dụ như ánh sáng hết, tâm giải thoát lại cũng như vậy. Như ánh sáng của ngọn đèn hết thì chẳng phải có vật. Đó là Phật tâm giải thoát cũng như thế thôi.

Hết phẩm Phân Biệt Diệt Đế, quyển thứ 3

Luận về Bốn Chân Lý

Thứ tự kinh văn số 1647. Đại Chánh Tân Tu Đại tạng kinh quyển thứ 32 thuộc về luận tập bộ toàn, từ trang 375 đến trang 399

Pháp sư Bà Tầu Bạt Ma tạo ra luận này. Đòi Trần nước Ấn Độ Ngài Tam Tạng Chơn Đế dịch từ chữ Phạn ra chữ Hán.

Sa Môn Thích Như Điển, Phương Trượng chùa Viên Giác Hannover Đức quốc dịch từ chữ Hán sang tiếng Việt. Bắt đầu dịch từ ngày 9 tháng 8 năm 2006 nhằm ngày 16 tháng 7 năm Bính Tuất tại thư phòng chùa Viên Giác Hannover.

IV. Quyển Thứ Bốn

IV.1 Phẩm Phân Biệt Đạo Đề (Thứ Sáu)

Kinh nói Đạo đề, chữ này như thế nào? Vì non gì mà khởi lên? Nếu đạo có thể diệt được gọi sự khát ái tức thì nên nói việc làm cho khổ hết. Nếu chẳng phải vậy thì lời nói ấy sai. Nếu cũng như Diệt Tập Khổ thì vì sao trong kinh lại chẳng nói đầy đủ? Nếu đạo có thể hết khổ, thì kẻ tu đạo nên chẳng còn khổ. Nếu chẳng phải như vậy thì chẳng nên nói hành cho đến khổ hết, nếu hữu vi pháp đối với vô vi pháp không có hành đến thì sao lại nói hành đến khổ hết là nghĩa chánh hành. Kẻ nói chánh hành là Bát Thánh Đạo, thì quyết rằng lời nói ấy dùng để chỉ cho bậc Thánh nghĩa là gì? Tại sao nói đạo là Thánh mà chẳng nói các trợ đạo khác. Nếu đạo khác phân biệt để nói tiếng này thì lời nói này để phân chia đạo sao? Như vậy tức là có phân chia và sự phân chia ấy không có sai biệt? Đạo nghĩa là gì? Vì sao kinh này nói có phân chia đầy đủ, còn kinh khác thì không đủ.

Nếu đạo là hữu vi thì vì sao Phật nói: Gốc từ xưa đã có rồi, nếu là vô vi thì sao lại nói là hữu vi. Nếu đạo là một thì một người tu, người khác cũng

được giống như thế để nương vào. Nếu chẳng như vậy, tức chẳng nên nói là do chỉ một đạo này. Nếu các bậc Thánh như đồng được một đạo thì vì sao trí tuệ lại chẳng giống nhau ? Nếu trí huệ chẳng đồng thì vì sao mà nói sự giải thoát đều bình đẳng ? Nếu đạo phi tâm thì các vật vô tình lại cũng nên có đạo. Nếu tâm phi tâm thì pháp tu ấy tức chẳng đủ, nếu là tâm pháp thì các pháp sai khác vì sao cũng đều có một tâm? Nếu đạo đến để trừ hoặc, tức là pháp sai khác với cùng một tâm ấy. Nếu chẳng đến nơi tương tục khác thì vì sao lại chẳng ngoại trừ? Nếu sự phân chia đầy đủ khởi lên tức là có nhiều tác ý, nếu lần lượt khởi lên tức hằng có một phần. Vì sao chỉ thành lập 8 phần mà chẳng hơn chẳng kém? Vì sao chẳng thủ dục và các pháp khác? Vì sao một pháp nói là tạo ra ba loại? Trung đạo có thể giảm phước, ác hạnh đến tận khổ.

Vì sao lại nói chánh kiến đầu tiên? Vì sao lại bảo đầu tiên nên hành chánh kiến là có ý nghĩa gì? Kiến tức là chẳng thuận thực vì có thể thấy chánh kiến. Cùng với Thập Thiện thì chánh kiến cả hai khác nhau thế nào? Nếu do chánh kiến một lúc thấy Đế (chân lý) có thể có nhiều cảnh. Nếu chẳng phải vậy thì phi niệm niệm diệt, nếu chánh kiến mà rõ biết các Đế thì ngoài ra sự phân chia ấy dùng để làm gì?

Chánh giác nghĩa là gì? Vì sao ba pháp lại thành một? Nếu nương vào hai định để chứng được lậu tận thì chánh giác chẳng đủ đạo phần và lại chia riêng ra, nghĩa này nên tìm hiểu thêm.

Còn chánh ngôn nghĩa là gì? Nếu có chứng ở lời nói thì đạo tu không có định. Vì sao vậy? Phật dạy rằng định là dùng âm thanh để lựa lọc, nếu chẳng thế thì chẳng thành đạo phần.

Chánh nghiệp nghĩa là gì? Tất cả phần đều là chánh nghiệp, vì sao nói một gọi là chánh nghiệp? Nếu xa lìa gọi là chánh nghiệp thì sự lìa ấy chính là chẳng lìa. Vì sao lại thành nghiệp? Lìa sự hành hạ của nghiệp và vì sao lại chẳng nói là đạo phần? Chánh nghiệp, chánh mạng (mệnh) và Thập thiện chánh nghiệp chánh mạng cả hai khác nhau ra sao?

Chánh mệnh nghĩa là gì? Chánh mệnh nêu thân khẩu nghiệp nhiếp thì vì sao lại biệt lập?

Cái gì là chánh tinh tấn? Tướng gì? Dụng gì? Duyên gì? Và nghĩa gì? Nếu hay diệt ác thì thiện tức là chẳng có hai tinh tấn. Nếu phi thiện là Diệt đế, tức là phi thiện. Nếu một tâm tu chánh cần tức là trợ đạo tu chẳng thành.

Thế nào là chánh niệm? Tướng gì? Dụng gì? duyên gì? Nghĩa gì? Các pháp hữu vi trong sát na chẳng trụ thì vì sao lại thành niệm? Tại sao sự thấy

khác, sự nhớ nghĩ khác chẳng phải là nghĩa này vậy? Nếu tất cả các pháp đều là niệm xứ thì niệm căn tức là niệm và xứ tức là nghĩa chẳng tương ưng. Nếu niệm riêng tự chẳng thể thủ pháp thì vì sao kinh lại nói có niệm một thủ (một sự giữ nắm) Vì sao có lúc có thể nhớ, có lúc chẳng nhớ?

Tam Ma Đề là thế nào? Tướng gì? Dụng gì? Nghĩa gì? Chánh định nếu là Định thì người Tu Đà Hoàn nên chẳng có dục sân, nếu như vậy tức là sai với đạo lý.

Hỏi: Kinh nói Đạo đế. Vì sao nói việc này và dựa vào nhân nào để khởi lên?

Đáp: Câu hỏi này chẳng khai trí cho người khi nói, vì sao vậy? Do nghe tên rồi rõ nghĩa vậy, từ nơi đại bi mà khởi lên Niết Bàn và con đường ấy hiển lên sự yên ổn nơi nghĩa bị che khuất. Muốn nói rộng ra thì nói là chương, vì phân biệt trí với các đệ tử, nên Phật tự hỏi. Vì sao vậy? Do trước hỏi rồi sau giải đáp thành nhiều việc lợi ích. Rộng nói về duyên khởi, rồi như trước đã nói.

Lại nữa nhân sự giáo hóa các đệ tử khi nghe các ngoại đạo hỏi mà chưa rõ nghĩa đạo này chánh hay tà. Vì để trừ nghi với tâm điên đảo vô minh nên Phật tự hỏi và tự đáp.

Thế nào là đạo? Bát Thánh đạo là đây, như người nghi người chỉ đường lành vậy.

Hỏi: Nếu đạo có thể diệt sự khát ái tức chẳng nên nói hành đến khổ tận, nếu chẳng đúng thì lời nói này sai trái?

Đáp: Thánh nhân sơ phát tâm rồi dùng sự tu hành trừ diệt khổ, vì đây mà khởi lên đạo, cho nên nói hành cho đến khổ diệt. Sự khổ tận này do nguyên nhân diệt mà thành. Đây là việc trừ nguyên nhân giống như sự tử.

Lại nữa chư Phật quán tất cả chúng sanh đọa vào nơi khổ nạn nên phát tâm tu đạo. Vì để trừ khổ kia như kinh Quốc Dụ có nói về sự dụng công tu hành này. Sự khổ tận là phải dụng công tu hành xuất gia phạm hạnh, như kinh dụ cho bảy chiếc xe. Lại nữa Như Lai xuất thế vì ba sự việc làm cho sự khổ kia được tận. Đây là điều đầu tiên nói hành cho đến khổ hết.

Lại nữa tất cả hữu vi vô thường là khổ. Là pháp hữu vi cho nên nói là khổ hết, như kinh Phiệt Dụ (chiếc bè) nói: Pháp thượng nên bỏ, hà huống phi pháp. Lại nữa do Bát Thánh đạo có thể trừ diệt thủ ấm, cho nên thường nói hai diệt mà lời nói ấy không sai trái.

Người hỏi: Nếu đủ Diệt Tập Khổ thì vì sao trong kinh chẳng nói đầy đủ?

Đáp: Sự khát ái này diệt, do sự khổ tập nên được hiển bày, lại nữa nguyên nhân tận chẳng phải là chánh dụng, lấy khổ tận làm chánh. Lại nữa Thánh đạo hay diệt hữu vi và thủ ám, cho nên nói khổ tận qua sự diệt khát ái.

Người hỏi: Nếu đạo có thể tận, nếu người tu đạo đủ thì chẳng có chỗ khổ, nếu chẳng đúng tức chẳng nên nói hành cho đến khổ tận?

Đáp: Nương vào nhân duyên tận cho nên nói khổ tận, như nói lửa hết tức có nghĩa là than đã tàn. Lại như cây diệt (chết) thì bảo là gốc hết. Lại như Thánh đạo có thể diệt tà và phân biệt khổ mà chẳng trừ ra nghiệp báo khổ đời trước và giới địa ngược lại với khổ, giống như hơi thở của Chiên Đà La và Ưu Ba Kỳ Na v.v... Lại nữa Thánh đạo đối với Hữu Dư Niết Bàn có thể diệt tâm khổ. Đối với Vô Dư Niết Bàn có thể diệt thân khổ. Lại nữa Thánh đạo có thể diệt hậu hữu ám khổ, thường hay tích chứa việc làm tùy tiện chưa diệt. Như bánh xe quay và tên bắn.

Hỏi: Nếu như pháp hữu vi đối với vô vi không đến hữu hành thì tại sao lại nói hành cho đến khổ tận?

Đáp: Niết Bàn là vô hành, Đạo lại cũng vô hành (chẳng làm). Tuy đầy đủ hành do quy hướng Niết Bàn và làm cho được Niết Bàn vậy, nói hành đến khổ tận giống như quốc lộ. Lại nữa là phương tiện để nói như nói những sự lưu hành nổi trên nước, rồi làm cho hết từng giọt nước. Sự chảy (lưu hành) và giọt nước đối với sự tận là không có hành mà cuộc đời (người đời) nói là hành, hành đến khổ tận lại cũng như thế.

Người hỏi:

Chánh hạnh nghĩa là gì?

Đáp: Do dễ rõ nghĩa chân thật này nên nói chánh hạnh, lại có nghĩa là chí thú thực hành, như nói hành tất cả những nơi có đạo. Lại có thể giữ cho nơi ấy được an ổn, nên nói là chánh hạnh. Lại có nghĩa chánh không phải là trái lại, hạnh có nghĩa là quy hướng về. Do điều chẳng trái lại mà quy hướng về Niết Bàn, nên nghĩa là chánh hạnh.

Người hỏi: Chánh hạnh là Bát Thánh đạo, đây là điều đoán chắc chăng?

Đáp: Để làm khác với đạo khác nên thành lập tất cả xứ hành đạo, vì để hiển thị, chẳng phải nơi khác, lại có thể cùng với tất cả đạo khổ, có thể làm cho tất cả nghiệp phiền não và quả báo thiêu đốt, có thể trừ cho mình cùng người, ngay cả những ác ma,

tội nặng ác đạo, chết và sự sợ hãi. Có thể trừ được chỗ chứa cốt như núi Tỳ Phú La, có thể làm khô sữa, máu và nước mắt. Do công dụng này mà đoán chắc dùng lời quyết đoán như thế.

Người hỏi: Thánh có nghĩa là gì?

Đáp: Do thể là chẳng lưu lại một vị mà nhằm giải thoát chúng sanh, nương vào sự tương tục để gọi là Thánh Nhơn, giống như những pháp lành như trong kinh nói: Thánh ấy là chánh kiến lại căn cứ vào chỗ làm của Thánh nhơn nên gọi là Thánh, giống như con đường của vua, lại cũng là chỗ Thánh nhơn nói, nên gọi là Thánh; giống như con đường của bậc Thầy, lại lo việc của Thánh chúng nên gọi là Thánh. Giống như con đường của bò đi, lại làm cho đến chỗ cực Thánh, nên gọi là Thánh. Giống như quốc lộ như trong kinh nói: Thánh tức là chánh giải thoát.

Người hỏi: Tại sao Đạo lại có tên là Thánh? Mà ngoài ra không nói đến trợ đạo?

Đáp: Cùng một tướng vậy. Tất cả đều gọi là Thánh, giống như tánh của lửa. Lại cùng một vị giải thoát, giống như nước biển cùng một vị mặn. Lại nữa bát Thánh là tối vi cao cả, có thể nhiếp các trợ đạo khác, giống như trong kinh dẫu chân voi nói.

Người hỏi: Nếu đạo khác với từng phần nên nói ở tướng này thì Đạo chỉ là từng phần, tức là chia đều và chia ra không có sai biệt chăng?

Đáp: Đây có chia ra tổng thể và từng phần với tướng sai biệt, lại có thể thấy có thể nói, giống như ngũ phần tam muội, lại như ngũ phần Tỳ Kheo ở nơi ngũ phần xứ. Đạo cũng lại như thế. Cùng với từng phần có khác. Đây là sự phân chia bình đẳng; nên nói là Đạo. Vì sao vậy? Đây chính là 8 phần cho đến sự bình đẳng quả vị có thể làm tiêu trừ phiền não. Hoặc chìm hoặc nổi tức chẳng trừ hoặc; giống như sự điều tiết giây tơ. Lại là những phần đầy đủ nên gọi là Đạo. Việc ấy biện tài giống như cỗ xe. Tuy nhiên đó là nghĩa chơn thật để nói từng phần và nói đầy đủ, giống như ngũ phần âm nhạc và ngũ phần định.

Đạo lại cũng như vậy. Tuy phân chia ra đạo để luận nói. Tuy phân ra đạo có 6 nghĩa chứng thành. Một nói là Đạo. Kinh nói ngũ căn là Đạo, thực hành cho đến Niết Bàn. Ngũ căn này tức là từng phần của Đạo. Cho nên rõ biết sự chia ra ấy là Đạo. Hai là vì kinh nói; ba là thân nhiếp Đạo. Ba thân có chia ra và ba sự khác biệt do Diệt.

Kinh nói: Chánh kiến hạnh ở nơi Diệt, lìa đạo thì chẳng diệt. Bốn là do sự trừ ra. Kinh nói: Nếu tu

tập chánh kiến có thể trừ được dục. Nếu lìa nơi đạo tức chẳng thể trừ. Năm là do sự xa lìa. Kinh nói: Chánh kiến là những phần có thể xa lìa điều này. Nếu chẳng phải Đạo thì chẳng thể xa lìa. Sáu là do thanh tịnh đạo. Kinh nói: Bát Nhã là Đạo. Vì được thanh tịnh. Bát Nhã tức là chánh kiến; cho nên rõ từng phần tức là Đạo.

Người hỏi: Đạo nghĩa là gì?

Đáp: Đạo nghĩa là sự tìm cầu. Vì sao vậy? Do đây mà có thể được nghĩa chơn thật. Lại cũng có nghĩa là hành. Lại có nghĩa là hành vi của Đạo. Như người đời nói: Con đường này đi hướng đến nước Xá Vệ và Đạo cũng như thế, quy hướng về Niết Bàn. Lại là ý nghĩa chơn thật, phương tiện dẫn đến con đường sống. Như những nghĩa này, tất cả đều là Đạo.

Người hỏi: Vì sao mà kinh này nói đủ các phần còn kinh khác thì không đủ?

Đáp: Pháp Tạng luận nói: Giả chia ra có 2 loại. Một là tự tại giả danh và 2 là y tha giả danh. Nói tự thể để gọi các phần. Đây gọi là tự tại giả danh, như chánh kiến và đạo phần. Y tha giả nghĩa là như nhớ nghĩ về các pháp môn và các phần trợ đạo khác. Vì sao vậy? Đạo phẩm này tu không có tán tu. Lại vì hơn hẳn sự bức bách vậy. Niệm xứ và

giữ tùy theo một pháp hơn những loại khác cùng một tên, giống như vị mặn chua, ngoài ra còn có những vị khác theo đó hơn lên. Lại như các giới tùy theo một chỗ hơn vậy. Ngoài ra tùy theo đó mà được gọi tên. Lại nữa đối với dục giới, trong ấy nói Đạo đầy đủ; sắc, vô sắc giới hoặc 4 hoặc 5 vì diệt tự thể mà có 4 sự đối trị vậy. Ngoài ra hoặc tăng hoặc giảm, tùy theo giới địa. Do ở nghĩa này mà đầy đủ hay không đầy đủ.

Ngươi hỏi: Nếu Đạo là hữu vi thì vì sao Phật nói là đạo vô vi xưa? Nếu là vô vi thì tại sao lại nói là pháp hữu vi?

Đáp: Do chỗ cổ xưa này nên nói Đạo là hữu vi. Vì sao vậy? Hữu vi là pháp có cái mới trong ấy, giống như lúa gạo vậy. Nếu là vô vi thì không thể nói điều này. Giống như hư không và lấy làm Niết Bàn; như nói thân này là chỗ chứa chất nghiệp mà chẳng phải là vô vi. Như nói hạt giống Thánh và pháp của các Sư. Cho nên do đây mà nói Đạo ấy chẳng phải vô vi. Bây giờ luận về chỗ cho rõ đạo thì là hữu vi. Sao lại rõ được điều này? Do rộng phân biệt vậy, như chân lý tương ưng kinh và đáp lại Đạt Ma Trần Na vậy, do tướng hữu vi như kinh nói:

Nương vào chánh tư duy, nếu đạo chưa sanh thì sẽ sanh, đã sanh rồi liền tăng trưởng. Có sự tăng trưởng tức biết rằng hữu vi. Do xả trừ như kinh nói: Pháp tương ung xả, hà hưởng phi pháp. Diệt là vô vi thì chẳng thể xả. Duyên nội khởi lên, như kinh nói: Đạo là nương vào bên trong để khởi, mà việc trở về nương tựa này khó được. Nếu là vô vi thì chẳng có nơi nương tựa để khởi lên bên trong. Do nghiệp như trong kinh nói: Đạo chẳng phải trắng, chẳng phải đen mà có thể diệt được nghiệp, nếu nghiệp này là chẳng phải pháp vô vi. Do sự có ăn như trong kinh nói: Thất Bồ đề phần chính là sự ăn uống và là nguyên nhân. Nếu là vô vi thì chẳng thuận theo nguyên nhân để ăn, do nghĩa này mà Đạo là hữu vi.

Người hỏi: Nếu đạo là mỗi mỗi người tu hành thì người khác cũng sẽ được, giống như nương tựa vào vậy. Nếu chẳng phải vậy thì chẳng thể nói, do điều này chỉ là một đạo?

Đáp: Nhiều đạo (nhiều con đường) chẳng phải một, vì sao vậy ? Vì quả chẳng đồng, do đạo khác nhau nên quả có sai khác, cũng như đường khác cho nên phải đi khác. Lại nữa thể khác cho nên đạo khác, nghĩa là thấy đạo tu đạo lại cũng như bốn khổ, vui, chậm, nhanh vậy. Lại có gốc gác khác cho nên đạo khác. Nghĩa là 9 loại học, 9 loại vô học,

Bích Chi Phật, Phật do căn tánh sai biệt, nương vào chủng tánh cho nên nói do một đạo, như đời nói một hạt gạo. Như trong kinh nói: Ba đời chư Phật hoặc quán, hoặc nói cũng là Tứ Đế này, mà khổ và ba Đế khác thể thật chẳng thường. Do một đạo nói lại cũng như thế.

Người hỏi: Nếu các bậc Thánh nhân cùng được một đạo, thì vì sao trí huệ lại chẳng giống nhau. Nếu trí huệ không đồng thì tại sao sự giải thoát lại bình đẳng?

Đáp: Quán tất cả, tất cả loại cảnh giới được thành chánh giác. Do đây mà Phật đạo chẳng đồng hai thừa, như kinh nói nếu người biết rằng tất cả, tất cả loại cảnh giới, thì sẽ biết vị này là Thế Tôn, thông đạt bình đẳng đạo vậy. Chỉ diệt cái gốc của hoặc, tam thừa nhân. Như kinh nói: Giải thoát ngũ ấm và giải thoát không khác, như nhiều loại lửa, mỗi loại đều thiêu đốt rơm rạ thành tro chẳng khác. Do lửa chẳng đồng với ánh sáng, tiếp với ánh sáng và sức mạnh có sai biệt, như vậy trí huệ cũng sai biệt (khác nhau). Còn chỗ diệt hoặc, trừ giải thoát thì giống nhau. Phật có định trí uy đức và ân đức và do đạo sai biệt, khó thể suy đếm như kinh Hỏa luân nói vậy.

Người hỏi: Nếu đạo là phi tâm pháp, vô tình và các vật lại cũng có đạo. Nếu tâm phi tâm để tu pháp thì chẳng đầy đủ ý nghĩa. Nếu tâm pháp này là các pháp sai trái thì vì sao một tâm lại có?

Đáp: Tên ấy chính là do sanh tử chia ra theo pháp thế gian. Còn đạo là pháp xuất thế gian, cả hai chẳng giống nhau, như pháp và phi pháp vậy. Nói đạo là phi tâm pháp, nương vào cảnh gọi là tâm, còn có thể được gọi là đạo. Cả hai nếu là một thể tức tự tánh tự biết. Vì sai với điều này vậy, nói đạo là phi tâm pháp, giống như thọ mạng và vô tướng, vô tâm cùng định. Tuy phi tâm pháp mà chẳng vô đạo lại cũng như thế, tuy có tâm không tâm, xứ vị mà đạt rồi, thì tất cả những sự có ấy cũng là không, không tu đầy đủ.

Lại nữa tu có 3 loại, nghĩa là thủ tập nghiêm (giữ gìn, thực tập, nghiêm cứu), cho nên không chẳng đầy đủ. Đạo lại nói có thể là tâm pháp, vì sao vậy? Cùng với chánh tư duy đồng sanh diệt, giống như một tâm. Như kinh nói: lấy tâm làm tăng thượng, cho nên được một tâm. Đây gọi là tâm định, tức là đạo phân cùng một ra khỏi, cùng thành một việc, cho nên cùng một tên mà chẳng sai khác.

Người hỏi: Nếu đạo đến để trừ hoặc, tức là pháp sai với một tâm có. Nếu chẳng đến thì ở nơi tiếp tục kia vì sao lại chẳng trừ đi?

Đáp: Đạo chẳng đến hoặc mà có thể trừ hoặc (ngờ mê). Như đạo chẳng đến phá giới mà có thể trừ sự tự phá giới mà chẳng trừ kẻ khác phá giới. Trừ sự nghi ngờ cũng như thế. Đối với chính mình và kẻ khác liên tục; tuy đủ nhưng không đến. Hằng trừ sự nghi ngờ của riêng mình, chứ chẳng thể trừ cái mê của người khác. Phân biệt bộ nói: Chẳng đến chẳng không đến, lúc ấy là trừ hoặc. Lấy chẳng sanh làm khổ diệt, giống như trị bệnh. Nếu thọ bệnh rồi mới đến y sư thì chẳng thể trị được. Vì sao vậy? Vì chẳng thể chuyển cái khổ thành vui được, khổ thọ chưa đến mà y sư chẳng thể chữa được nữa. Vì sao vậy? vì vô sở hữu vậy, nếu như vậy thì chữa trị chỗ nào? thường tạo ra duyên sai trái làm cho cái khổ chưa sanh vĩnh viễn chẳng thể khởi lên, tức có nhiều tác ý. Nếu lần lượt khởi lên tức thường có một sự phân chia?

Đáp: Do thành một việc cho nên được đầy đủ khởi lên, phi duyên biệt cảnh vậy. Chẳng có nhiều ý, tương tạp đều khởi lên. Do công năng cho nên có thể thấy sự sai biệt, giống như dục.

Người hỏi: Vì sao chỉ lập 8 phần mà chẳng tăng chẳng giảm?

Đáp: Hỏi như thế thì chẳng cùng, cho nên sự đáp lại nên để yên, mà để đối trị với 8 thứ tà cho nên nói làm 8 phần là vậy. Lại nữa để nhiếp ba thân, phải có đối trị của ba thích (sự đắm chết) ba kết, ba hỏa và ba độc, cho nên nói là tám phần. Trong tạng luận cũng nói: Có thể thành 8 công đức của tâm, cho nên nói là 8 phần. Do được chánh giác cho nên tâm thanh tịnh, do được chánh giác cho nên tâm được thanh khiết, do được chánh giác cho nên tâm được thanh thản, do được chánh giác cho nên tâm không hối quá, do được chánh mệnh cho nên tâm thật nhu nhuyễn, do được chánh tinh tấn cho nên tâm thường tùy theo sự dạy dỗ, do được chánh mệnh cho nên tâm được an trụ, do được chánh định cho nên tâm chẳng động.

Người hỏi: Vì sao chẳng thủ dục và các pháp khác?

Đáp: Hay thủ các thắng pháp, hoặc thủ để dùng thật mạnh, hoặc thủ có thể kèm thêm sự suy nghiệm hoặc nhiếp đầy đủ hết cả chánh tín, chánh nghiệp và chánh mệnh. Đây là sự phân giải niềm tin của Tu Đà Hoàn làm ba nhiếp vậy. Tu Đà Hoàn đầy đủ bốn trí tín mà dục tức là niềm tin.

Lại nữa niềm tin này do chánh kiến nhiếp, người chứng đắc Tu Đà Hoàn được trí tín niềm vui, lời khen xả bỏ và nhiếp vào chánh định. Cho nên trong 8 phần nhiếp thì các phần đều hết.

Người hỏi: Vì sao một pháp mà nói rằng tạo thành ba loại? Hoặc nói trong đạo có thể diệt phước ác hạnh cho đến hết các khổ?

Đáp: Do 3 việc vậy, giống như mặt trời có thể chiếu phá chỗ tối tăm là nhờ ánh sáng, có thể phân biệt ngày đêm, nên gọi là mặt trời, có thể phân biệt từng sát na cho nên nói là thời gian. Thánh đạo căn bản này cũng như thế, có thể lìa nhị biên cho nên gọi là trung đạo, có thể trừ đen trắng hai nghiệp, nên gọi là diệt phước ác. Bạt trừ thân tâm khổ cho nên nói là làm cho hết khổ, hoặc trừ ba đường dữ trong đời cho nên nói là hành cho đến hết khổ.

Người hỏi: Vì sao lại nói chánh kiến đầu tiên?

Đáp: Đầu ở đâu cũng ví như vị vua, như trong kinh nói: Tất cả pháp hữu vi thì Bát Nhã là tối thắng.

Lại nữa có thể tạo nên công đức lớn, từ tuệ ấy cái đức hơn tất cả, như Xá Lợi Phất do chánh giác mà chẳng quán đến những mặt khác. Như trưởng giả Thủ La do chánh kiến mà tâm này khó động, như vua A Du Ca do chánh kiến này mà ông ta

chẳng thể dẫn đến chỗ sai trái, như trường giả Chát Đa La có thể đánh bật những khổ tai ngang trái, như trong kinh nói: Do ánh sáng khởi lên nên vô minh lại diệt tận, cho nên chánh kiến nói đầu tiên.

Người hỏi: Vì sao nói hành trước?

Đáp: Do được chánh kiến vậy, được ra khỏi đời, được chẳng sanh tử, được chẳng cùng chung. Hoặc nói do lực chánh kiến mà được giải thoát vậy. Như trong kinh nói: Tỳ Kheo là những vị chánh kiến, thân, khẩu, ý nghiệp đều dễ thương, đẹp dễ xinh tươi, như kinh nói rộng hơn là chánh kiến phải làm trước.

Người hỏi: Chánh kiến có nghĩa là gì?

Đáp: nghĩa là chẳng điên đảo, chứng thấy qua cái thấy biết, tự nương tựa nơi sự chân thật và không điên đảo và có sự chứng biết chiếu soi.

Lại nữa chân như cũng có tên là chánh quán và cũng có tên là thấy, như thật quán Thánh đế, thì gọi là chánh kiến. Lại nữa chánh ở đây có nghĩa là có thể tán thán, kiến có nghĩa là ánh sáng chiếu soi. Có thể tán thán ánh sáng ấy, nên gọi là chánh kiến, như kinh nói: Trong ánh sáng thì ánh sáng này là lớn hơn cả, nên gọi là chánh kiến.

Lại hơn cả việc làm của đức cảnh trí cho nên nói là chánh kiến, vì sao vậy? Đây nghĩa là quả vị của chánh định, nên gọi là chánh kiến, như nói trong kinh Chung Tử dụ. Lại nói đầy đủ lý luận, do cảnh chánh, cho nên nói là trí chánh, chẳng phải do trí chánh mà nói cảnh chánh. Tất cả hữu vi có tướng lưu chảy tương ưng nên đều phải khổ. Quyết định trí về việc này gọi là chánh kiến, như Phật đã vì Đại Ca Chiên Diên nói.

Trong tạng luận cũng nói: Đòi trị với vô trí, trí nghi, trí điên đảo, có thể làm cho qua khổ ác, chân thật trí này gọi là chánh kiến.

Ngươi hỏi: Kiến tức là chẳng thuận về việc thấy sao?

Đáp: Các duyên tụ tập thành tựu cho sự thấy này, chẳng phân biệt một vật vì đó mà thấy, giống như hoa quả, như kệ nói sau đây:

Có thấy chẳng thể thấy
 Pháp gì làm cho thấy
 Từ duyên hòa hợp sanh
 Thấy sắc, nói tức hư
 Pháp này, tập thời kiến
 Hợp tan chẳng thể thấy
 Đều do nhân duyên tạo
 Như người khóc, chẳng đấm

Pháp từ duyên sanh chẳng thể nói thuộc một, như Phật vì phá thuyết của Cầu Na rằng: Ta chẳng nói thức mà cũng có thể là thức, vì sao vậy? Đây chính là một phần giả danh tạo ra vậy.

Ngươi hỏi: Chánh kiến và Thập thiện chánh kiến cả hai có khác nhau không?

Đáp: Tục trí ở nơi Thập thiện, còn chơn trí ở tại bát chánh, có thể cảm quả khổ ở đời sau. Quán nghiệp làm cảnh, như đây, chánh kiến ở pháp thập thiện có thể diệt tam hữu, Niết Bàn là quả, duyên theo chân lý làm cảnh, như đây chánh kiến ở tại Bát Chánh Đạo.

Ngươi hỏi: Nếu do chánh kiến một lúc thấy Đê (chơn lý) thì nên có nhiều cảnh, nếu chẳng phải vậy thì chẳng phải niệm niệm diệt chướng?

Đáp: Một lúc có thể thành 4 việc, cho nên nói là một lúc, chẳng phải cảnh khác vậy, lý thuyết và luận nói đầy đủ. Kẻ tu quán hạnh, dùng Thánh trí huệ để thông đạt, nên những lỗ chân lông cũng có thể đoạn trừ được những hoặc.

Lại nữa những kinh khác còn nói: Nếu quán thông tam thọ thì các việc sẽ rõ ràng, chẳng thể tạo tác. Do thông hiểu pháp tướng của chân lý là tướng vô ngã, cho nên một lúc thông quán Tứ đế, như thế

lần lượt quán về các duyên vô thường, khổ, vô ngã một lúc đều thông qua Khổ đế.

Người hỏi: Nếu chánh kiến rồi thì hà tất phải dùng đến Đế (chân lý)?

Đáp: Tất cả các phần đều có thể diệt và tự đối trị với nhau, mỗi mỗi đều có công dụng như vút bỏ xuống đất. Lại nữa tất cả các phần đối với mỗi việc đều có những phần đặc biệt tạo thành một việc, giống như những phần của xe và toàn thể phần của xe, mỗi cái đều có cái riêng và khi cộng chung lại thì có khả năng vận tải (chuyên chở). Đạo phần và đạo cũng như thế thôi.

Người hỏi: Chánh giác nghĩa là gì?

Đáp: Chưa hề có tính toán để sanh ra như hôm nay và đây là chánh giác.

Lại nữa sự bình đẳng ấy là do các tướng hành duyên khởi vậy, lại do thể tướng cảnh giới cộng chung lại phù hợp cho nên gọi là chánh giác. Lại như thấy tùy theo sự chọn lựa chẳng xả bỏ, tên là chánh giác, giống như trâu ăn vậy.

Người hỏi: Vì sao ba pháp thành một đượ?

Đáp: Đồng một tướng cho nên như những đạo phần khác, lại nữa lành nghe việc bình đẳng cho

nên dụ như định phần. Lại do duyên vào Niết Bàn làm cảnh như vô tướng định cho nên ba thành một.

Ngươi hỏi: Nếu nương vào hai định để chứng được lậu tận, thì chánh giác chẳng đủ đạo phần có quan hệ chẳng và nghĩa này nên cứu xét ra sao?

Đáp: Nếu nương vào hai định, tu Bát Chánh Đạo, thì thường không có sơ định giác quán phần, chẳng phải chẳng có đạo phần ở trong giác, giống như sơ định và Tu Ma Địa chẳng có giác quán. Lại do việc thành nên nói có chánh giác, chẳng phải do thể tại vậy, như có giác ngũ căn, lại hay đánh bạt sự đối trị cho nên nói là có chánh giác, giống như chánh tín.

Ngươi hỏi: Chánh tín là nghĩa gì?

Đáp: Vĩnh viễn thề nguyện chẳng phá lời nói của mình, gọi là chánh ngôn, như truyện của Cù Sư La nói, lại nữa lời nói thanh tịnh ấy là do trừ nguyện thủ và sự dơ bẩn mất đi vậy. Lại pháp ấy tự được vĩnh viễn là việc lành, cho nên nói là lời nói chân chánh. Chánh ngôn giới có hai loại, một là chẳng làm cho biết như trong kinh nói: Người này lìa vọng ngữ, hai là làm cho biết như kinh nói, người này lúc nói là nói lời thật.

Người hỏi: Nếu có nói lời tu đạo vô định thì vì sao như Phật nói định là dùng âm thanh để trừ khứ đi, nếu không thì chẳng thành đạo phần?

Đáp: Đạo phần cho nên chẳng trừ khứ, giống như chánh giác hỷ giác phần vậy, lại nữa nghe âm thanh thử thách làm chẳng định như thấy nữ nhân, kinh nói: những lần thấy người nữ làm cho việc tu phạm hạnh bị thử thách. Tuy nhiên chẳng phải A La Hán bị thử thách mà là diệt trừ điều thử thách ấy đi vậy. Lại nữa kinh nói: Như voi lớn đi đứng đều vững chắc, kẻ tu hành quán chiếu chánh tư duy, nói pháp tâm tức có định, chẳng phải do từ lời nói mà nói là không định. Ngoài ra cũng có thuyết nói: Hay là bốn loại nói tức là lời nói chân chánh, như người đòi nói: Hay lia khỏi như việc làm chơn chánh. Hoặc nói con ngựa này chạy nhanh cũng giống như người hiền nói năng vậy.

Người hỏi: Chánh nghiệp nghĩa là gì?

Đáp: Kinh nói lia nghiệp ác nơi thân gọi là chánh nghiệp, kinh lại nói: Nghiệp của thân này chẳng ngoi lên được, chẳng chảy suốt, chẳng loan lỗ, tự tại chẳng chấp giữ có thể sanh tịch tịnh. Đây gọi là chánh nghiệp. Lại nữa do quán sự sai trái và xa lia sự sát sanh, chẳng làm những việc không

đúng và dừng lại những việc vui. Đây có tên là chánh nghiệp.

Người hỏi: Tất cả phần đều là chánh nghiệp, vì sao lại nói một tên là chánh nghiệp?

Đáp: Nếu lìa tên này tên kia thì chẳng hiển thị được, như pháp giới và pháp nhập, nếu không có nhãn thức thì sẽ chẳng duyên vào được, chẳng làm cho kia rõ, tất cả các nghiệp là nơi nương tựa vậy, giống như nghiệp là chỗ căn bản.

Người hỏi: Nếu nói việc làm là chánh nghiệp, thì sự lìa ấy tức chẳng làm, vì sao có thể thành nghiệp được?

Đáp: Chẳng làm cho nên khởi ác nghiệp và tạo ra việc giữ gìn cái thiện. Nên biết rằng đây cũng là nghiệp. Như kinh nói: Ta nói làm đồng thời ta nói chẳng làm. Lại nữa có thể trừ được đen trắng hai nghiệp, cho nên nói là chẳng làm. Việc hay làm để đối trị với nghiệp cho nên nói là làm. Lại nữa chánh nghiệp cũng có tên gọi khác là chánh nghiệp trừ. Do tên gọi này cho nên nghĩa là làm cũng như không làm và tên này được thành tựu. Cũng như do mắt nói là thấy và do mắt lại cũng nói là chẳng thấy.

Người hỏi: Nếu chẳng làm thì vì sao hết có nghiệp này?

Đáp: Có nhiệm nhưn duyên nghiệp này có thể rõ biết, do kinh nói: Sắc có ba loại: một là có thấy có nghi, hai là chẳng thấy có nghi và ba là không thấy không nghi. Lại nói có vô lưu sắc và cũng nói rằng do 7 phước đức mà rõ biết vậy. Lại nói do chỉ bày cho người khác lại có Thập nghiệp đạo.

Lại nói Tỳ Kheo có pháp, chẳng phải 11 nhập nhiếp, nghĩa là chẳng thấy chẳng nghi, chẳng nói vô sắc. Lại nữa nếu vô thủ nghiệp thì 8 phần Thánh đạo tức chẳng đầy đủ. Vì sao vậy? Lúc chánh nghiệp quán thì chẳng làm ba nghiệp vậy. Nói khác đây là nghĩa chẳng đúng, vì sao vậy? Ở trong phương tiện đã tu tam nghiệp, như kinh nói: Người này thấy như thế, rõ biết như thế. Đây là chánh kiến, được tu đầy đủ và chánh giác tinh tấn, chánh niệm chánh định. Đầu tiên là chánh ngôn, chánh nghiệp, chánh mạng cho thanh tịnh rồi và vì nương vào thế gian lừa dục, con đường giới hạnh cho nên nói ra điều này.

Lại nữa, như nói Ba La Đề Mộc Xoa cũng chẳng có, vì sao thế? Vì lúc thọ thì có, nhưng sau đó vì tâm dị biệt và không nên gọi là Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, lại nữa kinh nói: Nghiệp này gọi là đề dương (bờ đề), có thể lần lượt phá các giới. Nếu không chẳng thể dừng việc ác. Trong kinh bộ thường nói: Điều chương này đặc biệt nhiều, nhưng

nghĩa thì thật là ít, chẳng phải như điều này, vì sao vậy? Người nói: do nói ba sắc cho nên rõ biết có làm không làm, nghĩa này thật chẳng đúng, các thầy quán xem việc làm như Mục Liên A Ni Lâu Đà nói: Hữu định cảnh sắc là do định lực mà được. Sắc này chẳng phải nhãn căn, cảnh giới, nên nói là không thấy, chẳng có nơi chướng ngại, cho nên nói là vô ngại. Nếu người nói: giống như vậy thì vì sao gọi là sắc? Điều này và vô tác giống nhau vậy, lại còn khó rõ về nghĩa của người, người nói: Do nói vô lưu sắc nên rõ biết là có hay không làm, nghĩa này lại chẳng đúng, sắc này lại do định lực sanh, do định vô lưu cho nên sắc cũng vô lưu .

Các luận sư khác giải thích rằng: A La Hán sắc cũng là vô lưu, chẳng có lưu để nương vào. Lại nói: nghĩa này không đúng, như kinh nói: Thế nào là pháp hữu lưu? Nghĩa là tất cả mắt, tất cả sắc v.v. Sắc này không lưu đối trị cho nên nói là hữu lưu. Nếu như vậy thì sắc này hoặc là hữu lưu hoặc là không lưu?

Hỏi: Nếu như vậy thì có cái gì? Tiếp theo, tương tục phức tạp chẳng?

Đáp rằng: như tướng hữu lưu và tướng vô lưu chẳng như có tướng phức tạp, lại nếu như sắc nhập vào một hướng hữu lưu vì sao trong kinh biến đổi

giản đơn và nói là không thông qua việc nói, kinh nói rằng: Hữu lưu sắc nghĩa là có tâm thủ kiên cố che đậy và làm chỗ nương vào, cho nên gọi là Hữu lưu sắc.

Người hỏi: Do 7 phước đức lợi mà biết được hữu, vô tác, nghĩa này chẳng đúng, các sư thuộc về kinh bộ nói: Như người thọ dụng vật của thí chủ cho, do sự thọ nhận này mà công đức được lợi ích. Tuy rằng thí chủ có tâm khác, nhưng do tác ý khi cúng thí trước rồi huân tu tương tục lần lượt chuyển đổi khác hơn. Do sự khác hơn này mà có thể sanh ra trong vị lai tùy theo phước báu ít nhiều đó, nương vào sự tương tục ấy mà nói thí chủ công đức sanh trưởng. Nếu người nói: Do sự tương tục kia khác hơn và tùy theo chỗ dụng, thì ở nơi tâm khác kia chính là sự tương tục chẳng đổi tốt hơn, vì sao lại thành tựu? Nghĩa này không đúng, vì sao vậy? Cùng với vô tác cho nên người chấp vô tác và do sự tương tục kia có hơn thua và tùy theo chỗ dùng, nhân đó mà có sự tương tục kia vì sao lại được thành tựu?

Hỏi rằng: Các loại phước đức chẳng tăng trưởng và cũng không bảo rằng vì sao lại hay sanh?

Đáp rằng: Do nhiều lần huân tập, duyên vào giới định tác ý cho đến nơi mắt tăng trưởng tùy theo vậy.

Hỏi: Nếu như vậy thì theo kinh Úc Già Trưởng Giả nghĩa này như thế nào?

Đáp: Kinh nói: Nếu Tỳ Kheo trì giới hành thiện, thọ dụng đồ ăn thức uống, y phục của thí chủ rồi tu vô lượng tâm định và thân chứng được định này rồi vào trong rừng sâu để ở. Do sự thọ dụng này mà thí chủ được phước đức thiện lạc tăng trưởng vô lượng, nên tin rõ điều này. Trong đây có tác ý gì? Cho nên sự rõ biết tương tục chẳng đổi tốt hơn là chánh đạo lý vậy.

Người hỏi: Như vô tác vô giáo (không làm, không dạy) cho người kia chỗ tác nghiệp nghiệp đạo thì tại sao lại được thành tựu?

Đáp: Các sư thuộc kinh bộ cũng lại nói điều này, do sự dạy bảo này cho nên kẻ kia hoặc bỏ hoặc thọ nhận sự sát hại và sự khổ, cho nên có thể chỉ cho kia những sự vi tế tương tục của việc lành dữ tăng trưởng, do sự chẳng đổi khác hơn này mà có thể sanh ra vào vị lai tùy theo phước báu nhiều hay ít. Nếu người tự tạo tác tùy theo việc mà thành thì sự tương tục chẳng đổi khác hơn. Đây gọi là nghiệp đạo, nghĩa này nên biết. Quả ấy chính là nguyện

nhân của sự giả vậy, đây là quả của thân khẩu và giả thân khẩu lại nghĩa cũng như thế. Như ý, thân, khẩu chẳng dạy vậy.

Có đại đức nói: Nương vào thủ ẩm của chúng sanh, do 3 thời tạo ý bị phạm tội sát sanh, nghĩa là sẽ vì ta mà giết, giết đúng và giết rồi. Sự giải thích này lại chẳng sát, tuy có 3 ý nghiệp đạo khi đến tất thành tựu, vì sao vậy? Vì lẽ chưa đoạn hẳn về mệnh căn gốc vậy, người khởi lên 3 ý chẳng có tội nghịch, cho nên nếu người tự hại mệnh của kẻ kia, do 3 ý này mà có thể trở thành tội.

Lại hỏi: Nếu chẳng thể thấy, thì vì sao lại giận dữ phỉ báng, chẳng chỉ để tin rằng sự thọ dụng tương tục chẳng khác hơn được?

Đáp: Không phải sự giận dữ phỉ báng này, hằng do tâm vận chuyển và thân nghiệp đạo, thành sự việc. Nghĩa là hành giả có pháp khác biệt với tâm, chỗ ta chẳng vui, do tâm gia hạnh cho nên sự việc này được thành tựu. Việc này thành rồi cho nên tương tục chuyển tiếp tốt hơn, nghĩa này có thể vui, vì sao vậy? Do tâm tương tục và quả sẽ được thành tựu. Người nói: Pháp vào nơi Phật thì chẳng nói vô sắc, rõ biết có không về lời dạy ấy, nghĩa này đã đáp rồi. Như định cảnh giới sắc. Người nói: Nếu không có nghiệp này thì 8 con đường chẳng

thành, cho nên rõ biết hữu vô, lời dạy vậy. Nghĩa này nên rõ biết, bạn bè của người cũng nên vì đó mà nói, vào chân lý, quán người nói lời chân chánh, nghiệp chân chánh và mạng chân chánh. Vì sao lại được có? Vì người này ở chỗ quán lấy hữu nói là tác nghiệp, cầu đủ bốn việc, cho nên có ba điều này, vì sẽ chẳng giống. Nếu chẳng thế thì ai là kẻ đang lúc quán đó, được ba loại này mà không có sự chỉ bảo, do đây mà được điều này. Nếu xuất quán sẽ được lời nói chẳng tà và thường hay nói lời chân chánh.

Luận chủ đáp rằng trong đây cái gì là chẳng chấp như thế, nếu trong khi quán mà lia sự chẳng dạy bảo? Sở dĩ được ý tự tại, được nương vào chỗ tự tại như thế này là do được điều này vậy. Sau đó có thể lúc xuất quán chẳng ở nơi lời nói sai trái mà thường ở nơi lời nói đúng. Cho nên nguyên nhân trong đây giả được tên của quả, do vậy mà nói tương tục chuyển đổi tốt hơn, nên gọi là chánh ngôn: Vì ở nghĩa này nên đạo chia ra làm 8 phần.

Theo Thượng Tọa Bộ nói, thường hay chẳng làm ác thì gọi là Tam phân, vì sao vậy? Do lực của Thánh đạo và pháp ấy quyết định chẳng làm, nương vào đường vô lưu cho nên gọi là vô lưu. Chẳng phải kể tất cả nơi bị bởi số pháp, tất cả đều là sự chân thật có được như 8 pháp xuất thế. Nghĩa là

được chẳng được, gọi là không danh dự, hủy báng sự vui khổ. Trong đây chẳng được, liền không có pháp sai biệt.

Các sư khác nói, giới Ba La Đề Mộc Xoa là ba đạo phần, nương vào phương pháp trước rồi tác ngôn, thọ ý. Do sự tác ý này mà có thể phòng thân khẩu, ngăn ngừa chỗ tác ý, gọi là giới Ba La Đề Mộc Xoa. Nếu người nói người ở tên khác, tức chẳng thủ hộ (giữ gìn), nghĩa này không đúng, do nhiều lần huân tập vậy, phạm giới duyên đến sự tác ý tức là đến. Nói sự tác ý này nghĩa là việc đề đường (như cái đê), vì sao vậy? Do nhớ nghĩ lại lời thệ nguyện trước, lành chẳng tạo ác, vì có tác dụng của việc thọ giới. Lại nữa nếu như người lập luận rằng có khác nhau chỗ không chỉ bày nên có thể phá giới, tức nghĩa là không có sự sơ ý để phạm giới, chẳng cần nói rộng. Nếu đúng hay không quyết định nên rõ ràng.

Trong Bát Chánh Đạo giới có ba phần, vì đạo làm cơ bản, giống như đất lấy đó làm trước, giống như nhà vua có thể qua khỏi sự sống chết nhờ thuốc hay, giống như sự đầy đủ có thể thọ nhận hương thơm như lá cây trên cõi trời. Trong sạch truyền nhau có thể đến tận Niết Bàn, như 7 loại xe thí dụ. Các vị luận sư khác nói, dẫn từ trong kinh làm chứng. Đây chính là đạo quả vậy, đối với sự cung

kính lợi dưỡng nhân duyên thì không có sự thủ hộ đối trị, rời khỏi chỗ hiểu biết, có thể rõ được giới này. Các luận sư khác cũng nói:

Vì sao không chỉ bảo lại là sắc mà chẳng phải là thân thọ?

Đáp rằng: Sự không chỉ bảo thuộc về nghiệp của thân và khẩu, vì các sắc vừa nhiếp phục, thân thọ kia cùng với tâm tương ưng, nên gọi là sở nhiếp. Lại nữa không chỉ bảo là thân nghiệp, thuộc về thân, thọ ấy là tâm pháp thuộc về tâm. Lại nữa vô giáo (không chỉ dạy) lại là giới, cũng là sắc và sắc ấm sở nhiếp, thân thọ tâm pháp và thọ ấm sở nhiếp, khiến cho luận ấy biện giải pháp này là việc làm thuộc về tâm nghiệp. Do thân khẩu thành tựu, giả được đề gọi tên, pháp này cùng với thọ có gì khác?

Đáp: Thọ ấm sở nhiếp pháp này, thông qua các ấm nhiếp, vì sao vậy? Vì nương vào chỗ tương tục vậy.

Người hỏi: Là sự đả phá vì sao chẳng nói đạo phần?

Đáp: Hữu học Thánh nhân vì chưa hoàn toàn tịch tĩnh vậy, giống như chế tội (giảm tội) dùng sự bất biến để ngăn che những việc không phạm hạnh, lấy sự bất định vậy, giống như phần bố thí. Vì là tư

lượng giống như sự thí kia, làm cho luận này rộng hiểu nên chia ra rõ ràng 8 giới. Trong đây nói về 8 Thánh đạo phần.

Người hỏi: Chánh nghiệp, chánh mệnh và Thập thiện chánh nghiệp, chánh mệnh có sai khác gì chăng?

Đáp: Có thể loại trừ mà cũng chẳng có thể loại trừ, từ sự khởi dậy của chánh kiến xuất thế thì vô lưu, lấy cam lồ làm quả vị. Từ sự khởi dậy chánh kiến thế gian thì có lưu, thủ ấm ấy là quả, hay sanh ra phước đức, nên gọi đây là nghiệp đạo. Có thể lìa nghiệp đạo, cho nên gọi đây là đạo phần.

Người hỏi: Chánh mệnh nghĩa là gì?

Đáp: Chánh mệnh có hai loại, một là người bạch y (cư sĩ) không buôn bán 5 loại, hai là kẻ xuất gia lìa 5 loại tà mạng. Lại nữa còn nương vào lý để cầu cho đủ sự thọ dụng về y thực và bốn duyên và đồng thời biết đủ, không làm mất hạt giống Thánh và luôn nhiếp phục. Lại giữ gìn thân khẩu, đồng thời do nguyên nhân trí huệ về trước mà xa rời thân tâm tà kiến, do đây gọi là chánh mệnh.

Người hỏi: Chánh mệnh nếu nhiếp được thân, khẩu nghiệp thì tại sao lại lập riêng ra?

Đáp: Thông qua hai việc nhiếp, do nghĩa này mà khác, biệt lập ấy nên rõ, giống như các âm thông qua, đây là hành nhiếp. Do nghĩa sai biệt cho nên lập riêng 4 âm. Lại nữa thể lại có hai loại, giống như quán về thân, kinh nói: Đối với thân thì quán thân trụ, lại nữa chánh mệnh khác với hai phần trước, giống như số sai.

Người hỏi: Tinh tấn nghĩa là gì?

Đáp: Hành nơi xứ xứ, tùy theo đất đai mà có sai biệt, vì được nhiều pháp lành, khiến cho thân tâm khởi lên việc chẳng xả bỏ đồ mang theo. Lại vì pháp diệt ác để chứng các pháp lành nên thường phải siêng năng. Đây có tên là tinh tấn. Lại nữa việc tu hành đối với nơi chốn chẳng thay đổi, thân tâm luôn cố gắng. Đây gọi là tinh tấn.

Người hỏi: Tướng gì? Dụng gì? Duyên gì? Nghĩa gì?

Đáp: Sự siêng năng khởi lên của thân tâm ấy là tướng, chẳng bị sa đọa ấy là dụng, khởi lên nhiều loại tinh tấn ấy là duyên. Trong tạng luận nói rằng: Tinh tấn lấy sự dũng mãnh làm tướng, lấy sự bất nhiễm làm dụng, Tứ chánh cần làm duyên, Thắng lợi hạnh làm nghĩa. Nếu kẻ giải đãi thì hành vô thắng lợi hành.

Lại nữa là một lực thù thắng, nếu người có tinh tấn, đối với phiền não phải chiến đấu, ấy là lực thù thắng. Nếu là kẻ biếng nhác thì chẳng có việc này. Đồng thời việc làm này có thể diệt trừ phá bỏ, nên đây nghĩa là tinh tấn.

Người hỏi: Nếu diệt ác là thiện rồi, tức không có hai sự tinh tấn, nếu chẳng thiện thì Diệt đế tức không phải việc sai chẳng?

Đáp: Diệt ác tuy không phải là vật và thiện không phải là vật, cho nên tinh tấn có hai. Lại nữa diệt ác có nghĩa là cái thiện chân thật, ngoài ra còn có hai thiện. Vì sao lại 4 thiện? Là sự phá giới sai trái tên là diệt ác. Giới hương phát khởi ấy là sanh việc lành giống như thật yên tịnh khác với sự sống trong đông lạnh.

Người hỏi: Nếu một lòng tu chánh cần, tức đầy đủ, tức không cần đến Tứ chánh cần, nếu lần lượt tu rồi trợ đạo để tu không đủ sao?

Đáp: Một lần được tu Tứ chánh cần giống như một lòng thông quán Tứ đế, vì sao vậy? Do việc tu này vậy, việc ác chưa sanh đừng làm cho sanh, đã sanh ra rồi thì nên dừng lại. Pháp lành chưa sanh, thì làm cho sanh ra, đã sanh rồi thì trụ lại kiên cố. Đây chính là sự tinh tấn do thể lấy làm một, do dụng thì lại có bốn.

Lại nữa Phân biệt bộ nói: Đối với kẻ trì giới, quán hạnh, vì trừ định đối trị tu Tứ chánh cần. Khi việc ác sanh rồi có thể làm chướng ngại cho định, do tinh tấn mà diệt vậy. Việc phá giới chưa sanh ra thì đừng làm cho sanh, cái định chưa sanh nên làm cho sanh, khi đã sanh rồi được ở yên thanh tịnh, kiên cố. Đây là ý nghĩa vậy, tinh tấn tuy chỉ có một việc, nhưng dụng thì có đến bốn.

Lại nữa có thuyết cho rằng, Tứ chánh cần lần lượt khởi lên, giống như được định, vì sao vậy? Có chánh cần hay phá thượng tâm hoặc, ngoài ra cũng có chánh cần có thể đánh bạt cái hoặc buồn ngủ. Lại cũng có chánh cần có thể sanh cái căn chưa phát sanh và cũng có chánh cần hay làm cho việc sanh rồi thật kiên cố. Cho nên tu đạo phẩm tức chẳng phải là tu siêng năng, nên có chánh cần vậy.

Ngươi hỏi: Kẻ nào được chánh niệm?

Đáp: Chẳng quên việc trước và rõ cảnh, đây gọi là chánh niệm, giống như tướng thủ thuần thực, như kinh nói: Tâm rõ biết, tâm trói buộc. Đây gọi là niệm.

Ngươi hỏi: Tướng gì? Dụng gì? Duyên gì? Nghĩa gì?

Đáp: Lấy cảnh giới nhớ nghĩ về sau làm tướng, tâm cảnh chẳng lìa làm dụng, sáu niệm lấy

làm duyên, tự nhớ và làm cho nhớ lại nghĩa là niệm, giống như bò đê tự giác làm cho giác (rõ biết), Theo tạng luận nói: Tâm trường tịnh làm tướng, chẳng quên mất, nếu sự thất hoại hiện ra, lại có thể giả cảnh giới và dùng trí để nương vào, cho nên nói là niệm. Lại nữa niệm có bốn loại, một là tùy chấp gọi là câu vị, hai là tùy theo chỗ chấp về đạo, ba là hay tùy theo nghĩa suy nghĩ, bốn là hay tùy theo sự thông đạt chỗ suy nghĩ, làm cho luận ấy chánh đáng rõ ràng làm bốn.

Người hỏi: Các pháp hữu vi trong mỗi sát na không dừng thì làm sao giữ niệm lại cho được? Vì sao vậy? Cái thấy kia, sự nhớ nghĩ kia không phải là nghĩa này chăng?

Đáp: Nếu kẻ rõ biết cái niệm khác, tức không thành, như việc vua Trường Kiến nhớ lại, muốn rõ biết một niệm lại cũng chẳng thành và sau đó thì chẳng rõ biết. Ngược lại với ba nghĩa này, tức là niệm (nhớ nghĩ).

Lại giải thích thêm nếu chẳng tương quan, tức cái thấy của kẻ kia chẳng thể nhớ lại, như người này thấy mà người kia thì chẳng nhớ, nếu nhân duyên tương quan tức cái thấy kia và kẻ kia được nhớ. Cũng giống như Đồng tử thì mạnh, khi già lại yếu đuối, rõ biết điều này thì niệm ấy tùy đó mà

sanh, cũng giống như Đồng tử chẳng tương quan vậy, giống lúa mì chẳng sanh mầm lúa mì, nếu nhân quả tương quan mà luôn có sự sai biệt, giống lúa này, hạt mầm này, cành lá này là những vật theo đó mà sanh. Nếu một niệm lại chẳng thành thì nhân quả không lập, như hạt giống thì thường có một mầm, nhưng chẳng sanh là do sự tương quan khác nhau chẳng phải một, nên niệm được thành.

Người hỏi: Nếu tất cả các pháp đều là niệm xứ, thì niệm căn tức là niệm xứ, với nghĩa này chẳng tương ưng chăng?

Đáp: Làm cho luận này rõ ra, niệm tương tức là Tứ niệm xứ, hằng chuyển lấy cảnh giới phân biệt về căn vậy, giống như trí căn và trí lượng.

Lại nữa niệm xứ có ba loại, một là tự tánh niệm xứ, thường sanh ức niệm (nhớ nghĩ lại việc xưa) giống như vua, hai là tạp niệm xứ, lấy pháp hay trợ duyên làm niệm, như vua, đại thân, tả hữu. Lại cũng gọi là thuộc về vua. Ba là cảnh giới niệm xứ, do niệm duyên này khởi, lại cũng gọi là niệm, như chỗ ở của vua, cho nên nói niệm căn tức là niệm xứ, nghĩa chẳng khác nhau.

Người hỏi: Nếu niệm riêng nó chẳng thể giữ lại một pháp, thì vì sao kinh nói: Có niệm nhưt thủ vậy?

Đáp: Niệm chính là sự thủ hộ (giữ gìn) Là đệ nhất tăng thượng duyên, cho nên nó nhất thủ, giống như không ai hơn vua vậy, như trong kinh nói: Tất cả các pháp niệm là tăng thượng duyên, vì giữ gìn vậy. Lại nữa một niệm có thể giữ gìn cho tất cả các việc làm, như kinh nói: Niệm này làm ở tất cả các nơi và tất cả các niệm đều có thể giữ gìn được sáu căn, giống như người gác cổng, lại niệm này có thể chép vào một tâm, giống như người lấy tay cầm giữ miệng âm dương của ống sáo. Lại có thể giữ một sự tương tục cho nên nói là nhất thủ, như giữ một con, lại sáu căn bị ràng buộc, đối với một niệm cột chân, chẳng thể tạo ra cảnh khác. Như sáu chúng sanh đồng cột vào một cây cột, cho nên kinh nói: Hữu niệm nhưt thủ.

Người hỏi: Vì sao có lúc có thể nhớ, có lúc lại chẳng nhớ?

Đáp: Có ba nhân duyên cho nên có thể sanh niệm, một là do sự huân tập nhiều lần, do thân, khẩu, ý như thấy trong mộng. Hai là tướng, do tướng thuận nghịch mà nhớ, giống như hoặc cảnh không giống. Ba là trường tịnh, do tâm thanh tịnh niệm ấy thường khởi. Như bình chứa nước trong được thấy rõ mặt mình. Nếu ngược lại ba việc ấy tức chẳng thể nhớ nghĩ. Lại nữa lúc sắp chết và lúc sắp sanh đều khổ sở bức bách, quên mất chánh

niệm, cho nên chẳng nhớ lại đời trước. Lại nữa có sáu nhân duyên có thể sanh niệm như kệ nói sau:

Thuận nghịch và huân tập

Một nơi cùng hội tụ

Định lực và nhân lực

Sáu niệm này là nhân

Thuận tức là như thấy kẻ kia giống con của mình, nên liền nhớ lại. Nghịch nghĩa là do gặp nóng quá cho nên nhớ lại lúc xưa quá lạnh. Số tập nghĩa là như những tập quán và những việc làm tự nhiên nhớ lại. Một xứ hội tụ nghĩa là như người thấy cây Ám la (xoài) liền nhớ lại vị chua. Định lực có nghĩa là như được Tam minh, người nhớ lại những việc đời trước. Nhơn lực có nghĩa là như Thánh nhơn và những Đại hành giả nhớ về đời sống quá khứ của mình.

Người hỏi: Tam Ma Địa nghĩa là thế nào?

Đáp: Kinh nói rằng tâm định ở yên, ấy là Tam Ma Địa. A Tỳ Đạt Ma tạng cũng nói: Có thể nhiếp pháp chẳng tán loạn, ấy gọi là Tam Ma Đề. Tâm này tương tục, phiền não ác phong không thể động được, như ngọn đèn trong thất vậy. Tam Ma Đề lại có hai loại, nghĩa là thế gian và xuất thế gian. Thế gian nghĩa là có thể sanh quả báo của thế gian và cùng với giác phần lìa khỏi, có thể hàng phục

thượng tâm hoặc. Xuất thế gian nghĩa là có thể làm cho qua khỏi xa lìa thế gian và giác phần tương ứng. Có thể đánh tan những sự mê muội hoặc. Làm cho rõ ràng luận này tức là xuất thế gian định.

Người hỏi: Tướng gì? Dụng gì? Duyên gì? Nghĩa gì?

Đáp: Tâm định trụ ấy là tướng, hàng phục đối trị ấy là dụng, nương vào tâm để học, ấy là duyên và theo Tạng luận nói: Nhất tâm ấy là tướng, chẳng tán loạn ấy là dụng, tứ định chính là duyên. An tâm làm cho ngay thẳng, ấy là nghĩa. Như trước các luận sư đã giải thích: Thế gian nói dùng mũi tên Tam Ma Đề. Lời nói này chính là sự điều chỉnh cho mũi tên ngay ngắn, như vậy sự điều tâm ngay ngắn liên tục ấy gọi là Tam Ma Đề như kệ sau:

Tâm chạy nhảy loạn động

Khó giữ và khó kềm

Kẻ trí khiến cho ngay

Như mũi tên chẳng khác

Lại có thể an tâm bình đẳng, giống như người giữ ngựa và cho xe ngựa chạy trên khúc đường khó khăn, kẻ quán hạnh cũng như thế, có thể đặt tâm mình vào nơi bình đẳng, nơi cảnh nơi tướng. Có thể kềm chế sự bất bình đẳng xấu ác. Đây gọi là Tam

Ma Địa, lại như bệnh ngũ cái (5 sự che khuất) tiêu trừ trở thành người không bệnh, gọi là Tam Ma Đề.

Hỏi: Chánh định nếu là định thì Tu Đà Hoàn thường không có dục sân, nếu chẳng phải như vậy tức sai đạo lý chăng?

Đáp: Chỗ đối trị của định là do kết quả thể nghiệm mà được định, giống như ngũ căn, lại chuyên tâm hướng về định, giống như con ong tụy cột ràng vào chỗ xấu ứ, nhưng tâm ấy là hoa sen. Cho nên rõ biết là thường ở nơi hoa, Thánh nhân lại cũng như vậy. Tuy ở nơi dục trần mà tâm an vui tịch tĩnh, cho nên thường hay biết là an trụ nơi định. Lại như Tu Đà Hoàn tuy vô minh còn, nhưng sự sáng ấy chẳng mất. Lại như Phật Bà Già Bà tuy có giác quán mà chẳng ra khỏi tâm tán loạn, thường ở nơi định. Định của người Tu Đà Hoàn cũng như thế, cho nên chẳng khác với chân lý.

Hỏi: Thánh đạo tám phân lần lượt như thế nào?

Đáp: Do có thể nương vào lý để quán Thánh đế, cho nên trước lập chánh kiến, đối với chỗ quán pháp chấp thị chẳng xả, lần theo lập chánh giác. Từ đây lần lượt lập chánh ngôn, chánh nghiệp, chánh mệnh. Rồi theo chỗ quán pháp lúc lìa lúc được, nên lập tinh tấn. Rồi để chỗ lìa vĩnh viễn chẳng quên

nên lập chánh niệm. Do niệm chẳng mất nên đối với chỗ cảnh thấy ấy tâm chẳng tán loạn lại lập nên chánh định.

Lại nữa nếu 8 pháp đầy đủ khởi lên tức chẳng theo thứ lớp, mà thứ lớp ấy nói là không đúng với đạo lý. Nếu người khởi lên sự ham muốn Niết Bàn thì đầu tiên nên tìm chánh kiến, nếu người muốn làm thì làm phải có mắt, như chỗ thấy lý chấp đã được chọn lựa và theo đó lập chánh giác. Rồi theo chỗ chọn lựa mà lập nên chánh ngôn, vì sao vậy? Nếu có ngôn ngữ (lời nói) nương vào nơi giác quán, như nói mà làm rồi lập nên chánh nghiệp. Hai sự thanh tịnh này lần lượt lập nên chánh mệnh, người này an trụ nơi giới và khởi lên sự siêng năng tinh tấn. Khi có tinh tấn rồi thì mệnh chẳng mất, kế tiếp lập nên chánh niệm và do có niệm cho nên tâm nhưt như không tán loạn, kế đến ấy là định.

Lại nữa A Tỳ Đạt Ma luận tạng có nói: Việc làm này dùng trí huệ để làm căn bản, vì sao vậy? Vì cảnh của Tứ đế thâm sâu, không thể không dùng trí huệ thì sẽ không rõ nghĩa được. Đầu tiên thành lập chánh kiến, tâm tiếp xúc với cảnh này, sau đó lập chánh giác (chánh tư duy). Do hai phần này đối với trong Tứ đế là tự làm cho hiểu biết. Sau đó lập chánh ngôn (chánh ngữ), do hai phần trước như phát ra lời nói và việc làm, kế tiếp lại thành lập

chánh nghiệp. Do hai phần trước mà miệng nói, thân làm thọ dụng Tứ Đế, tiếp theo thành lập chánh mệnh. Khi sách tấn thân tâm tiến lên chân lý thì thành lập tinh tấn, do sự tinh tấn này mà đối với Tứ Đế cảnh, tâm dùng để lắng đọng thanh tịnh.

Kế theo là lập chánh niệm, do chánh niệm này đối với Tứ Đế cảnh và tâm cùng các pháp vĩnh viễn chẳng tán loạn. Sau cùng lập nên chánh định. Lại do chánh kiến mà thấy được việc làm của người và chẳng đọa vào nơi tăng thượng mạn, có thể như thật phân biệt và tự chứng đắc. Do chánh giác mà phát khởi lên lời nói chân chánh. Đây là sự tự chứng được và có thể truyền đến cho người khác, do chánh ngôn này có thể lập, có thể phá và có thể quyết nghị, làm cho lòng tin kia có được trí huệ.

Do có chánh nghiệp nên thà bỏ thân mạng chứ không phạm tội phi pháp, cho nên làm cho lòng tin kia có chỗ thánh thiện và yêu mến giới, nương vào pháp như điều cần nơi Tứ duyên vậy.

Do chánh mệnh mà làm cho lòng tin kia có được hạt giống Thánh và trí đầy đủ. Lại do chánh kiến, chánh giác, đó chính là nguyên nhân của lời nói chân thật giống như sư tử hống.

Do chánh nghiệp, chánh mệnh có thể hiển thị chỗ nghĩa để nói. Do chánh tinh tấn mà chỗ chưa

được liền làm cho được, chỗ chưa diệt làm cho diệt. Do có chánh niệm mà lúc chìm nổi chẳng quên ba tướng, cho nên định vô chướng, do có chánh định diệt trừ định chướng, có thể dẫn đến Lục thông. Với cái đức ấy sau này đầy đủ sẽ được giải thoát.

Theo A Tỳ Đạt Ma tạng nói: Do chánh kiến cho nên nói tín căn, tín lực và dục, vì sao vậy? Do có trí huệ nên tín dục thành tựu, do tinh tấn nên có thể nhiếp chánh căn và tinh tấn căn lực giác phần. Do chánh định cho nên nhiếp tâm như ý túc, cùng định căn, định lực, hỷ, ý, xả, định giác phần v.v . là do ở nghĩa này vậy. Nên biết rằng ấy chính là 37 phẩm, trong đó có Bát Thánh đạo.

Lại nữa chánh kiến và chánh niệm đây chính là Tỳ Bà Xá Na phân (vipas-yana: quán kiến). Do sự diệt vô minh này nên huệ giải thoát chính là quả và đạo phần khác thuộc Xa Ma Tha (Samatha: định, chỉ). Do việc lìa dục cho nên tâm giải thoát ấy là quả, cho nên lược nói đạo có hai phần, một là Tỳ Bà Xá Na (quán) và hai là Xa Ma Tha (chỉ). Lại nữa trong luận tạng nói: Chánh ngôn, chánh nghiệp, chánh mệnh là ba tụ giới, do có giới này mà đánh bật gốc rễ của sự ngu si ác độc. Chánh giác, chánh tinh tấn, chánh định là ba định tụ, do đây mà đánh bật những tham dục và các căn xấu ác. Chánh kiến, chánh mệnh là hai tụ của huệ, do đây phá trừ các

căn vô minh xấu ác, chính là ở nghĩa này vậy. Đạo ấy có ba phần.

Đạo này cũng có bốn phần, một là Phương tiện đạo, do điều vô ngại này mà đạo sanh. Vô ngại đạo cũng còn gọi là Phương tiện. Hai là Vô ngại đạo, điều chánh có thể trừ các chướng ngại và lấy đó làm đối trị, hoặc chẳng ngại, nên gọi là Vô ngại. Ba là Giải thoát đạo, Giải thoát vô ngại đạo, chổ phá các hoặc. Đầu tiên là giải thoát. Bốn là Thắng đạo, từ sau Giải thoát đạo, ngoại trừ các đạo đều có tên là Thắng đạo.

Hỏi: Tại sao bốn điều này gọi là đạo?

Đáp: Do sự thắng tới Niết Bàn cho nên gọi là Đạo.

Hỏi: Nếu vậy thì Giải thoát đạo và Thắng đạo tên gọi là đạo gì?

Đáp: Đạo có nhiều loại, chẳng đời khác như làm cho trước ra sau và có thể đến Vô Dur Niết Bàn, nên gọi tên là Đạo. Lại nữa đạo có bốn loại, một là khổ đạo trì trí (đạo khổ, trí chậm), hai là khổ đạo tốc trí (đạo khổ, trí nhanh), ba là lạc đạo trì trí (vui đạo, trí chậm), bốn là lạc đạo tốc trí (vui đạo, trí nhanh). Lạc đạo nghĩa là nương vào 4 định đầy đủ, định huệ bình đẳng, vô công dụng hành. Đây chính là nghĩa vậy, tên gọi là Lạc đạo, lia điều này ra thì

gọi là khổ đạo. Nghĩa là nương vào vị lai định, trung gian định và tam không định.

Bát cụ phân (phần không đủ), định huệ bất đẳng (định huệ chẳng cùng nhau), hữu công dụng hành (có công dụng khi thực hành), vị lai định (cái định trong vị lai), hữu huệ thiếu định (có huệ ít định), tam không hữu định thiếu huệ (ba không có định ít huệ), trung gian định, phần bất cụ, định huệ đều ít. Với những nghĩa trên nên gọi là khổ đạo. Trong này có hai đạo, nếu người có được tín căn thì gọi là trì hành (đi chậm), nếu người có được trí căn thì gọi là tốc hành (đi nhanh). Trong Bát Thánh đạo này ước định, ước căn có bốn loại hành.

Lại nữa nói là Thánh đạo hay nói 37 phẩm trợ giác (trợ đạo) pháp nào là giác? Lấy tận trí vô sanh trí gọi là giác. Do ba loại người thành ba phẩm giác, nghĩa là Thanh Văn bò đề, Bích Chi bò đề, Vô thượng bò đề hay diệt trừ vô minh làm cho vô dư, đây chính là tự mình làm và chẳng làm trở lại nữa, như thật giác nên có tên là giác.

Trợ có nghĩa là 37 pháp tùy tùng (giúp cho đến) chỗ tận trí, vô sanh trí, nên gọi là trợ. Do tên gọi nên nói là 37 chẳng do ở nơi thể. Luận này nếu chỉ nói ở thể thì chỉ có 10, nghĩa là: Tín, Tinh tấn, Niệm, Định, Huệ, Hỷ, Khinh an, Xả, Giới, Giác. A

Tỳ Đạt Ma luận sư nói: Thê lại có đến 11, tức là khai giới là hai, đó là thân, khẩu. Lại có A Tỳ Đạt Ma luận sư nói: Thê có đến 13, nghĩa là Túc, Dục và Tâm, trải qua tất cả các pháp được đắc, đều gọi là trợ giác (trợ đạo). Đây là sự biến đổi của 10 loại. Nói là 37 nghĩa là có: Tứ niệm xứ, Tứ chánh cần, Tứ như ý túc, Ngũ căn, Ngũ lực, Thất giác phần (Thất bồ đề phần) và Bát Thánh đạo.

Hỏi: Phàm có bốn nơi, một là Sơ phát hành vị, hai là Thông đạt vị, ba là Kiến vị, bốn là Tu vị.

Hỏi: Lân lượt ra sao?

Đáp: Kẻ quán hạnh, trụ ở nơi giới, rồi có thể rõ biết sanh tử là sai trái và Niết Bàn là công đức, lia Tứ đế quán vô phân biệt phương tiện, hay rõ biết chỗ sai trái của công đức, rồi nhiếp nhiều cảnh, tán tâm làm cho ở lại một nơi. Vì sanh ra sự đối trị, hàng phục bốn sự điên đảo, làm cho tâm như lý, nhập vào Tứ đế quán, cho nên nói là đầu tiên ở nơi Tứ niệm xứ. Do quán riêng biệt các pháp của Tứ niệm xứ rồi, có thể thủ, có thể xả. Vì giữ thiện và bỏ ác cho nên tu hành chánh cần, nguyên nhân là quán Tứ niệm, Chánh cần được thành tựu. Do chánh cần quán tướng hoặc chướng thanh tịnh rồi, trợ pháp được lập để tâm tùy theo ý mà trụ.

Tiếp theo đó thành lập Tứ như ý túc, do định lực này mà chẳng nghi về cảnh và tâm có sự tăng trưởng. Do lòng tin này mà chẳng giải đãi, tâm có tăng trưởng, do sự tinh tấn này mà được tâm thiện. Có trợ lực, không chướng ngại, đối với việc quên cảnh, tâm có sự tăng trưởng, do niệm này mà nhiếp ở một cảnh. Đối với việc không tán loạn, tâm có sự tăng trưởng, do định này mà như thật quán cảnh, tâm có sự tăng trưởng. Do đương thể tăng trưởng cho nên chẳng thoái vị. Tâm có sự tăng trưởng, do chẳng thoái vị. Đối với Thông đạt phần, tâm có sự tăng trưởng, rồi tiếp theo thành lập Ngũ căn và Ngũ căn này tăng trưởng cho đến tối thượng thượng phẩm, hạ hoặc chẳng thể phá hoại được. Ngoài ra thế gian pháp chẳng có gì có thể hơn, vô lưu tâm lần lượt duyên vào, chẳng thoát Thánh vị. Đây là nghĩa vậy.

Kế đến thành lập Ngũ lực, đã thấy ta, người, được, mất, rồi được con đường chân chánh, rồi được sự quyết tâm, rồi được mắt, rồi được chân. Do Ngũ lực nên được xuất tuế hành. Kế tiếp là thành lập Bát Thánh đạo, do Bát Thánh đạo phá kiến đế hoặc rồi, được gần tận trí, vô sanh trí và chuyển con đường này thành Thất giác phần (Thất bồ đề phần). Đây chính là sự lập thành theo thứ tự của 37 phẩm. Tứ niệm xứ quán túc là Sơ phát hành vị, tức là giải

thoát phần, Tứ chánh cần nghĩa là Nhẫn vị, Tứ như ý túc, tức là Danh vị, Ngũ căn tức là Tướng vị, Ngũ lực tức là Đệ nhất pháp vị. Bốn loại này gọi là Quyết liễu vị, Bát Thánh đạo gọi là Kiến vị, Thất giác phần gọi là Tu vị, Tận trí, Vô sanh trí gọi là Cứu cánh vị. Đây là quả không có nhân, chẳng lập làm đạo.

Lại nữa đạo này hoặc nói là Phạm luận, Phạm luận có nghĩa là Phật Thế Tôn và các đệ tử sở chuyên. Thánh đạo này có sáu ý nghĩa, giống như bánh xe, một là Túc Tật hành, nghĩa là hoặc nhất tâm, hoặc mười hai tâm, hoặc 15 tâm, biến hành vào tam giới Tứ Đế cho nên gọi là Túc Tật. Hai là bỏ đây đến kia, nghĩa là xả bỏ thế gian và đến xuất thế gian. Ba là Thượng hạ hành, nghĩa là hoặc tại pháp nhãn, hoặc ở loại nhĩ y n. Bốn là từ đây đến kia, nghĩa là từ Thầy đến Thầy tương tục giải bày và mãi cho đến đệ tử cũng tương tục giải bày. Năm là tương tự như trục quay của bánh xe.

Giới có ba phần làm trục, chánh kiến, chánh giác, chánh tinh tấn, chánh niệm làm cần, chánh định làm sườn xe như xe của Thánh vương, chưa điều phục sẽ được điều phục, đã điều phục có thể giữ gìn. Do hay hàng phục những đạo vô ngại và giải thoát đạo hay giữ lại. Do đây mà có nghĩa ấy, gọi tên là Phạm luận.

Lại nữa Bát Thánh, chánh kiến có 5 phần, giới có sáu loại, nghĩa là ba nghiệp, chỉ bày chẳng chỉ bày. Tinh tấn có 9 phần, chánh niệm có 8 phần, chánh định lại có 8 phần. Thánh đạo này nếu nói rộng ra, tức có 37 phần, nếu nói vừa thì có 8 phần, nếu lược nói hoặc 3 phần, hoặc hai phần, kệ rằng:

Nếu người cầu Niết Bàn
Diệt ngưng và lia khéo
Nên thường hành tinh tấn
Nghe, nghĩ, tu Tứ Đế.

Luận về Bốn Chân Lý hết quyển bốn, trọn bộ.

Dịch xong vào ngày rằm tháng 7 nhuận năm Bính Tuất, Phật lịch 2550, Dương lịch nhằm ngày 7 tháng 9 năm 2006 tại thư phòng chùa Viên Giác Hannover, Đức quốc, nhân lễ truyền giới Sa Di cho các đệ tử của Hạnh Tấn, gồm: Đồng Tú, Diệu An, Diệu Vân, Diệu Ninh và chú Thiện Châu, đệ tử y chỉ của Thầy Đồng Văn.

V. Cùng Một Tác Giả

1	Truyện cổ Việt Nam 1 & 2 ⁽¹⁾	Nhật ngữ	1974, 1975
3	Giọt mưa đầu hạ (*)	Việt ngữ	1979
4	Ngõ ngang (*)	Việt ngữ	1980
5	Lịch sử Phật Giáo Việt Nam Hải Ngoại trước và sau năm 1975 (*)	Việt & Đức ngữ	1982
6	Cuộc đời người Tăng sĩ (*)	Việt & Đức ngữ	1983
7	Lễ nhạc Phật Giáo (*)	Việt & Đức ngữ	1984
8	Tình đời nghĩa đạo (*)	Việt ngữ	1985
9	Tìm hiểu giáo lý Phật Giáo (*)	Việt & Đức ngữ	1985
10	Đời sống tinh thần của Phật Tử Việt Nam tại ngoại quốc	Việt & Đức ngữ	1986
11	Đường không biên giới (*)	Việt & Đức ngữ	1987
12	Hình ảnh 10 năm sinh hoạt Phật Giáo Việt Nam tại Tây Đức	Việt & Đức ngữ	1988
13	Lòng từ Đức Phật (*)	Việt ngữ	1989
14	Nghiên cứu Giáo Đoàn Phật Giáo thời nguyên thủy I, II(*), III(*)	Việt & Đức ngữ	1992
		Nhật ngữ ra	1991
17	Tường thuật về Đại hội Tăng già Phật Giáo thế giới kỳ 5 khóa I tại Hannover, Đức Quốc	Việt ngữ	1993
		Anh ngữ	
		Đức ngữ	
18	Giữa chôn cung vàng (*)	Việt ngữ	1994
19	Chùa Viên Giác	Việt ngữ	1994
20	Chùa Viên Giác	Đức ngữ	1995
21	Vụ án một người tu (*)	Việt ngữ	1995
22	Chùa Quan Âm (Canada) (*)	Việt ngữ	1996
23	Phật Giáo và con người (*)	Việt & Đức ngữ	1996
24	Khóa giáo lý Âu Châu kỳ 9	Việt & Đức ngữ	1997
25	Theo dấu chân xưa (*) (Hành hương Trung quốc I)	Việt ngữ	1998
26	Sống và chết theo quan niệm của Phật Giáo (*)	Việt & Đức ngữ	1998
27	Hội kiến với Đức Đạt Lai Lạt Ma	Việt & Đức ngữ	1999
28	Vọng cổ nhân lâu (Hành hương Trung Quốc II)	Việt ngữ	1999
29	Có và Không	Việt & Đức ngữ	2000
30	Kinh Đại Bi (*) (dịch từ Hán văn ra Việt văn)	Việt & Đức ngữ	2001

(¹): hết sách

31	Phật thuyết Bồ Tát Hành Phương Tiện Cảnh Giới Thần Thông Biến Hóa Kinh(*)	dịch từ Hán văn ra Việt ngữ	2001
32	Bhutan có gì lạ?	Việt ngữ	2001
33	Kinh Đại Phương Quảng Tổng Trì (*)	dịch từ Hán văn ra Việt ngữ	2002
34	Cảm tạ xứ Đức (*)	Việt & Đức ngữ	2002
35	Thư tòa soạn báo Viên Giác trong 25 năm (1979 - 2003,2004)	Việt ngữ	2003
36	Bốn sự kinh (*)	dịch từ Hán văn ra Việt ngữ	2003
37	Những đoạn văn viết trong 25 năm qua	Việt & Đức ngữ	2003
38	Phát Bồ Đề Tâm kinh luận (*)	Dịch từ Hán văn sang Việt ngữ	2004
39	Đại Đường Tây Vực Ký	Dịch từ Hán văn sang Việt ngữ	2004
40	Làm thế nào để trở thành một người tốt	Việt ngữ	2004
41	Dưới cội bồ đề	Việt ngữ	2005
42	Đại Thừa Tập Bồ Tát Học Luận	Dịch từ Hán văn sang Việt ngữ	2005
43	Bồ Đề Tư Lương luận (*)	Dịch từ Hán văn Sang Việt ngữ	2005
44	Phật nói luận A Tỳ Đàm về việc thành lập thế giới	Dịch từ Hán văn sang Việt ngữ	2006
45	Giải nhân và Hòa Thượng	Việt ngữ	2006
46	Thiền Lâm Tế Nhật Bản	Dịch từ Nhật ngữ ra Việt ngữ	2006
47	Luận về con đường giải thoát	Dịch từ Hán văn Sang Việt ngữ	2006
48	Luận về Bốn Chân Lý	Dịch từ Hán văn sang Việt ngữ	2007
49	Tịnh Độ Tông Nhật Bản	Dịch từ Nhật ngữ ra Việt ngữ	2007

.....

Quý vị muốn download những bài giảng pháp
của Thượng Tọa Phương Trượng Chùa Viên Giác Hannover
thì xin vào trang :

www.phatgiaowi.de; www.quangduc.com
www.viengiac.net; hoặc www.lotuspro.net.

Phương Danh Cúng
Đường